

BỘ GIÁO DỤC & ĐÀO TẠO

BỘ Y TẾ

TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y DƯỢC HẢI PHÒNG



**MINH CHỨNG HỒ SƠ ĐĂNG KÝ MỞ MÃ NGÀNH
ĐÀO TẠO THẠC SĨ ĐIỀU DƯỠNG**

Hải Phòng, tháng năm 2022

MỤC LỤC

A. Căn cứ pháp lý về quy trình mở mã ngành trình độ thạc sĩ của Trường Đại Học Y Dược Hải Phòng.....	3
B. Quy trình và hồ sơ mở ngành đào tạo trình độ thạc sĩ.....	6
I. Xây dựng, đề xuất và phê duyệt chủ trương mở ngành đào tạo	7
1. Nghị quyết Đảng Ủy BGH đề xuất chủ trương về việc Khoa rà soát năng lực mở ngành đào tạo	8
2. Tờ trình đề xuất chủ trương về việc mở ngành	19
3. Hội đồng khoa học và Đào tạo của cơ sở đào tạo tổ chức thẩm định chủ trương mở mã ngành đào tạo.....	25
4. Hội đồng Trường phê duyệt chủ trương mở ngành đào tạo (Nghị quyết của Hội đồng trường)	28
II. Xây dựng đề án, chuẩn bị điều kiện mở ngành đào tạo.....	34
1. Quyết định Hội đồng xây dựng CTĐT và tổ biên soạn đề án.....	35
2. Kế hoạch xây dựng CTĐT và điều kiện đảm bảo chất lượng.....	38
3. Biên bản xây dựng chương trình đào tạo.....	40
4. Các điều kiện đảm bảo chất lượng.....	42
4.1. Danh sách đội ngũ giảng viên và nghiên cứu khoa học (mẫu 1,2,3,4,5).....	61
4.2. Bảng thống kê về cơ sở vật chất, trang thiết bị phục vụ thí nghiệm, thực hành, thực tập .	97
5. Hợp đồng nguyên tắc về đào tạo thực hành.....	111
III. Thẩm định chương trình đào tạo và điều kiện đảm bảo chất lượng.....	125
1. Hội đồng thẩm định CTĐT và các điều kiện đảm bảo chất lượng tổ chức thẩm định đề án mở ngành đào tạo.....	126
2. Kết quả thẩm định đề án mở ngành đào tạo của Hội đồng thẩm định CTĐT và các điều kiện đảm bảo chất lượng	128
3. Quyết định ban hành chuẩn đầu ra chương trình đào tạo	136
4. Quyết định ban hành chương trình đào tạo.....	138
IV. Thẩm định quy trình, hồ sơ mở mã ngành đào tạo trình độ thạc sĩ	
1. Biên bản Hội đồng khoa học và Đào tạo thẩm định quy trình, hồ sơ mở mã ngành đào tạo trình độ thạc sĩ	140

**A. Căn cứ pháp lý về quy trình mở mã
ngành trình độ thạc sĩ của Trường Đại
Học Y Dược Hải Phòng**

BỘ Y TẾ
TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y DƯỢC
HẢI PHÒNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập- Tự Do- Hạnh Phúc

Hải Phòng, ngày 25 tháng 3 năm 2022

Số : ~~544~~./QĐ-YDHP

QUYẾT ĐỊNH

Về việc ban hành Quy trình mở mã ngành đào tạo trình độ thạc sĩ

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y DƯỢC HẢI PHÒNG

Căn cứ Quyết định số 06/1999/QĐ-TTg ngày 25/01/1999 của Thủ tướng chính phủ về việc thành lập Trường Đại học Y Hải Phòng ;

Căn cứ quyết định số 2153/QĐ-TTg ngày 11/11/2013 của Thủ tướng chính phủ về việc đổi tên Trường Đại học Y Hải Phòng thành Trường Đại học Y Dược Hải Phòng;

Căn cứ Thông tư 02/2022/TT – BGDDT ngày 18/01/2022 của Bộ Trưởng Bộ Giáo dục & Đào tạo quy định điều kiện, trình tự, thủ tục mở ngành hoặc chuyên ngành phép đào tạo, đình chỉ hoạt động của ngành đào tạo trình độ đại học, thạc sĩ, tiến sĩ ;

Căn cứ Thông tư 23/2021/TT – BGDDT ngày 30/8/2021 của Bộ Trưởng Bộ Giáo dục & Đào tạo ban hành Quy chế tuyển sinh và đào tạo trình độ thạc sĩ;

Căn cứ quyết định số 1359/QĐ-TTg ngày 15/10/2021 của Trường Đại học Y Hải Phòng về việc quy định xây dựng, phát triển, thẩm định và ban hành chương trình đào tạo của Trường Đại học Y Dược Hải Phòng;

Theo đề nghị của Ông: Trưởng Phòng Quản lý Đào tạo Sau đại học.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy trình mở mã ngành đào tạo trình độ thạc sĩ của Trường Đại học Y Dược Hải Phòng.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành.

Điều 3. Các ông (bà) Trưởng Phòng: Quản lý Đào tạo Sau đại học, Tài chính kế toán, các Khoa/Bộ môn liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- Lưu: VT; QLĐTSDH.



HIỆU TRƯỞNG

PHÓ HIỆU TRƯỞNG

PGS. TS. *Phạm Văn Linh*

BỘ Y TẾ
TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y DƯỢC
HẢI PHÒNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

**QUY TRÌNH
MỞ MÃ NGÀNH ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ THẠC SĨ**

(Ban hành kèm theo Quyết định số: 544/QĐ-YDHP

ngày 25 tháng 3 năm 2022 của Hiệu trưởng Trường Đại học Y Dược Hải Phòng)

Bước	Nội dung	Đơn vị phụ trách	Đơn vị hỗ trợ
1	Lập chủ trương mở mã ngành: -Tờ trình và biên bản thông qua hội đồng Khoa học và Đào tạo về chủ trương mở mã ngành đào tạo -Nghị quyết hội đồng trường thông qua chủ trương về việc mở mã ngành đào tạo căn cứ trên kết quả thẩm định của Hội đồng Khoa học và Đào tạo	-Phòng Quản lý Khoa học -Văn phòng Hội đồng Trường	-Phòng QLĐTSDH -Khoa/Bộ môn
2	Quyết định thành lập hội đồng xây dựng chương trình đào tạo và đảm bảo chất lượng	-Phòng QLĐTSDH -Phòng TCCB	-Khoa/Bộ môn
3	Hội đồng xây dựng chương trình đào tạo và đảm bảo chất lượng xây dựng kế hoạch và thực hiện chương trình	-Hội đồng xây dựng chương trình đào tạo và đảm bảo chất lượng	-Phòng QLĐTSDH -Đơn vị DYH&NCKH -TTKT&QLCLGD -Khoa/Bộ môn
4	Hội đồng thẩm định về chương trình đào tạo và điều kiện đảm bảo chất lượng	-Phòng QLĐTSDH -Phòng TCCB	-Khoa/Bộ môn
5	Hội đồng Khoa học và Đào tạo thẩm định quy trình thực hiện đề án mở mã ngành đào tạo	-Phòng Quản lý Khoa học	-Phòng QLĐTSDH -Khoa/Bộ môn
6	Trình Bộ Giáo Dục hồ sơ đề án mở mã ngành	-Phòng QLĐTSDH	-Khoa/Bộ môn



HIỆU TRƯỞNG

PHÓ HIỆU TRƯỞNG

PGS. TS. *Phạm Văn Linh*

B. QUY TRÌNH VÀ HỒ SƠ MỞ NGÀNH ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ THẠC SĨ

I. Xây dựng, đề xuất và phê duyệt chủ trương mở ngành đào tạo

**ĐẢNG BỘ THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG
ĐẢNG ỦY TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y DƯỢC
HẢI PHÒNG**

ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM

Hải Phòng, ngày 06 tháng 4 năm 2022

Số: 21-NQ/ĐU

V/v họp Đảng ủy quý 2/2022

NGHỊ QUYẾT ĐẢNG ỦY QUÍ II/2022

Trong quý II/2022 Đảng ủy chỉ đạo các đơn vị trong nhà trường tập trung thực hiện các nội dung sau:

1. Công tác giáo dục chính trị tư tưởng:

a) Tiếp tục đẩy mạnh thực hiện Chỉ thị 05-CT/TW về "Tiếp tục học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh" trong đơn vị;

b) Tiếp tục triển khai công tác phòng chống dịch cùng với nhiệm vụ năm học 2021 - 2022, đẩy mạnh tuyên truyền cho cán bộ viên chức và sinh viên trong toàn trường tích cực tham gia phòng chống dịch Covid -19;

c) Tập trung tuyên truyền và phát động phong trào thi đua chào mừng ngày Giải phóng miền Nam thống nhất đất nước 30/4, ngày Quốc tế Lao động 01/5 và lễ kỷ niệm 67 năm ngày giải phóng thành phố Hải Phòng (13.5.1955 - 13.5.2022);

d) Triển khai và lồng ghép các hoạt động xây dựng sứ mệnh, tầm nhìn, giá trị cốt lõi, triết lý giáo dục của các khoa vào quá trình rà soát các chương trình giảng dạy các chuyên ngành, gắn với sứ mệnh, tầm nhìn, giá trị và triết lý của trường.

2. Công tác xây dựng Đảng và Cán bộ

2.1. Công tác xây dựng Đảng

a) Công tác phát triển đảng viên: Xét chuyển đảng chính thức cho **01** đảng viên dự bị và kết nạp đảng cho **13** quần chúng ưu tú trong tháng 4/2022

b) Hướng dẫn các chi bộ sinh viên năm cuối làm thủ tục chuyển sinh hoạt đảng về địa phương theo quy định;

c) Phối hợp với Trung tâm chính trị quận Ngô Quyền tổ chức lớp bồi dưỡng đảng viên mới cho đảng viên dự bị;

d) Xây dựng kế hoạch tổng kết 15 năm thực hiện Nghị quyết số 27-NQ/TW, ngày 06/8/2008 của Ban Chấp hành Trung ương (khoá X) về “Xây dựng đội ngũ trí thức trong thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước”;

e) Triển khai chương trình hành động thực hiện Chỉ thị số 30-CT/TW, ngày 22/01/2019 của Ban Bí thư về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng và trách nhiệm quản lý của Nhà nước đối với công tác bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng trên địa bàn thành phố Hải Phòng;

f) Cử cán bộ tham dự lớp Cao cấp lý luận chính trị năm 2022;

g) Tổ chức quán triệt, triển khai thực hiện nội dung Kết luận, Quy định của Hội nghị Trung ương 4 (Khoá XIII), Kế hoạch số 122-KH/TU ngày 28/02/2022 của Ban Thường vụ Thành uỷ và hướng dẫn số 35-HD/BTGTU tổ chức đợt sinh hoạt chính trị về xây dựng Đảng và hệ thống chính trị;

h) Chỉ đạo UBKT Đảng uỷ triển khai chương trình kiểm tra cấp uỷ theo kế hoạch năm 2022.

2.2. Công tác Cán bộ

Hoàn thiện phương án kiện toàn tổ chức, nhân sự lãnh đạo các Khoa Y, Khoa Khoa học cơ bản.

3. Công tác lãnh đạo các đoàn thể quần chúng

3.1. Công đoàn:

a) Hướng dẫn các khối công đoàn bình xét cán bộ viên chức giỏi năm 2021 gửi Công đoàn Y tế Việt Nam xét duyệt;

b) Làm quy trình bầu bổ sung uỷ viên BTV, Phó Chủ tịch và Chủ nhiệm UBKT Công đoàn trường nhiệm kỳ 2017-2022;

c) Hướng dẫn các khối công đoàn hồ sơ xét Bằng Lao động sáng tạo năm 2021;

d) Chuẩn bị kế hoạch nghỉ Lễ Giỗ Tổ Hùng Vương (10/3 âm lịch), ngày Giải phóng miền Nam 30/4/2022 và Quốc tế Lao động 01/5/2022, tặng quà cho các cháu thiếu nhi nhân dịp 1/6/2022 và kế hoạch du lịch hè cho cán bộ viên chức năm 2022.

3.2. Đoàn TN và Hội sinh viên:

a) Tổ chức Đại hội Đoàn trường Đại học Y Dược Hải Phòng lần thứ XX, nhiệm kỳ 2022-2024;

- b) Hướng dẫn sinh viên làm hồ sơ Sinh viên 5 tốt cấp trường, cấp thành phố;
- c) Tổ chức ngày hội hiến máu nhân đạo tháng 6/2022;
- d) Lấy ý kiến chuẩn bị tổ chức Hội nghị dân chủ sinh viên;
- e) Chuẩn bị chiến dịch Thanh niên tình nguyện hè, tiếp sức mùa thi năm 2022.

3.3. Công tác Dân quân tự vệ

a) Tổ chức huấn luyện cán bộ cấp Trung đội, tiểu đội theo kế hoạch của Khối 10 Ban CHQS Tự vệ thành phố Hải Phòng đã được Bộ CHQS thành phố phê duyệt;

b) Báo cáo Bộ CHQS thành phố về việc đăng ký và triển khai xây dựng 01 nhà tình nghĩa cho gia đình chính sách, đối tượng Người có công với cách mạng của dân tộc theo kế hoạch số 772/KH-BCH, ngày 07/02/2022 của Bộ CHQS thành phố về hoạt động đền ơn đáp nghĩa của lực lượng vũ trang thành phố năm 2022;

c) Phối hợp cùng Ban CHQS Tự vệ công ty Vicem Hải Phòng (khối phó) tổ chức Hội nghị sơ kết 6 tháng đầu năm và triển khai nhiệm vụ 6 tháng cuối năm của Khối 10 Ban CHQS tự vệ thành phố theo quy chế hoạt động của Khối.

3.4. Hội Chữ thập đỏ

Tổ chức Đại hội Hội chữ thập đỏ Trường Đại học Y Dược Hải Phòng, nhiệm kỳ 2022-2027

4. Công tác lãnh đạo thực hiện nhiệm vụ

4.1. Đào tạo Đại học, sau đại học, NCKH và HTQT

4.1.1. Đào tạo Đại học

*** Công tác tuyển sinh - tốt nghiệp**

a) Hoàn thiện báo cáo xác định chỉ tiêu tuyển sinh theo hướng dẫn của Bộ GD&ĐT;

b) Tổ chức họp HĐTS thông qua đề án tuyển sinh, thống nhất về chỉ tiêu và phương thức tuyển sinh; kế hoạch công tác tuyển sinh năm 2022;

c) Công bố đề án tuyển sinh năm 2022; thông báo tuyển sinh chính quy năm 2022; tuyển sinh liên thông chính quy, liên thông VLVH 2022;

d) Xây dựng kế hoạch và triển khai công tác truyền thông tuyển sinh năm 2022;

e) Tổ chức Hội đồng xét chuẩn đầu ra về ngoại ngữ tin học đối với SV năm cuối.

*** Công tác quản lý đào tạo**

a) Tiếp tục tổ chức thực hiện kế hoạch năm học theo đúng tiến độ, dự kiến hoàn thành năm học để có thể tổng kết năm học trong tháng 7/2022;

b) Phối hợp với các khoa/bộ môn rà soát điều chỉnh chương trình đào tạo các ngành;

c) Ban hành “Quy định về tổ chức và quản lý học lại, học cải thiện, học bổ sung học vượt đối với sinh viên các hệ đào tạo trình độ đại học”;

d) Xây dựng kế hoạch làm việc cho công tác xét tốt nghiệp - Tuyển sinh từ tháng 4 - tháng 12/2022;

e) Tiến hành tổng rà soát kết quả học tập sinh viên năm cuối; tổ chức học kỳ phụ cho sinh viên cuối khóa; triển khai các văn bản hướng dẫn quy trình xét tốt nghiệp sinh viên cuối khóa;

f) Rà soát và xây dựng kế hoạch tổ chức học kỳ phụ cho sinh viên toàn trường;

g) Rà soát tiến độ năm học 2021-2022, xây dựng dự thảo kế hoạch giảng dạy năm học 2022-2023; lấy ý kiến góp ý hoàn thiện dự thảo kế hoạch giảng dạy năm học mới;

h) Tiếp tục phối hợp với các bệnh viện thực hành trong ký kết các hợp đồng thực hành;

i) Liên hệ khởi động tổ chức triển khai giảng dạy thực hành tại các bệnh viện tại Quảng Ninh;

j) Tiếp tục xây dựng, cập nhật các quy trình quản lý đào tạo.

*** Công tác quản lý sinh viên**

a) Tổ chức hướng dẫn và giám sát các hoạt động đội ngũ cố vấn học tập;

b) Tổ chức triển khai khóa học: “Hỗ trợ người học” cho đội ngũ CVHT của trường theo hướng dẫn, giám sát của HAIVN và thống nhất của 5 trường Y thuộc dự án HPET;

c) Phối hợp với phòng công tác chính trị và các khoa, đơn vị liên quan tổ chức hội chợ việc làm năm 2022;

d) Thực hiện các công tác phòng chống dịch và hỗ trợ chống dịch theo phân công của nhà trường và của thành phố.

*** Công tác kiểm định các CTĐT và đảm bảo chất lượng**

Tiếp tục thực hiện các công việc đảm bảo chất lượng; thực hiện xây dựng, cải tiến các hoạt động theo yêu cầu kiểm định các CTĐT RHM, YHCT, KTYH và CNDD và cung cấp các minh chứng về hoạt động quản lý đào tạo đại học.

4.1.2. Đào tạo sau đại học

*** Công tác tuyển sinh - tốt nghiệp**

a) Thành lập hội đồng tuyển sinh sau đại học 2022;

b) Xây dựng, thông qua và ban hành đề án tuyển sinh sau đại học 2022;

c) Thông báo tuyển sinh sau đại học 2022.

d) Làm việc với các địa phương và đơn vị đề tặng quy mô tuyển sinh sau đại học.

*** Công tác quản lý đào tạo**

a) Tiếp tục giám sát công tác quản lý đào tạo đúng theo kế hoạch;

b) Đơn đốc bộ môn Sản thực hiện bảo vệ luận văn CKII & BSNT, đảm bảo kế hoạch tốt nghiệp của Nhà trường;

c) Lên kế hoạch xây dựng các quy định, quy trình quản lý đào tạo các chương trình sau đại học;

d) Lên kế hoạch xây dựng các quy trình đào tạo sau đại học;

e) Hoàn thành các bước thẩm định hồ sơ mở mới mã ngành thạc sỹ Răng Hàm Mặt, Điều dưỡng, chuyên khoa I Điều dưỡng, Dược lý và Dược lâm sàng, Bác sỹ nội trú Răng Hàm Mặt; Thúc đẩy các bước hướng tới mở thêm các mã ngành sau đại học Y học dự phòng, Y học cổ truyền;

f) Phối hợp với phòng Quản lý khoa học nghiên cứu đề xuất phương án thông qua hội đồng đạo đức cho các đề tài đồ án tốt nghiệp, luận văn, luận án (trước hết là các đề tài nghiên cứu sinh) của trường;

*** Công tác đảm bảo chất lượng**

a) Triển khai hoạt động rà soát, đổi mới các chương trình đào tạo trình độ thạc sĩ và Bác sĩ Nội trú theo kế hoạch;

b) Phối hợp tham gia tự đánh giá các chương trình đào tạo thạc sĩ Nội, Nhi, Ngoại;

c) Chủ động tham gia mạng lưới đảm bảo chất lượng đào tạo.

4.1.3. Quản lý khoa học và hợp tác quốc tế

*** Quản lý Khoa học**

a) Ra quyết định phê duyệt và hỗ trợ kinh phí cho đề tài nghiên cứu cấp cơ sở năm 2022;

b) Hoàn thành việc phản biện các bản thảo đăng ký trình đăng trên các tạp chí khoa học uy tín trong nước (Y học Việt Nam, Y học dự phòng);

c) Tổng hợp và cập nhật theo thời gian các khoản chi đầu tư và kết quả hoạt động NCKH (*bài báo, hội nghị, hội thảo, sách...*) các năm 2020, 2021, nửa đầu năm 2022;

d) Xây dựng cơ sở dữ liệu để có thể truy xuất, báo cáo minh chứng hoạt động nghiên cứu khoa học (tiến hành trong quý II và quý III);

e) Tiếp tục kiểm tra, đôn đốc tiến độ và quản lý sát các đề tài nghiên cứu khoa học các cấp;

f) Hỗ trợ hoàn thiện hồ sơ, thủ tục thẩm định và thành lập các nhóm nghiên cứu mạnh cấp trường;

g) Tiếp tục xây dựng, cập nhật, hoàn thiện các quy trình có liên quan khác của phòng QLKH;

h) Tiếp tục thực hiện các công việc đảm bảo chất lượng, thực hiện xây dựng, cải tiến các hoạt động theo yêu cầu kiểm định các CTĐT;

i) Hoàn thiện số liệu và cung cấp minh chứng về hoạt động quản lý khoa học cho kiểm định các chương trình đào tạo;

j) Nghiên cứu đề xuất phương án thông qua hội đồng đạo đức cho các đề tài cơ sở, đồ án tốt nghiệp, luận văn luận án của học viên sau đại học của trường;

k) Phối hợp cùng phòng HTQT và các bộ phận có liên quan hỗ trợ Khoa Dược triển khai thủ tục xin phép Bộ Y tế và công tác tổ chức hội nghị Dược lâm sàng châu Á Thái Bình Dương (ACCP) tại trường Đại học Y Dược Hải Phòng;

*** Hợp tác Quốc tế**

a) Gửi thông báo tuyển sinh sinh viên Lào năm 2022 và lên kế hoạch xét tuyển sinh viên Lào năm 2022;

b) Tổ chức Hội thảo khoa học Pháp - Việt trực tuyến chủ đề “Đái tháo đường”;

c) Tiếp tục theo dõi lịch học và tình hình học tập của sinh viên Lào các khoá;

d) Tổ chức sinh hoạt Hợp tác Quốc tế lần thứ 6 dự kiến vào tháng 04/2022;

e) Hỗ trợ thủ tục đoàn ra;

f) Tiếp tục theo dõi và hỗ trợ 2 sinh viên Thuy Điền thực tập tại Trường;

g) Chuẩn bị thủ tục hỗ trợ đón các đoàn thực tập sinh Bỉ, Canada...

h) Hỗ trợ Khoa Dược và các phòng có liên quan trong nhà trường triển khai thủ tục xin phép BYT và các công tác chuẩn bị cho Hội nghị Dược lâm sàng châu Á Thái Bình Dương (ACCP) tại trường ĐHYD Hải Phòng;

4.1.4. Công tác Khảo thí và QLCLGD

a) Hợp và triển khai các hoạt động mạng lưới đảm bảo chất lượng bên trong;

b) Triển khai các hoạt động đánh giá ngoài 3 chương trình đào tạo Y khoa, Dược sỹ và thạc sỹ Y tế công cộng;

c) Rà soát, điều chỉnh Quy định 131/QĐ-YHDP ngày 02/3/2015 về việc xây dựng, quản lý ngân hàng đề thi/đáp án thi của các môn học/học phần và đẩy mạnh công tác thi trắc nghiệm;

d) Hoàn thiện kế hoạch tự đánh giá và đánh giá cho các chương trình đào tạo năm 2022;

e) Triển khai các hoạt động tập huấn bộ tiêu chuẩn tự đánh giá chương trình đào tạo cho 7 chương trình đào tạo;

f) Triển khai các hoạt động vận hành mạng lưới đảm bảo chất lượng bên trong;

g) Tiếp tục xây dựng hệ thống cơ sở dữ liệu về đảm bảo chất lượng; sổ tay đảm bảo chất lượng;

h) Tiếp tục phối hợp với phòng Đào tạo đại học, phòng Đào tạo Sau đại học và tất cả các Khoa/Bộ môn tổ chức thi cho tất cả chương trình đào tạo đảm bảo khách quan, công bằng và đúng quy chế.

4.2. Công tác Tổ chức nhân sự

- a) Hoàn thiện đề án Tự chủ Đại học trình Bộ Y tế phê duyệt;
- b) Hoàn thiện cơ cấu tổ chức các khoa: Khoa Y, Khoa Cơ bản và tổ chức lại một số bộ môn giữa các khoa tránh chồng chéo;
- c) Hoàn thành quy trình cấp phép thành lập Tạp chí khoa học của trường;
- d) Hoàn thành quy trình thành lập và xây dựng phương án kiện toàn nhân sự lãnh đạo khoa Khoa học cơ bản;
- e) Hoàn thiện và triển khai phương án kiện toàn Labo Trung tâm;
- f) Triển khai phương án đã được thống nhất về cơ cấu, tổ chức và số người làm việc của các đơn vị theo Nghị định 120/NĐ-CP của Chính phủ;
- g) Hoàn thành quy trình đổi tên các phòng Đào tạo đại học, Đào tạo Sau đại học;
- h) Hoàn thành quy trình sáp nhập Bộ môn Tâm lý-Đạo đức y học vào Trung tâm Mô phỏng lâm sàng;
- i) Thông qua và ban hành quy định chấm công;
- k) Triển khai quy trình bổ nhiệm Trưởng bộ môn Dược cổ truyền, Khoa Y học cổ truyền đối với TS. Nguyễn Thị Thu Hằng, Phó Giám đốc Bệnh viện Y học cổ truyền Hà Nội - Giảng viên kiêm chức Khoa Y học cổ truyền;
- l) Triển khai các bước trong quy trình bình xét Thầy thuốc nhân dân, Thầy thuốc ưu tú;
- m) Xây dựng kế hoạch tuyển dụng giảng viên hợp đồng năm 2022;
- n) Xây dựng chế độ, chính sách hỗ trợ để tăng cường công tác đào tạo giảng viên: dừng hỗ trợ giảng viên đi học Thạc sĩ từ năm 2023, tập trung ưu tiên hỗ trợ giảng viên đi học Nghiên cứu sinh.
- o) Thành lập đoàn công tác vào làm việc, học tập kinh nghiệm của trường Đại học Cần Thơ.

4.3. Hậu cần

4.3.1. Công tác Tài chính Kế toán

- a) Đôn đốc nợ đọng học phí để đáp ứng kế hoạch chi trong năm tài chính;
- b) Phối hợp phòng ĐTDH chi giải ngân tiền hỗ trợ chi phí học tập, miễn giảm học phí nguồn ngân sách nhà nước không thường xuyên;

c) Giải ngân quyết toán các gói thầu mua sắm nguồn vốn ngân sách nhà nước không thường xuyên năm 2021;

d) Phối hợp phòng Vật tư, phòng Quản trị trình Bộ Y tế danh mục sửa chữa, mua sắm TTB năm 2022;

e) Phối hợp với các phòng ban liên quan hoàn thiện đề án tự chủ;

f) Chính sửa quy chế chi tiêu nội bộ;

g) Tiếp tục triển khai công tác thu học phí, kinh phí đào tạo năm học 2021-2022;

h) Tham gia kiểm định chương trình đào tạo theo nhiệm vụ được giao;

i) Xây dựng phương án định mức thu dịch vụ trình Hội đồng trường;

j) Thực hiện chỉnh sửa quy chế tổ chức hoạt động, quy chế quản lý tài chính, quy chế chi tiêu nội bộ của Trung tâm Hợp tác và Phát triển Đào tạo và xây dựng dự thảo quy định mức thu học phí các khoá đào tạo cấp chứng chỉ/ chứng nhận.

4.3.2. Quản trị:

a) Tiếp tục thực hiện công tác phòng chống dịch Covid-19 theo các nội dung, kế hoạch của Nhà trường và Ban chỉ đạo phòng chống dịch;

b) Tiếp tục quản lý và sử dụng xe ô tô đưa, đón cán bộ, giảng viên đi công tác, giảng dạy và tham gia phòng, chống dịch Covid-19;

c) Thực hiện kiểm tra, rà soát, bảo trì, bảo dưỡng, sửa chữa thường xuyên cơ sở vật chất phục vụ kế hoạch năm học 2021-2022;

d) Tiếp tục triển khai thực hiện cải tạo sửa chữa tầng 5 nhà C theo tiến độ hợp đồng đã ký;

e) Tổ chức đấu thầu và triển khai các công việc tiếp theo sau khi được BHYT phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu xây dựng tường rào và mái chống nóng công trình nhà thực hành tiền lâm sàng và dự án: Cải tạo, sửa chữa tầng 1-4 nhà C và các hạng mục phụ trợ;

f) Tiếp tục triển khai công tác kiểm toán dự án hoàn thành khu thực hành tiền lâm sàng (phần việc đã hoàn thành) theo qui định;

g) Tổ chức lập báo cáo quyết toán dự án hoàn thành trình BHYT phê duyệt đối với dự án: Sửa chữa hội trường và hệ thống điều hòa không khí nhà A, 7 tầng; Hệ thống xử lý khí thải, nước thải theo qui định;

h) Tổ chức lập hồ sơ thiết kế và dự toán sửa chữa tầng 11 nhà thực hành tiền lâm sàng thành khu lâm sàng thuộc Trung tâm tương đương sinh học và thử nghiệm lâm sàng;

i) Xây dựng và biên tập lại không gian phòng Truyền thống tại tầng 1 nhà B;

k) Phối hợp với phòng TCKT tổ chức thanh quyết toán, giải ngân vốn đầu tư theo kế hoạch thu chi tài chính được phê duyệt;

l) Tiếp tục phối hợp với các đơn vị liên quan và hội đồng kiểm định CTĐT thực hiện công tác chuẩn bị cho đánh giá ngoài các CTĐT Y khoa, Dược sĩ và thạc sĩ YTCC theo kế hoạch;

m) Phối hợp với các đơn vị liên quan và hội đồng kiểm định thực hiện báo cáo tự đánh giá 07 CTĐT (ngành Răng Hàm Mặt, YHCT, Điều dưỡng ...) theo kế hoạch được giao.

4.3.3. Vật tư - Trang thiết bị:

a) Xây dựng danh mục mua sắm thiết bị để nâng cấp hệ thống CNTT trong trường;

b) Tiếp tục phục vụ cơ sở vật chất cho năm học 2021-2022 trên tinh thần đầy mạnh thực hành tiết kiệm, chuẩn bị các nội dung tổng kết năm học;

c) Hoàn thiện dự án xây dựng, phát triển cơ sở vật chất năm 2021, giám sát đôn đốc việc bàn giao thiết bị, đưa vào sử dụng tại các đơn vị, tiếp tục triển khai dự án năm 2022;

d) Thực hiện việc bảo dưỡng thiết bị máy móc - trang thiết bị;

e) Đẩy mạnh các hoạt động kiểm định: đánh giá ngoài 3 chương trình và tiến hành kiểm định 7 chương trình năm 2022 theo tiến độ chung toàn trường;

f) Tham gia nhân lực phòng chống dịch khi được huy động.

4.4. Công tác Bệnh viện:

a) Tiếp tục thực hiện công tác phòng, chống dịch COVID 19 trong tình hình mới theo đúng chỉ đạo của các cấp, ban, ngành. Tổ chức sàng lọc, phân luồng, kê khai thông tin dịch tễ theo đúng quy định;

b) Tiếp tục thực hiện tiêm chủng Vắc xin COVID-19 cho các đối tượng theo sự phân công của thành phố Hải Phòng;



c) Thực hiện tốt công tác chuyên môn khám bệnh, chữa bệnh theo quy chế bệnh viện;

d) Tiếp tục triển khai hoạt động phòng khám Hậu Covid-19;

e) Tiếp tục triển khai khám sức khỏe định kỳ cho các tổ chức, cơ quan, doanh nghiệp;

f) Tiếp tục thực hiện xét nghiệm kháng định theo chỉ đạo của thành phố và của Ban Phòng chống dịch của Nhà trường và Bệnh viện tại chốt Bệnh viện;

g) Triển khai quy trình việc bổ nhiệm lại và bổ nhiệm mới một số cán bộ các khoa phòng;

h) Xây dựng kiện toàn lại một số đơn vị thuộc bệnh viện;

i) Thực hiện kế hoạch bố trí sắp xếp một số khoa phòng sang khu vực mới;

k) Chuẩn bị cho việc hoạt động một số khoa phòng tại khu tòa nhà mới;

l) Tiếp tục thực hiện kế hoạch cử CBNV đi đào tạo chuyên môn, nghiệp vụ.

m) Tiếp tục đầu tư mua sắm trang thiết bị máy móc, sinh phẩm hóa chất phục vụ cho công việc hoạt động chuyên môn;

n) Phê duyệt vị trí việc làm năm 2022;

p) Chuẩn bị kế hoạch nghỉ Lễ Giỗ Tổ Hùng Vương 10/3 âm lịch, nghỉ Lễ Giải phóng miền Nam 30/4 và Quốc tế Lao động 01/5/2022.

Nơi nhận:

- BCH Đảng ủy (để chỉ đạo);
- Các Chi bộ (để thực hiện);
- Lưu VP Đảng ủy.

**T/M ĐẢNG ỦY
BÍ THƯ**



Phạm Minh Khuê



BỘ Y TẾ
TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y DƯỢC
HẢI PHÒNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 02/TTr-YDHP

Hải Phòng, ngày 14 tháng 3 năm 2022

BÁO CÁO

Đề xuất xin mở mã ngành đào tạo trình độ Thạc sỹ Ngành: Điều Dưỡng

Kính gửi: Hội đồng Khoa Học và Đào Tạo
Trường Đại học Y Dược Hải Phòng

1. Lý do đề nghị cho phép đào tạo.

Xu thế phát triển và hội nhập: ngành Y tế nước ta đang phát triển với các xu thế cơ bản: gia tăng nhu cầu chăm sóc sức khỏe nhân dân, hiện đại hóa nhanh chóng, xã hội hóa ngày càng cao, mô hình bệnh tật có sự thay đổi. Ngành Điều dưỡng nằm trong sự phát triển chung của ngành Y tế cần phải đẩy mạnh các định hướng về chăm sóc sức khỏe để nâng cao chất lượng các dịch vụ chăm sóc sức khỏe cho người bệnh và cho cộng đồng.

Nhu cầu cấp thiết hiện nay là cần phải có một đội ngũ cán bộ được trang bị đầy đủ kiến thức, kỹ năng, phương tiện để đáp ứng nhu cầu chăm sóc sức khỏe ngày càng cao của con người, góp phần nâng cao chất lượng cuộc sống cho nhân dân trong tình hình mới. Bên cạnh đó, để hội nhập với khu vực và quốc tế, chính phủ đã ký Thỏa thuận khung về thừa nhận lẫn nhau với 10 quốc gia ASEAN về việc công nhận dịch vụ Điều dưỡng trong khu vực. Đồng thời, để tăng cường chất lượng nguồn lực Điều dưỡng và sử dụng nhân lực Điều dưỡng có hiệu quả và đáp ứng yêu cầu hội nhập của các nước trong khu vực và hợp tác giữa các trường Y - Dược trong nước thì việc đào tạo Thạc sỹ Điều dưỡng là rất cần thiết.

Do sự phát triển kinh tế, thu nhập của người dân ngày càng được nâng lên, đời sống và dân trí được cải thiện làm cho nhu cầu cung cấp dịch vụ y tế ngày càng cao, đòi hỏi phải có chuyên khoa sâu, có kỹ thuật tiên tiến và theo hướng dự phòng. Do vậy, nhu cầu đào tạo cán bộ chuyên ngành Điều dưỡng ngày càng tăng.

2. Phân tích về nhu cầu đào tạo, nhu cầu sử dụng nhân lực phục vụ thị trường lao động hiện tại và hướng đến trong thời gian tới

Sự phát triển của hệ thống đào tạo điều dưỡng tại Việt Nam là một trong những đóng góp quan trọng cho phát triển nguồn nhân lực điều dưỡng và là điều kiện đi trước để thực hiện Chăm sóc người bệnh toàn diện. Theo báo cáo của Cục khoa học công nghệ và Đào tạo (Bộ Y tế), năm 2020, cả nước có 81,3% điều dưỡng có trình độ cao đẳng và trung cấp, 15,7% trình độ đại học, 0,9% trình độ sau đại học, 2,1% trình độ sơ cấp. Số lượng điều dưỡng ở trình độ sau đại học rất thấp, họ công tác chủ yếu ở lĩnh vực đào tạo và quản lý điều dưỡng cấp Trung ương, tỉnh/thành phố và các trường đào tạo Điều dưỡng. Số lượng điều dưỡng có trình độ cao chưa đáp ứng đủ nhu cầu chăm sóc người bệnh. Vì vậy việc đào tạo thạc sĩ y học chuyên ngành Điều dưỡng là một nhu cầu thực tế cấp thiết và lâu dài trong việc bổ sung nhân lực y tế có trình độ chuyên môn cao cho Thành phố Hải Phòng và các tỉnh thành lân cận.

Trong đó xu hướng phát triển ngành đào tạo trên thế giới, sự phù hợp với sự phát triển ngành và trình độ đào tạo của cơ sở đào tạo, phù hợp với sứ mạng và mục tiêu chiến lược của cơ sở đào tạo, chiến lược quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội của ngành, địa phương, vùng và cả nước

3. Năng lực của cơ sở đào tạo: Đội ngũ giảng viên, về trang thiết bị, thư viện, chương trình đào tạo, nghiên cứu khoa học, hợp tác trong và ngoài nước.

Khoa được thành lập từ năm 2009 là một trong những khoa phát triển mạnh, khoa gồm các bộ môn: Điều dưỡng cộng đồng, Điều dưỡng cơ bản, Điều dưỡng người lớn, Điều dưỡng sản phụ khoa, Điều dưỡng Nhi, số lượng cán bộ giảng dạy có Chức danh khoa học, học vị Tiến sĩ là 01 PGS và 03 TS.

Khoa Điều dưỡng có 05 phòng thực tập cho các kỹ thuật Điều dưỡng cơ bản, có cơ sở thực tế là các bệnh viện lớn trong thành phố Hải Phòng như bệnh viện Việt Tiệp, bệnh viện Phụ sản Hải Phòng, bệnh viện Nhi, bệnh viện tâm thần Hải Phòng, bệnh viện Lao và bệnh phổi Hải Phòng, bệnh viện Đại học Y Hải Phòng...có đủ tài liệu tham khảo ngành Điều dưỡng dành cho đối tượng sau đại học, đại học và có nhiều đề tài nghiên cứu khoa học thuộc lĩnh vực Điều dưỡng theo hướng nghiên

cứu: lâm sàng, cộng đồng...mà tập thể Khoa Điều dưỡng đã hoàn thành và được nghiệm thu.

Thêm vào đó, Khoa cũng định hướng phát triển mạnh các công trình nghiên cứu khoa học theo các hướng: lâm sàng, cộng đồngSự tham gia của các giảng viên, học viên và sinh viên đã hoàn thành nghiệm thu cho hàng trăm công trình nghiên cứu khoa học cấp cơ sở.

Bên cạnh đó, để hội nhập với khu vực và quốc tế, chính phủ đã ký Thỏa thuận khung về thừa nhận lẫn nhau với 10 quốc gia ASEAN về việc công nhận dịch vụ Điều dưỡng trong khu vực. Đồng thời, để tăng cường chất lượng nguồn lực Điều dưỡng và sử dụng nhân lực Điều dưỡng có hiệu quả và đáp ứng yêu cầu hội nhập của các nước trong khu vực và hợp tác giữa các trường Y - Dược trong nước thì việc đào tạo chuyên sâu như Thạc sĩ, Tiến sĩ về điều dưỡng là rất cần thiết.

Trong những năm trở lại đây, quan hệ quốc tế và xu thế hội nhập ngày càng phát triển mạnh mẽ. Khoa Điều Dưỡng đã kí kết quan hệ với các trường đại học trên toàn thế giới như Nhật, Mỹ, Pháp, Hàn...và luôn luôn có sự gắn bó với các trường bạn trên toàn quốc từ Bắc vào Nam và kết nối với Hội Điều Dưỡng Việt Nam. Hàng năm, chương trình trao đổi học viên và giảng viên với các nước trên thế giới đã giúp nâng cao trình độ nghiệp vụ giảng dạy và chuyên ngành. Các giảng viên luôn nỗ lực học tập không ngừng về chuyên môn và ngoại ngữ, giành được các học bổng toàn phần của các chương trình NCS sau đại học tại Nhật.

4. Về mục tiêu phát triển ngành đào tạo

- Kết quả mong đợi về thời gian mở ngành trong năm 2022
- Thời gian triển khai tổ chức thực hiện chương trình đào tạo là 2 năm.
- Dự kiến quy mô tuyển sinh: 10 - 15 học viên/khóa.
- Bảo đảm chuẩn kiến thức và kỹ năng của người học sau khi tốt nghiệp và đáp ứng yêu cầu liên thông giữa các trình độ và với các chương trình đào tạo khác. Chương trình đào tạo và đề cương chi tiết các học phần của ngành đăng ký đào tạo được xây dựng đảm bảo chuẩn đầu ra, phù hợp với Khung trình độ quốc gia Việt Nam hiện hành.

5. Giải pháp và lộ trình thực hiện xây dựng đề án mở ngành,

- Thời gian xây dựng chương trình đào tạo từ tháng 9 năm 2021 đến tháng 1 năm 2022.
- Nhu cầu và kế hoạch đầu tư cơ sở vật chất: Khoa đề xuất sẽ mở rộng bệnh viện thực hành trong và ngoài thành phố Hải Phòng phục vụ cho chăm sóc Điều dưỡng được đa dạng và nâng cao.
- Đội ngũ giảng viên không ngừng học tập vươn lên về cả chuyên ngành và ngoại ngữ, Khoa có kế hoạch mỗi năm sẽ có 2 giảng viên đi học NCS và chuyên khoa 2 để đáp ứng điều kiện mở ngành đào tạo, kế hoạch đánh giá và kiểm định chương trình đào tạo theo đúng quy định.

6. Phương án, đề phòng, ngăn ngừa, xử lý rủi ro trong mở ngành đào tạo

a. Phân tích tình hình thực tế

Điểm mạnh:

- Về nhân lực:
 - + Đội ngũ giảng viên trẻ, được đào tạo đúng chuyên ngành cả trong và ngoài nước, tâm huyết
 - + Đã có kinh nghiệm hướng dẫn khóa luận sinh viên đạt kết quả tốt
 - + Đội ngũ giảng viên có kinh nghiệm nghiên cứu, có các đề tài được nghiệm thu cấp cơ sở, và một số đề tài đăng báo trong và ngoài nước.
- Về chương trình đào tạo:
 - + Đã và đang đào tạo đối tượng cử nhân điều dưỡng hệ chính quy và liên thông vừa học vừa làm
 - + Đã có thời gian đào tạo sinh viên nước ngoài theo chương trình đào tạo ngắn hạn các nước như Thụy Điển: 8 năm; Pháp: 4 năm
 - + Đã biên soạn, xây dựng khung chương trình tín chỉ đào tạo lý thuyết và thực hành, đề cương chi tiết học phần theo quy định đào tạo tín chỉ cho đối tượng cử nhân điều dưỡng hệ chính quy và liên thông vừa học vừa làm từ tháng 8 năm 2018
- Về cơ sở thực hành:
 - + Kết nối tốt với bệnh viện thực hành tạo điều kiện cho sinh viên thực tập lâm sàng

Điểm yếu

- Giảng viên còn trẻ, thiếu kinh nghiệm
- Còn phụ thuộc vào đội ngũ giảng viên kiêm chức/thỉnh giảng
- Chưa đào tạo sau đại học
- Bài báo trong nước và quốc tế còn ít

Cơ hội

- Là trường đa ngành khối sức khỏe, có uy tín, thương hiệu tốt
- Mạng lưới các bệnh viện thực hành rộng lớn, đội ngũ giảng viên mạnh
- Nhu cầu học tập ngành Điều dưỡng tăng cao
- Sinh viên tăng về số lượng, đa dạng về trình độ
- Tiềm năng để xin tài trợ cho nghiên cứu mới, ý tưởng sáng tạo đang tăng nhanh

Rủi ro

- Tình hình dịch bệnh diễn biến phức tạp và khó lường có thể ảnh hưởng đến tiến trình thực hiện chương trình đào tạo
- Tình hình kinh tế biến động, suy thoái có thể gây ảnh hưởng đến công tác tuyển sinh học viên sau đại học
- Nguy cơ chảy máu nguồn nhân lực
- Tính cạnh tranh giữa các đơn vị ngày càng cao

b. Các giải pháp phòng ngừa rủi ro

- Linh hoạt trong công tác giảng dạy, quản lý học viên trong thời kỳ dịch bệnh, xây dựng hình thức giảng dạy trực tuyến phù hợp với mục tiêu, chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo.
- Thu thập thông tin về nhu cầu nguồn nhân lực sau đại học Điều dưỡng, nghiên cứu các chính sách phát triển nguồn nhân lực y tế, đánh giá về tình hình kinh tế, xã hội để phân tích tính cạnh tranh khi mở và duy trì mã ngành, tham vấn chuyên gia về những khả năng rủi ro, nguyên nhân, hậu quả rủi ro có thể xảy ra.
- Phát triển đội ngũ lãnh đạo kế cận. Xây dựng một văn hóa, môi trường đại học có khả năng thu hút lao động có chất lượng.

- Tăng cường công tác đảm bảo chất lượng là một trong những cơ sở đào tạo nhân lực ngành Điều dưỡng có uy tín, hướng tới an toàn và chất lượng trong thực hành Điều dưỡng nhằm phục vụ sức khỏe con người.

- Trong trường hợp cơ sở đào tạo bị đình chỉ hoạt động ngành đào tạo: nhà trường ban hành quy chế quản lý rủi ro và các chính sách bảo vệ quyền lợi của học viên, giảng viên và công bố bằng văn bản trên cổng thông tin điện tử của trường. Sinh viên có thể được chuyển cơ sở đào tạo ngang cấp với các cơ sở đào tạo liên kết với nhà trường mà vẫn đảm bảo chất lượng và tiến độ chương trình.

7. Kết luận và đề nghị.

Căn cứ thông tư Quy chế Đào tạo trình độ Thạc sĩ ban hành kèm theo Thông tư số 23/2021/TT - BGDDT ngày 30 tháng 8 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục & Đào tạo. Khoa Điều dưỡng thấy rằng cơ sở vật chất và đội ngũ cán bộ có chức danh khoa học và học vị tiến sĩ ngành Điều dưỡng đã đáp ứng đủ điều kiện mở mã ngành đào tạo trình độ Thạc sĩ.

Kính đề nghị Hội đồng Khoa học và Đào tạo, Trường Đại học Y Dược Hải Phòng cho phép và giúp đỡ khoa Điều Dưỡng được mở mã ngành Thạc sĩ Điều Dưỡng.

Xin trân trọng cảm ơn sự lưu tâm giúp đỡ của Quý Hội đồng.

TM Khoa Điều Dưỡng


Phạm Thị Thu

BỘ Y TẾ
TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y DƯỢC
HẢI PHÒNG
HỘI KHOA HỌC ĐÀO TẠO

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**BIÊN BẢN HỌP THẨM ĐỊNH CHỦ TRƯỞNG
MỞ MÃ NGÀNH ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ THẠC SĨ
CHUYÊN NGÀNH: ĐIỀU DƯỠNG**

Hội đồng Khoa học-Đào tạo trường Đại học Y Dược Hải Phòng, tiến hành họp thẩm định chủ trương mở mã ngành đào tạo Thạc sĩ chuyên ngành Điều dưỡng

I. THÔNG TIN CHUNG:

1. Thời gian: 14h00, ngày 30 tháng 03 năm 2022
 2. Địa điểm: Phòng Hội đồng, tầng 2 trường ĐHYDHP
 3. Chủ trì: GS.TS. Phạm Văn Thức - Chủ tịch Hội đồng Khoa học và Đào tạo
- Thư ký Hội đồng : PGS.TS. Đặng Văn Chúc - Trưởng phòng QLKH
Thư ký hành chính: CN. Đồng Thị Phương Thuý - Phòng QLKH

Thành phần dự họp:

- Hội đồng Khoa học và Đào tạo có mặt: 10/11
 1. GS.TS. Phạm Văn Thức
 2. PGS.TS. Nguyễn Văn Hùng
 3. PGS.TS. Phạm Văn Hán
 4. PGS.TS. Trần Quang Phục
 5. PGS.TS. Phạm Văn Liệu
 6. PGS.TS. Đặng Văn Chúc
 7. PGS.TS. Đinh Văn Thức
 8. PGS.TS. Phạm Văn Duyệt
 9. PGS.TS. Phạm Văn Nhiên
 10. TS. Nguyễn Hải Ninh
- Vắng mặt: 01/11
 1. PGS.TS. Vũ Văn Tâm
- Phòng Quản lý khoa học:
 - TS. Nguyễn Thị Minh Ngọc - Phó Trưởng phòng QLKH
- Phòng Đào tạo Sau đại học :
 - TS. Phạm Thanh Hải - Phó Trưởng phòng
- Khoa Điều dưỡng:
 - TS. Nguyễn Thị Thu Hương và các Thầy/Cô giảng viên Khoa

II. CÁC HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG

1. Tuyên bố lý do, giới thiệu đại biểu và nội dung buổi họp: PGS.TS. Đặng Văn Chức – Thư ký Hội đồng thẩm định – Trưởng phòng Quản lý khoa học

2. Chủ tịch Hội đồng Khoa học- Đào tạo điều hành buổi họp

2.1. Thư ký Hội đồng giới thiệu chương trình đào tạo rà soát, thông qua trong phiên họp

2.2. Đại diện Khoa Điều dưỡng - TS. Nguyễn Thị Thu Hương trình bày đề xuất mở mã ngành Thạc sĩ chuyên ngành Điều dưỡng

Đề xuất mở mã ngành Thạc sĩ chuyên ngành Điều dưỡng gồm các nội dung cơ bản:

- Lý do đề nghị mở mã ngành đào tạo
- Phân tích về nhu cầu đào tạo, nhu cầu sử dụng nhân lực phục vụ thị trường lao động hiện tại và hướng đến trong thời gian tới
- Năng lực của cơ sở đào tạo gồm :
 - Đội ngũ giảng viên
 - Trang thiết bị, thư viện
 - Chương trình đào tạo
 - Nghiên cứu khoa học, hợp tác trong và nước ngoài
- Mục tiêu phát triển ngành đào tạo
- Giải pháp và lộ trình thực hiện xây dựng đề án mở mã ngành

3. Ý kiến của các thành viên HĐ

3.1. GS.TS. Phạm Văn Thúc - Chủ tịch Hội đồng phát biểu ý kiến:

Căn cứ vào đội ngũ nhân lực của Khoa Điều dưỡng giảng dạy tại các Bộ môn như: Điều dưỡng cộng đồng, Điều dưỡng cơ bản, Điều dưỡng người lớn, Điều dưỡng sản phụ khoa, Điều dưỡng nhi. Hiện tại Khoa có 02 PGS, 03 TS cơ hữu chuyên ngành điều dưỡng và 02 giảng viên đang học nghiên cứu sinh tại trường Đại học Điều dưỡng Nam Định và Viện Dinh dưỡng Quốc gia. Khoa có 05 phòng thực tập, các cơ sở thực hành tại các bệnh viện lớn trong thành phố. Khoa cũng đủ tài liệu tham khảo Điều dưỡng cho đối tượng Sau Đại học.

Với các tiêu chí trên Khoa có đủ điều kiện đáp ứng các yêu cầu của việc mở mã ngành đào tạo ThS.

3.2. PGS.TS. Trần Quang Phục - UV Hội đồng phát biểu ý kiến:

Hiện tại khoa có 3 TS đang làm việc tại đâu? Có chứng chỉ hành nghề hay không? Mỗi năm có 10 – 15 học viện/chuyên ngành nên không đồng ý với việc mở rộng cơ sở thực hành, chỉ cần liên kết với các Bệnh viện trường, Sản, Trẻ em, Việt Tiệp. Khoa cần có TS chuyên ngành để mở mã ngành. Đây là một chủ trương rất tốt vì rất cần thiết trong tương lai.

3.3. PGS.TS. Phạm Văn Duyệt - UV Hội đồng phát biểu ý kiến:

Ngôn ngữ viết cần trong sáng hơn: liên kết 1 số trường chữ không phải tất cả các trường. Đề phòng rủi ro: cạnh tranh không phải rủi ro.

4. Ý kiến giải trình, trao đổi của Khoa Điều dưỡng

4.1. Trả lời câu hỏi của các thành viên Hội đồng.

4.2. Tiếp thu các góp ý để chỉnh sửa, hoàn thiện đề xuất (tờ trình) mở mã ngành đào tạo Thạc sĩ chuyên ngành Điều dưỡng từ các ý kiến của các thành viên Hội đồng và gửi về Phòng Quản lý khoa học và Phòng Sau Đại học.

5. Kết luận của Hội đồng:

- 10/10 thành viên Hội đồng nhất trí thông qua chủ trương đề xuất mở mã ngành đào tạo Thạc sĩ chuyên ngành Điều dưỡng sau khi Khoa chỉnh sửa theo ý kiến góp ý của Hội đồng.
- Đề nghị Khoa Điều dưỡng chỉnh sửa, hoàn thiện đề xuất (tờ trình) mở mã ngành đào tạo Thạc sĩ chuyên ngành Điều dưỡng theo các ý kiến góp ý của Hội đồng.
- Đề nghị Ban Giám hiệu và Hội đồng trường thông qua đề xuất mở mã ngành đào tạo Thạc sĩ chuyên ngành Điều dưỡng.

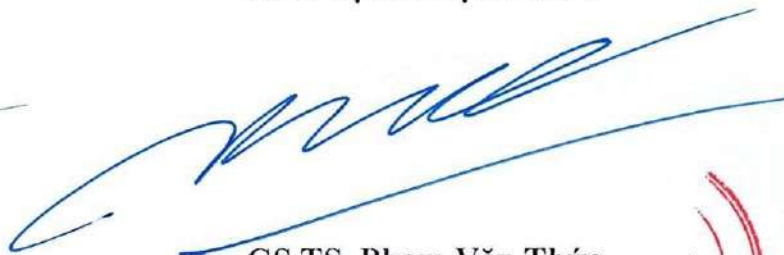
Cuộc họp kết thúc lúc 16h30 cùng ngày./.

THƯ KÝ HỘI ĐỒNG



PGS.TS. Đặng Văn Chức

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG



GS.TS. Phạm Văn Thúc



BỘ Y TẾ
TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y DƯỢC
HẢI PHÒNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: 45/NQ-HĐT-YDHP

Hải Phòng, ngày 20 tháng 04 năm 2022

NGHỊ QUYẾT

Thông qua Báo cáo kết quả thực hiện Nghị quyết quý I – năm 2022 của Trường Đại học Y Dược Hải Phòng

Căn cứ Luật Giáo dục đại học ngày 18/6/2012 và Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học ngày 19/11/2018;

Căn cứ Nghị định 99/2019/NĐ – CP ngày 30/12/2019 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học ngày 19/11/2018;

Căn cứ Nghị định 120/2020/NĐ – CP ngày 07/10/2020 của Chính phủ quy định về thành lập, tổ chức lại, giải thể đơn vị công lập;

Căn cứ Quyết định số 3944/QĐ – BYT ngày 15/9/2020 của Bộ Y tế về việc công nhận Hội đồng trường Trường đại học Y Dược Hải Phòng nhiệm kỳ 2020 – 2025;

Căn cứ Quy chế Tổ chức và hoạt động của Trường Đại học Y Dược Hải Phòng ban hành theo Nghị quyết định số 02/NQ – HĐT – YDHP ngày 02/02/2021 của Hội đồng trường Trường Đại học Y Dược Hải Phòng nhiệm kỳ 2020 - 2025;

Căn cứ kết quả cuộc họp ngày 14/04/2022 của Hội đồng trường Trường Đại học Y Dược Hải Phòng nhiệm kỳ 2020 - 2025;

Xét đề nghị của Hiệu trưởng Trường Đại học Y Dược Hải Phòng,

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Thông qua Báo cáo kết quả thực hiện Nghị quyết quý I - năm 2022 của Trường Đại học Y Dược Hải Phòng (có văn bản kèm theo)

Điều 2. Nghị quyết này có hiệu lực kể từ ngày kí ban hành.

Điều 3. Hội đồng trường, Ban Giám hiệu, Các đơn vị liên quan của Trường Đại học Y Dược Hải Phòng căn cứ Nghị quyết thi hành.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Lưu: VP HĐT; VP Đảng Ủy;
TCCB; Văn thư.

TM. HỘI ĐỒNG TRƯỜNG
CHỦ TỊCH



CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG TRƯỜNG
PGS.TS. Phạm Minh Khuê

BỘ Y TẾ
TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y DƯỢC
HẢI PHÒNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hải Phòng, ngày 14 tháng 4 năm 2022

BÁO CÁO
THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT CỦA HỘI ĐỒNG TRƯỜNG QUÝ I NĂM 2022

Thực hiện Nghị quyết của Hội đồng trường tại phiên họp ngày 14/01/2022, trong thời gian vừa qua Nhà trường đã triển khai các hoạt động chuyên môn và đạt kết quả cụ thể như sau:

1. Đào tạo đại học

- Phối hợp cùng phòng Tổ chức cán bộ, các Khoa, Bộ môn và các đơn vị rà soát các điều kiện đảm bảo chất lượng như: Danh sách đội ngũ giảng viên, điều kiện cơ sở vật chất... để hoàn thành báo cáo xác định chỉ tiêu tuyển sinh năm 2022 theo quy định. Về cơ bản, năng lực đào tạo hiện nay của nhà trường đủ đáp ứng các chỉ tiêu tuyển sinh đặt ra trong năm 2022.

- Hoàn thành xây dựng dự thảo đề án tuyển sinh năm 2022 và báo cáo Hội đồng tuyển sinh nhà trường thông qua. Về cơ bản đề án tuyển sinh năm 2022 giữ ổn định so với năm 2021, cụ thể:

TT	Tên ngành	Chỉ tiêu	Tổ hợp xét tuyển	Phương thức xét tuyển
I	Chính quy:	1140		Xét tuyển theo kết quả thi TN THPT
1	Y khoa (B)	350	Toán, Hóa, Sinh	
2	Y khoa (A)	150	Toán, Lý, Hóa	
3	Y học dự phòng	60	Toán, Hóa, Sinh	
4	Y học cổ truyền	70	Toán, Hóa, Sinh	
5	Dược học (B)	60	Toán, Hóa, Sinh	
6	Dược học (A)	60	Toán, Lý, Hóa	
7	Dược học (D)	30	Toán, Hóa, Anh	
8	Điều dưỡng	200	Toán, Hóa, Sinh	
9	Răng hàm mặt	80	Toán, Hóa, Sinh	
10	Kỹ thuật xét nghiệm y học	80	Toán, Hóa, Sinh	

II	Liên thông chính quy:	150		Xét tuyển theo kết quả học tập lớp 12 bậc THPT
1	Y khoa (TC-ĐH)	120	Toán, Hóa, Sinh 2. Toán, Lý, Hóa	
2	Dược học (CĐ-ĐH)	30	Toán, Hóa, Sinh 2. Toán, Lý, Hóa	
III	Liên thông VLVH	539		Xét tuyển theo kết quả học tập lớp 12 bậc THPT + điểm TBC toàn khóa bậc CĐ
1	Điều dưỡng (CĐ-ĐH)	439	Toán, Hóa, Sinh + Điểm TBC bậc CĐ	
2	Kỹ thuật xét nghiệm y học (CĐ-ĐH)	100	Toán, Hóa, Sinh + Điểm TBC bậc CĐ	

- Phối hợp cùng các Khoa, Bộ môn triển khai công tác rà soát, đánh giá và cập nhật chương trình đào tạo, đảm bảo đúng tiến độ, chất lượng và đúng các quy định hiện hành.

- Xây dựng và ban hành kế hoạch tổ chức học lại, học cải thiện năm học 2021-2022 cho sinh viên năm cuối. Xây dựng dự thảo và xin ý kiến góp ý về Quy định tổ chức và quản lý học lại, học cải thiện điểm, học bổ sung, học vượt đối với sinh viên.

- Về triển khai công tác sinh viên: Hoàn thành việc rà soát, xét miễn, giảm học phí bổ sung năm 2022; xét học bổng khuyến khích học tập và xử lý học vụ sinh viên học kì 2 năm học 2021-2022; bổ sung hồ sơ miễn giảm học phí đối với những trường hợp thuộc đối tượng chính sách năm 2022. Hoàn thành đánh giá điểm rèn luyện và tổng kết kết quả học tập của sinh viên để xét học bổng học kì 2 năm học 2021-2022.

- Triển khai công tác cố vấn học tập năm học 2021-2022 theo kế hoạch, tổ chức họp lớp sinh viên đầu năm học và cuối học kì 1 năm học 2021-2022.

2. Đào tạo Sau đại học

- Hoàn thành thi tuyển sinh Sau đại học đợt 2 với tổng số 111 học viên. Hoàn thành công tác nhập học và triển khai chương trình đào tạo cho đối tượng mới trúng tuyển sau đại học.

- Hoàn thiện ứng dụng phần mềm trong quản lý điểm, bảng điểm, thu học phí và thống kê học viên trúng tuyển, nhập học

- Triển khai họp thống nhất “Rà soát, đánh giá và cập nhật các chương trình đào tạo trình độ thạc sĩ năm 2022”.

- Căn cứ trên mục tiêu phát triển ngành đào tạo, năng lực của cơ sở đào tạo, giải pháp và lộ trình thực hiện xây dựng đề án mở mã ngành, phương án phòng ngừa và xử lý rủi ro, Hội đồng Khoa Học-Đào Tạo đã họp thông qua chủ trương mở mới

mã ngành đào tạo Sau Đại học Thạc sĩ và BSNT Răng Hàm Mặt, Thạc sĩ và CKI Điều Dưỡng, Thạc sĩ và CKI Y học dự phòng, CKI Dược lý & Dược lâm sàng

- Tổ chức tốt công tác thi tốt nghiệp cho các đối tượng Sau đại học; Tổ chức bảo vệ luận văn, luận án các cấp.

- Hoàn thành xác định chỉ tiêu tuyển sinh sau đại học 2022 – 2023.

- Hoàn thiện ứng dụng phần mềm trong quản lý điểm, bảng điểm, thu học phí, và thống kê học viên trúng tuyển, nhập học.

- Rà soát xây dựng đề án mở mới mã ngành một số chương trình CKI Da Liễu, Ngoại tạo hình, CK2 Tai Mũi Họng, Quản lý y tế, Y học cổ truyền, cao học Y tế dự phòng.

3. Khảo thí và Đảm bảo chất lượng giáo dục

- Đã và đang hoàn thành công tác tự đánh giá 3 CTĐT theo đúng tiến độ và kế hoạch, hiện đang hoàn thiện các hoạt động khảo sát, minh chứng phục vụ công tác tự đánh giá và dự kiến triển khai đánh giá ngoài vào tháng 7 năm 2022.

- Ban hành kế hoạch TĐG các CTĐT và dự thảo dự trù kinh phí cho công tác ĐBCL năm 2022.

- Đã triển khai các bước đầu tiên trong quy trình đánh giá 07 chương trình đào tạo gồm Thạc sĩ Nhi khoa, Thạc sĩ Nội khoa; Thạc sĩ Ngoại; Bác sĩ Răng Hàm Mặt, Bác sĩ Y học cổ truyền, Cử nhân Điều dưỡng, Cử nhân Kỹ thuật Y học. Tổ chức thành công tập huấn đánh giá mức độ đạt được CDR của CTĐT và các hoạt động tập huấn bộ tiêu chuẩn TĐG CTĐT cho 7 CTĐT.

- Xây dựng kế hoạch rà soát, điều chỉnh Quy định 131/QĐ-YHDP ngày 02/3/2015 về việc xây dựng, quản lý ngân hàng đề thi/đáp án thi của các môn học/học phần và đẩy mạnh công tác thi trắc nghiệm.

- Tiếp tục phối hợp với phòng Đào tạo Đại học, Sau đại học và tất cả các Khoa/Bộ môn tổ chức thi cho tất cả CTĐT đảm bảo khách quan, công bằng và đúng quy chế.

4. Nghiên cứu khoa học

- Đã hoàn thành việc rà soát, chỉnh sửa quy chế và ra quyết định quy định về nghiên cứu khoa học cho người học & thành lập nhóm nghiên cứu mạnh.

- Tổ chức xét duyệt đề cương đề tài NCKH cấp cơ sở năm 2022.

- Tập hợp, rà soát bản thảo bài báo gửi đăng trên tạp chí khoa học chuyên ngành trong nước năm 2022 để gửi phản biện.

- Hỗ trợ, giúp việc có hiệu quả cho Hội đồng thẩm định sách, giáo trình, tài liệu giảng dạy, tham khảo của các khoa/bộ môn; Hội đồng Đạo đức phê duyệt, đánh giá khía cạnh đạo đức của đề tài các cấp; Hội đồng khoa học đào tạo thông qua rà soát và điều chỉnh các chương trình đào tạo bậc Đại học năm học 2021-2022.

- Thông qua danh mục đề tài đăng ký hướng dẫn khoá luận cho sinh viên và công bố danh mục trên website trường.

5. Công tác tổ chức cán bộ

- Hoàn thiện Đề án tự chủ: đã xin ý kiến góp ý của Ban chấp hành Đảng ủy, các phòng ban chức năng liên quan và cán bộ chủ chốt toàn trường về Dự thảo Đề án. Xin ý kiến thông qua của Hội đồng trường tại phiên họp này.

- Đã triển khai quy trình thành lập Khoa Khoa học cơ bản: hoàn thiện Đề án thành lập, xin ý kiến góp ý của Ban Chấp hành Đảng ủy, các phòng ban chức năng liên quan và xin ý kiến của Hội đồng trường tại phiên họp này.

- Xây dựng phương án kiện toàn nhân sự Khoa Y theo chủ trương của Đảng ủy, Hội đồng trường.

- Đã triển khai quy trình sáp nhập Bộ môn Tâm lý – Đạo đức y học vào Trung tâm Mô phỏng lâm sàng, xin ý kiến phê duyệt của Hội đồng trường.

- Đã triển khai quy trình đổi tên các đơn vị: Phòng Đào tạo đại học, Phòng Đào tạo sau đại học, Trung tâm Khảo thí và Quản lý chất lượng giáo dục.

- Xây dựng Đề án Vị trí việc làm trình Bộ Y tế phê duyệt trong đó có nội dung Hội đồng trường phê duyệt Danh mục Vị trí việc làm của trường.

- Tiếp tục triển khai kế hoạch thành lập Tạp chí Khoa học sức khỏe;

- Rà soát, kiện toàn tổ chức của các đơn vị trong trường theo chỉ đạo của Bộ Y tế về việc thực hiện Nghị định 120/NĐ – CP của Chính phủ;

- Triển khai xây dựng kế hoạch rà soát, bổ sung quy hoạch các cấp theo chỉ đạo của Thành ủy Hải Phòng và Bộ Y tế.

- Triển khai quy trình xét tặng danh hiệu Thầy thuốc nhân dân, Thầy thuốc ưu tú; Quy trình bổ nhiệm chức danh Giáo sư và Phó Giáo sư cho 03 cán bộ, giảng viên.

6. Tài chính, cơ sở vật chất, trang thiết bị

- Triển khai lắp biển tên các khoa, phòng chức năng theo bộ nhận diện thương hiệu được duyệt cho Nhà A, 7 tầng; Kiểm định kỹ thuật an toàn hệ thống thang máy Nhà B, 15 tầng;

- Tổ chức nghiệm thu hoàn thành đưa vào sử dụng hội trường và hệ thống điều hòa không khí nhà giảng dạy và làm việc 7 tầng; Tổ chức xong công tác lựa chọn nhà thầu, trình ký hợp đồng thi công xây dựng công trình Cải tạo sửa chữa tầng 5 Nhà C;

- Tổ chức thẩm định và trình phê duyệt thiết kế bản vẽ thi công và dự toán Xây dựng tường rào và mái chống nóng công trình Nhà thực hành tiền lâm sàng; Tiếp tục thực hiện kiểm toán vốn đầu tư dự án Khu thực hành tiền lâm sàng (phần việc đã hoàn thành);

- Đang thực hiện quyết toán 5 gói thầu mua sắm tài sản năm 2021 với tổng giá trị 27,138 tỷ. Năm 2022, Bộ Y tế giao dự toán 63,58 tỷ để thực hiện mua sắm sửa chữa tài sản. Các phòng ban chức năng đang xây dựng kế hoạch mua sắm năm 2022.

- Xin ý kiến Hội đồng trường về Kế hoạch tài chính năm 2022;

- Xin chủ trương của Hội đồng trường về các dự án: Điều chỉnh quy hoạch tổng mặt bằng của trường; Dự án cải tạo, sửa chữa giảng đường tại Bệnh viện Kiến An; Dự án xây dựng phòng truyền thống của trường.

Nơi nhận:

- Thành viên HDT;
- Ban Giám hiệu;
- Phòng TCCB;
- Lưu VT.

HIỆU TRƯỞNG



II. Xây dựng đề án, chuẩn bị điều kiện mở ngành đào tạo

Số: 831/QĐ-YDHP

Hải Phòng, ngày 10 tháng 05 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc thành lập Hội đồng Xây dựng chương trình và
Tổ biên soạn đề án mở mã ngành Thạc sĩ Điều dưỡng**

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y DƯỢC HẢI PHÒNG

Căn cứ Quyết định số 06/1999/QĐ-TTg ngày 25/01/1999 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập Trường Đại học Y Hải Phòng; Căn cứ Quyết định số 2153/QĐ-TTg ngày 11/11/2013 của Thủ tướng Chính phủ về việc đổi tên Trường Đại học Y Hải Phòng thành Trường Đại học Y Dược Hải Phòng;

Căn cứ Thông tư 02/2022/TT-BGDĐT ngày 18/1/2022 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo Quy định điều kiện, trình tự, thủ tục mở ngành đào tạo, đình chỉ hoạt động của ngành đào tạo trình độ đại học, thạc sĩ, tiến sĩ;

Căn cứ Quyết định số 1359/QĐ-YDHP ngày 15/10/2021 của Trường Đại học Y Dược Hải Phòng về việc quy định xây dựng, phát triển, thẩm định và ban hành chương trình đào tạo của Trường Đại học Y Dược Hải Phòng;

Căn cứ Nghị quyết số 45/NQ-HDT-YDHP ngày 20/04/2022 của Hội đồng trường Trường Đại học Y Dược Hải Phòng về việc Thông qua Báo cáo kết quả thực hiện Nghị quyết quý I-năm 2022 của Trường Đại học Y Dược Hải Phòng;

Căn cứ nhu cầu công tác và năng lực cán bộ, viên chức;

Xét đề nghị của ông Trưởng phòng: Tổ chức cán bộ, Quản lý Đào tạo Sau đại học.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Thành lập Hội đồng xây dựng chương trình và Tổ biên soạn đề án mở mã ngành Thạc sĩ Điều dưỡng gồm các ông (bà) có tên sau:

(Có danh sách kèm theo)

Điều 2. Hội đồng xây dựng chương trình và Tổ biên soạn đề án mở mã ngành Thạc sĩ Điều dưỡng hoạt động theo quy định của Nhà nước và tự giải thể sau khi hoàn thành nhiệm vụ.

Điều 3. Các ông (bà) Trưởng phòng: Tổ chức cán bộ, Tài chính kế toán, Quản lý Đào tạo Sau đại học, Khoa Điều dưỡng và các ông bà có tên tại Điều 1 căn cứ quyết định thi hành.

Nơi nhận :

- Như điều 3;
- Lưu VT; TCCB

HIỆU TRƯỞNG



HIỆU TRƯỞNG

PGS. TS. Nguyễn Văn Khải

**DANH SÁCH HỘI ĐỒNG XÂY DỰNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO VÀ
TỔ BIÊN SOẠN ĐỀ ÁN MỞ MÃ NGÀNH THẠC SĨ ĐIỀU DƯỠNG**
(Kèm theo Quyết định số 834/QĐ-YDHP ngày 10 tháng 05 năm 2022)

I- Ban xây dựng chương trình

TT	Họ và tên	Đơn vị công tác	Đề xuất
1	PGS.TS. Phạm Văn Linh	Phó Hiệu Trưởng	Chủ tịch Hội đồng
2	PGS.TS. Đinh Văn Thúc	Trưởng phòng Quản Lý Đào tạo Sau Đại học	Phó Chủ tịch Hội đồng
3	TS. Phạm Thanh Hải	Phó trưởng Phòng Quản lý Đào tạo Sau đại học	Phó Chủ tịch Hội đồng
4	ThS. Nguyễn Thị Thanh Bình	Giám đốc Trung tâm GDYH-NCKH	Phó Chủ tịch Hội đồng
5.	PGS. TS. Thái Lan Anh	Trưởng Khoa Điều Dưỡng	Phó Chủ tịch Hội đồng
6	BSCKII. Nguyễn Thị Tuyết	Chuyên viên Phòng Quản Lý Đào tạo Sau Đại học	Ủy viên
7	ThS. Đặng Văn Minh	Chuyên viên Trung tâm GDYH-NCKH	Ủy viên
8	ThS. Phạm Thị Thu	Phó Trưởng Khoa Điều dưỡng	Ủy viên
9	TS. Phạm Thị Thu Hương	Phụ trách Bộ môn Điều dưỡng cơ bản, Khoa Điều Dưỡng	Ủy viên
10	TS. Đỗ Thị Lan Anh	Phụ trách Bộ môn Điều dưỡng Sản, Khoa Điều Dưỡng	Ủy viên
11	ThS. Phạm Thị Liễu	Trưởng Phòng Điều Dưỡng Bệnh viện Hữu Nghị Việt Tiếp kiêm Phó trưởng Bộ môn Điều dưỡng cơ bản, Khoa Điều Dưỡng	Ủy viên
12	ThS. Lê Văn Mạng	Điều dưỡng trưởng – Sở y tế Hải Phòng kiêm Giảng viên kiêm chức Khoa Điều Dưỡng	Ủy viên
13	TS. Nguyễn Thị Thu Hương	Phụ trách Bộ môn Điều dưỡng người lớn, Khoa Điều Dưỡng	Ủy viên, Thư ký

(Tổng số: 13 thành viên).

II- Tổ biên soạn đề án mở mã ngành

TT	Họ và tên	Đơn vị công tác	Đề xuất
1	PGS.TS. Phạm Văn Linh	Phó Hiệu Trưởng	Chủ tịch Hội đồng
2	PGS.TS. Đinh Văn Thúc	Trưởng phòng Quản Lý Đào tạo Sau Đại học	Phó Chủ tịch Hội đồng
3	TS. Phạm Thanh Hải	Phó trưởng Phụ trách Phòng Quản lý Đào tạo Sau đại học	Phó Chủ tịch Hội đồng
4	PGS. TS. Thái Lan Anh	Trưởng Khoa Điều Dưỡng	Phó Chủ tịch Hội đồng
5	ThS. Phạm Thị Thu	Phó Trưởng Khoa Điều Dưỡng	Ủy viên
6	TS. Phạm Thị Thu Hương	Phụ trách Bộ môn Điều dưỡng cơ bản, Khoa Điều Dưỡng	Ủy viên
7	TS. Phạm Thành Nguyên	Phó Giám đốc phụ trách Trung tâm KT&QLCLGD	Ủy viên
8	ThS. Nguyễn Thị Hồng Nhung	Giám đốc Trung tâm Thông tin-Thư viện	Ủy viên
9	ThS. Nguyễn Ngọc Quỳnh	Trưởng phòng Vật tư-Trang thiết bị	Ủy viên
10	KS. Lưu Mạnh Hùng	Trưởng phòng Quản trị	Ủy viên
11	TS. Nguyễn Thị Thu Hương	Phụ trách Bộ môn Điều dưỡng người lớn, Khoa Điều Dưỡng	Ủy viên, Thư ký

(Tổng số: 11 thành viên)

HIỆU TRƯỞNG



HIỆU TRƯỞNG

PGS. TS. Nguyễn Văn Khải

KẾ HOẠCH
XÂY DỰNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO THẠC SĨ NĂM 2022

TT	Nội dung	Chủ trì	Phối hợp	Thời gian hoàn thành	Sản phẩm
1.	Đề xuất thành lập HĐ xây dựng chương trình và điều kiện đảm bảo chất lượng	Phòng TCCB	Phòng QL ĐTSDH Khoa/Bộ môn	Từ 22/4/2022 Đến 10/5/2022	Quyết định
2.	Họp triển khai hướng dẫn xây dựng CTĐT	GDYH-NCKH; KT&QLCLGD	SDH, Khoa/Bộ môn	12/5	Biên bản cuộc họp
3.	Xây dựng bản thảo CTĐT			Từ 12/5 - 12/8/2022	Chương trình đào tạo
3.1.	Mục tiêu và CDR của CTĐT	GDYH-NCKH; KT&QLCLGD; khoa/bộ môn liên quan	Phòng QLĐT SDH	12/5-26/5/2022	CDR và Mục tiêu của CTĐT, biên bản họp
3.2.	Xác định cấu trúc của CTĐT (khung CTĐT)	GDYH-NCKH; KT&QLCLGD; khoa/bộ môn liên quan	Phòng QLĐT SDH	27/5/2022- 9/6/2022	Khung CTĐT, biên bản họp
3.3.	Chiến lược lượng giá	GDYH-NCKH; KT&QLCLGD; khoa/bộ môn liên quan	Phòng QLĐT SDH	10/6/2022- 23/6/2022	Phương pháp lượng giá, biên bản họp
3.4.	Thiết kế đề cương chi tiết	GDYH-NCKH; KT&QLCLGD; khoa/bộ môn liên quan	Phòng QLĐT SDH	24/6/2022- 12/8/2022	Đề cương chi tiết, biên bản họp
4.	Điều kiện đảm bảo chất lượng			Từ 12/5/2022 - 12/8/2022	Cơ sở vật chất, nhân lực
4.1	Danh sách giảng viên tham gia giảng dạy, nhà khoa học tham gia giảng dạy các học phần, môn học trong chương trình đào tạo	Phòng TCCB	Khoa/Bộ môn ;Trung tâm khảo thí & QLCLGD	24/6/2022- 12/8/2022	Hồ sơ giảng viên tham gia CTĐT

4.2	Các công trình khoa học và đề tài nghiên cứu khoa học của cơ sở đào tạo, giảng viên, nhà khoa học liên quan đến ngành đào tạo	Phòng QLKH	Khoa/Bộ môn; Trung tâm khảo thí & QLCLGD;	24/6/2022-12/8/2022	Danh mục các công trình khoa học và đề tài NCKH và đề tài (kèm minh chứng)
4.3	Trang thiết bị phục vụ thực hiện chương trình đào tạo	Phòng Vật tư trang thiết bị	Khoa/Bộ môn; Trung tâm khảo thí & QLCLGD	Từ 12/5/2022 - 12/8/2022	Danh mục vật tư trang thiết bị phục vụ đào tạo
4.4	Sách tham khảo và giảng dạy	Trung tâm thư viện	Khoa/Bộ môn; Trung tâm khảo thí & QLCLGD	24/6/2022-12/8/2022	Danh mục sách, tài liệu phục vụ đào tạo
5.	Thành lập Hội đồng thẩm định chương trình đào tạo và các điều kiện đảm bảo chất lượng	Phòng TCCB	Phòng QLĐTSDH Khoa/BM	30-2/9/2022	Quyết định hội đồng thẩm định CTĐT & DBCL
6.	Sửa chữa chương trình theo góp ý của Hội đồng	Khoa/BM	Phòng QLĐTSDH	3/9/2022-9/9/2022	Biên bản sửa chữa theo ý kiến của Hội đồng CTĐT và các minh chứng đảm bảo chất lượng theo sự góp ý của HD
7.	Hội đồng KH và Đào tạo thẩm định Hồ sơ mở mã ngành đào tạo mới	Hội đồng KH & ĐT	Phòng QLKH	12/9/2022-16/9/2022	Biên bản Đề án mở mã ngành mới
8.	Trình Bộ Giáo dục & Đào tạo đề án mở mã ngành	Phòng QLĐTSDH	Khoa/Bộ môn	19/9/2022-23/9/2022	Công văn gửi Bộ Giáo dục & Đào tạo Đề án mở mã ngành



HIỆU TRƯỞNG

PHÓ HIỆU TRƯỞNG

PGS. TS. Phạm Văn Linh

**BIÊN BẢN HỌP TRIỂN KHAI XÂY DỰNG
CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO**

Thực hiện Quyết định số 831/QĐ – YDHP ngày 10 tháng 05 năm 2022 của Hiệu trưởng Trường Đại học Y Dược Hải Phòng về việc Thành lập Hội đồng xây dựng chương trình và đảm bảo chất lượng chương trình thạc sĩ ngành Điều dưỡng, ngày 12/05/2022, vào hồi 14h tại Văn phòng khoa Điều dưỡng, Hội đồng xây dựng tiến hành họp triển khai xây dựng chương trình.

1. Thành phần tham dự gồm:

- Chủ trì: TS. Phạm Thanh Hải – Phó chủ tịch Hội đồng xây dựng và đảm bảo chất lượng chương trình thạc sĩ ngành Điều dưỡng.
- Thư ký: TS. Nguyễn Thị Thu Hương – Ủy viên thư kí.
- Thành phần:
 - + ThS. Đặng Văn Minh, chuyên viên Trung tâm GDYH-NCKH, ủy viên.
 - + ThS. Phạm Thị Thư, phó khoa Điều dưỡng, ủy viên
 - + Cùng toàn thể cán bộ khoa tham dự.

2. Nội dung cuộc họp:

- TS. Phạm Thanh Hải công bố Quyết định số 831/QĐ – YDHP ngày 10 tháng 05 năm 2022 của Hiệu trưởng Trường Đại học Y Dược Hải Phòng về việc Thành lập Hội đồng xây dựng chương trình và đảm bảo chất lượng chương trình thạc sĩ ngành Điều dưỡng có danh sách kèm theo.
 - TS. Phạm Thanh Hải phó trưởng khoa, thông qua bản Kế hoạch xây dựng chương trình đào tạo thạc sĩ ngành Điều dưỡng.
 - ThS. Đặng Văn Minh nêu các văn bản pháp lý làm căn cứ cho xây dựng chương trình đào tạo Thạc sĩ ngành Điều dưỡng.
 - Các cán bộ tham dự hoàn toàn nhất trí với các nội dung đã nêu ở trên và không có đóng góp thêm ý kiến gì.
- Cuộc họp kết thúc lúc 15h cùng ngày.**

Hải Phòng, ngày 12 tháng 05 năm 2022

Thư kí



TS. Nguyễn Thị Thu Hương

Chủ tọa



TS. Phạm Thanh Hải

BIÊN BẢN HỌP XÂY DỰNG CẤU TRÚC CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

Thực hiện Quyết định số 831/QĐ – YDHP ngày 10 tháng 05 năm 2022 của Hiệu trưởng Trường Đại học Y Dược Hải Phòng về việc Thành lập Hội đồng xây dựng chương trình và đảm bảo chất lượng chương trình thạc sĩ ngành Điều dưỡng. Hội đồng xây dựng tiến hành họp thống nhất cấu trúc chương trình đào tạo.

1. Thành phần tham dự gồm:

- Chủ trì: TS. Phạm Thanh Hải – Phó chủ tịch Hội đồng xây dựng và đảm bảo chất lượng chương trình thạc sĩ ngành Điều dưỡng.
- Thư ký: TS. Nguyễn Thị Thu Hương – Ủy viên thư kí.
- Thành phần:
 - + ThS. Phạm Thị Thư, phó khoa Điều dưỡng
 - + ThS. Đặng Văn Minh, chuyên viên Trung tâm GDYH-NCKH, ủy viên.
 - + Cùng toàn thể cán bộ khoa tham dự.

2. Thời gian và địa điểm:

- Thời gian vào lúc 8h ngày 27 tháng 5 năm 2022
- Địa điểm: Văn phòng khoa Điều dưỡng

3. Nội dung cuộc họp:

- Căn cứ vào Quy chế Đào tạo trình độ Thạc sĩ ban hành kèm theo Thông tư số 23/2021/TT - BGD & ĐT ngày 30 tháng 8 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục & Đào tạo.
- Căn cứ vào thông tư 17/ 2021/TT-BGDĐT ngày 22/06/2021 của Bộ Giáo dục và đào tạo Quy định về chuẩn chương trình đào tạo; xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học.
- Theo Quyết định Phê duyệt khung trình độ quốc gia Việt Nam của Thủ tướng chính phủ số 1982/QĐ-TTg ngày 18/10/2016 và một số thông tư liên quan cùng sự tư vấn và hướng dẫn của chuyên viên Trung tâm GDYH-NCKH.
- Ban xây dựng chương trình Thạc sĩ Điều dưỡng của khoa thống nhất xây dựng khung chương trình đào tạo Thạc sĩ Điều dưỡng bao gồm các nội dung sau:

A. Khung chương trình tổng hợp

Số TT	Khối lượng học tập	Khối lượng tín chỉ			Tỉ lệ %
		Tổng số	Lý thuyết	Thực hành	
1.	Học phần kiến thức chung	06	06	0	10
2.	Học phần kiến thức cơ sở	12	06	06	20
3.	Học phần kiến thức chuyên ngành	15	07	08	25
4.	Học phần kiến thức chuyên ngành (tự chọn)	15	09	06	25
5.	Luận văn	12			20
Tổng		60	28	20	100

B. Khung chương trình chi tiết

STT	Mã số	Tên học phần/môn học	Tổng số tín chỉ	Tổng số tiết	Phân bố tín chỉ/tiết học		Bm đảm nhận
					LT	TH	
Phần kiến thức chung			06	105	90	15	
01	YHTH. 501	Triết học	03	45	03/45	00/00	Triết
02	YHNN. 502	Ngoại ngữ chuyên ngành	03	60	02/45	01/15	Ngoại ngữ
Phần kiến thức cơ sở (bắt buộc)			12	270	90	180	
01	CSĐDT HS.01	Nghiên cứu khoa học trong Điều dưỡng	04	90	02/30	02/60	Khoa ĐD

02	CSĐDT HS.02	Tâm lý Y học	02	45	01/15	01/30	Tâm lý
03	CSĐDT HS.03	Phương pháp dạy học trong Điều dưỡng	04	90	02/30	02/60	Khoa ĐD
04	YHTT. 511	Thống kê Y sinh	02	45	01/15	01/30	Toán Tin
Phần kiến thức chuyên ngành (bắt buộc)			15	345	105	240	
01	CNĐD THS.04	Học thuyết Điều dưỡng	3	60	02/30	01/30	Khoa ĐD
02	CNĐD THS.05	Lãnh đạo và Quản lý Điều dưỡng	4	90	02/30	02/60	Khoa ĐD
03	CNĐD THS.06	Thực hành Điều dưỡng nâng cao	4	105	01/15	03/90	Khoa ĐD
04	CSĐDT HS.07	Thực hành Điều dưỡng dựa vào bằng chứng	4	90	02/30	02/60	Khoa ĐD
Phần kiến thức chuyên ngành (tự chọn 15/33 tín chỉ)			18				
01	TCĐDT HS.08	Điều dưỡng bệnh nội khoa nâng cao	03	75	02/30	01/45	Khoa ĐD
02	TCĐDT HS.09	Điều dưỡng bệnh ngoại khoa nâng cao	02	60	01/15	01/45	Khoa ĐD
03	TCĐDT HS.10	Điều dưỡng sản phụ nâng cao	03	75	02/30	01/45	Khoa ĐD
04	TCĐDT HS.11	Điều dưỡng trẻ em nâng cao	03	75	02/30	01/45	Khoa ĐD
05	TCĐDT HS.12	Điều dưỡng cộng đồng và gia đình	02	60	01/15	01/45	Khoa ĐD
06	TCĐDT HS.13	Điều dưỡng lão khoa	03	75	02/30	01/45	Khoa ĐD
07	TCĐDT HS.14	Điều dưỡng cấp cứu-hồi sức tích cực	03	75	02/30	01/45	Khoa ĐD

08	TCĐDT HS.15	Điều dưỡng truyền nhiễm	03	75	02/30	01/45	Truyền nhiễm
09	TCĐDT HS.16	Điều dưỡng thảm họa	02	45	01/15	01/30	Khoa ĐD
10	TCĐDT HS.17	Điều dưỡng trong chăm sóc giảm nhẹ và cuối đời	03	60	02/30	01/30	Khoa ĐD
11	TCĐDT HS.18	Dinh dưỡng tiết chế	03	60	02/30	01/30	Khoa ĐD
12	TCĐDT HS.19	GDSK và nâng cao sức khỏe trong thực hành ĐD	03	60	02/30	01/30	Khoa ĐD
Luận văn			12				
Tổng			60				

- Các cán bộ tham dự hoàn toàn nhất trí với các nội dung đã nêu ở trên và không có đóng góp thêm ý kiến gì.

Cuộc họp kết thúc lúc 11h cùng ngày.

Hải Phòng, ngày 27 tháng 05 năm 2022

Thư kí



TS. Nguyễn Thị Thu Hương

Chủ tọa



TS. Phạm Thanh Hải

BIÊN BẢN HỌP XÂY DỰNG MỤC TIÊU VÀ CHUẨN ĐẦU RA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

Thực hiện Quyết định số 831/QĐ – YDHP ngày 10 tháng 05 năm 2022 của Hiệu trưởng Trường Đại học Y Dược Hải Phòng về việc Thành lập Hội đồng xây dựng chương trình và đảm bảo chất lượng chương trình thạc sĩ ngành Điều dưỡng. Hội đồng xây dựng tiến hành họp thống nhất mục tiêu và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo.

1. Thành phần tham dự gồm:

- Chủ trì: TS. Phạm Thanh Hải – Phó chủ tịch Hội đồng xây dựng và đảm bảo chất lượng chương trình thạc sĩ ngành Điều dưỡng.
- Thư ký: TS. Nguyễn Thị Thu Hương – Ủy viên thư kí.
- Thành phần:
 - + Ths. Phạm Thị Thu – Phó khoa Điều dưỡng, uỷ viên
 - + ThS. Đặng Văn Minh, chuyên viên Trung tâm GDYH-NCKH, uỷ viên.
 - + Cùng toàn thể cán bộ khoa tham dự.

2. Thời gian và địa điểm:

- Thời gian vào lúc 8h ngày 20 tháng 5 năm 2022
- Địa điểm: Văn phòng khoa Điều dưỡng

3. Nội dung cuộc họp:

- Ban xây dựng chương trình trình bày mục tiêu và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo Thạc sĩ ngành Điều dưỡng trước toàn thể cán bộ khoa, chuyên viên phòng GDYH-NCKH.
- ThS. Đặng Văn Minh nêu các văn bản pháp lý làm căn cứ và đưa ra các chỉnh sửa, góp ý về mục tiêu và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo Thạc sĩ ngành Điều dưỡng. Các cán bộ trong khoa đóng góp ý kiến về xây dựng mục tiêu và chuẩn đầu ra của chương trình.
- Sau khi ban xây dựng chương trình cùng chuyên gia của trung tâm GDYH-NCKH và các cán bộ khoa Điều dưỡng thống nhất các nội dung của mục tiêu và chuẩn đầu ra chương trình. TS. Phạm Thanh Hải - Phó chủ tịch Hội đồng thông qua mục tiêu và chuẩn đầu ra chương trình đào tạo Thạc sĩ ngành Điều dưỡng bao gồm mục tiêu chung và mục tiêu cụ thể và 12 chuẩn đầu ra của Chương trình đào tạo dưới đây:

+ Mục tiêu chương trình:

A. Mục tiêu chung.

Mục tiêu đào tạo thạc sĩ Điều dưỡng là trang bị cho người học có phẩm chất chính trị, đạo đức, có ý thức phục vụ nhân dân, có kiến thức sâu rộng về điều dưỡng và thành thạo các kỹ năng thực hành nghề nghiệp theo tiêu chuẩn năng lực nghề điều dưỡng ở trình độ cao, có khả năng làm việc độc lập, sáng tạo và có năng lực phát hiện và ra quyết định để giải quyết những vấn đề thuộc lĩnh vực Điều dưỡng, có năng lực đào tạo và giảng dạy trong lĩnh vực Điều dưỡng, thực hiện được các đề tài nghiên cứu khoa học thuộc ngành Điều dưỡng.

B. Mục tiêu cụ thể.

- Áp dụng được các nguyên lý chăm sóc và quy trình điều dưỡng trong nhận định tình trạng người bệnh, chẩn đoán điều dưỡng, lập và thực hiện kế hoạch chăm sóc, can thiệp điều dưỡng và sử dụng thuốc đảm bảo an toàn, hiệu quả
- Phân tích được các vấn đề nghiên cứu, phương pháp luận thuộc lĩnh vực khoa học Điều dưỡng và áp dụng kết quả nghiên cứu trong thực hành Điều dưỡng dựa vào bằng chứng nhằm cải thiện sức khỏe cho người bệnh.
- Thảo luận và phân tích được các nội dung chính và các nguyên tắc cơ bản của hệ thống tổ chức Điều dưỡng Việt Nam; vận dụng được các nguyên tắc đó vào thực tiễn trong hệ thống bộ máy quản lý, lãnh đạo ngành Điều dưỡng Việt Nam.
- Thực hiện thành thạo các kỹ thuật Điều dưỡng theo quy trình, quy tắc an toàn và kiểm soát nhiễm khuẩn trong chăm sóc sức khỏe.
- Quản lý, tổ chức hiệu quả các chương trình giảng dạy Điều dưỡng cho sinh viên/học viên.
- Sử dụng thành thạo các kỹ năng tin học cơ bản trong thực hành nghề nghiệp.
- Áp dụng trình độ ngoại ngữ cấp độ B2 hoặc bậc 4/6 khung Châu Âu chung trong chăm sóc sức khỏe đa quốc gia, hướng tới hội nhập quốc tế.
- Hành nghề chuyên nghiệp trên cơ sở tuân thủ các quy định của pháp luật và đạo đức nghề nghiệp
- Tôn trọng ý kiến, tín ngưỡng của người bệnh và gia đình người bệnh trong quá trình thực hiện chăm sóc cũng như trong quá trình thăm khám nhằm phát hiện các vấn đề và giải quyết vấn đề.
- Liên tục cập nhật kiến thức, kỹ năng mới theo sự phát triển của Y học tiên tiến và ứng dụng kiến thức, kỹ năng đã học vào thực tiễn để nâng cao chất lượng chăm sóc người bệnh.

- Mức tự chủ và trách nhiệm: Nghiên cứu đưa ra những sáng kiến quan trọng. Thích nghi, tự định hướng và hướng dẫn người khác. Đưa ra những kết luận mang tính chuyên gia trong lĩnh vực chuyên môn. Quản lý, đánh giá và cải tiến các hoạt động chuyên môn.

C. Chuẩn đầu ra của chương trình (PLO):

- **PLO1.** Áp dụng được các nguyên lý chăm sóc và quy trình điều dưỡng trong nhận định tình trạng người bệnh, chẩn đoán điều dưỡng, lập và thực hiện kế hoạch chăm sóc, can thiệp điều dưỡng và sử dụng thuốc đảm bảo an toàn, hiệu quả.
 - **PLO2.** Phân tích được các kiến thức về thống kê, nghiên cứu khoa học và y học để thực hiện được một hoạt động nghiên cứu Điều dưỡng.
 - **PLO3.** Vận dụng được các nguyên tắc của hệ thống tổ chức Điều dưỡng Việt Nam vào công tác quản lý tại đơn vị.
 - **PLO4.** Thực hiện thành thạo các kỹ thuật Điều dưỡng theo quy trình, quy tắc an toàn và kiểm soát nhiễm khuẩn trong chăm sóc sức khỏe.
 - **PLO5.** Phát hiện sớm được các biến cố bất thường và ra các quyết định xử trí người bệnh theo các chuyên khoa thuộc lĩnh vực Điều dưỡng.
 - **PLO6.** Tổ chức và thực hiện quản lý chăm sóc người bệnh an toàn khi điều trị nội trú, ngoại trú.
 - **PLO7.** Tổ chức biên soạn tài liệu giáo dục sức khỏe và tổ chức thực hiện tư vấn truyền thông giáo dục sức khỏe cho người bệnh, gia đình người bệnh phù hợp và hiệu quả.
 - **PLO8.** Thực hiện được các kỹ năng lãnh đạo, tổ chức và ra quyết định quan trọng, kỹ năng giao tiếp ứng xử, kỹ năng xây dựng mối quan hệ làm việc hiệu quả để thúc đẩy chăm sóc bệnh nhân chất lượng cao và an toàn.
 - **PLO9.** Sử dụng công nghệ thành thạo trong lĩnh vực học thuật và thực hành nghề nghiệp.
 - **PLO10.** Áp dụng được trình độ ngoại ngữ bậc 4/6 theo khung năng lực ngoại ngữ dùng cho Việt Nam trong giao tiếp, đọc dịch tài liệu chuyên ngành Điều dưỡng.
 - **PLO11.** Tuân thủ theo quy định của pháp luật và đạo đức nghề nghiệp
 - **PLO12.** Hướng dẫn được người khác thực hiện nhiệm vụ chăm sóc người bệnh, quản lý trong các công tác chuyên môn.
- Các cán bộ tham dự hoàn toàn nhất trí với các nội dung đã nêu ở trên và không có đóng góp thêm ý kiến gì.

Cuộc họp kết thúc lúc 15h cùng ngày.

Hải Phòng, ngày 20 tháng 05 năm 2022

Thư kí



TS. Nguyễn Thị Thu Hương

Chủ tọa



ThS. Phạm Thanh Hải

BỘ Y TẾ
TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y DƯỢC HẢI PHÒNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập-Tự do-Hạnh phúc

**BIÊN BẢN HỌP VỀ CHIẾN LƯỢC LƯỢNG GIÁ
CHƯƠNG TRÌNH THẠC SĨ ĐIỀU DƯỠNG NĂM 2022**

1. Thành phần

- Chủ tọa: TS. Phạm Thanh Hải – Phó chủ tịch Hội đồng xây dựng và đảm bảo chất lượng chương trình thạc sĩ ngành Điều dưỡng.

- Đại diện lãnh đạo khoa Điều dưỡng
- Các giảng viên phụ trách các học phần trong chương trình Thạc sĩ Điều dưỡng
- Đại diện phòng Quản lý đào tạo sau đại học
- Đại diện Trung tâm GDYH-NCKH
- Đại diện phòng Khảo thí và Quản lý chất lượng giáo dục

2. Địa điểm

Văn phòng khoa Điều dưỡng

3. Thời gian

14h thứ năm ngày 23 tháng 6 năm 2022

4. Nội dung

Họp bàn về chiến lược lượng giá các học phần trong chương trình Thạc sĩ Điều dưỡng năm 2022.

5. Phương pháp lượng giá cụ thể cho từng học phần

STT	Tên học phần	Phương pháp lượng giá
1	Triết học	a) Lượng giá chuyên cần - Hình thức: Điểm danh/làm bài tập cá nhân/ thảo luận nhóm,... - Thời gian: trong suốt quá trình học tại bộ môn/module.... b) Lượng giá giữa kỳ - Hình thức: Tiểu luận - Thời gian: sau 1/2 thời gian học lý thuyết. c) Lượng giá cuối kỳ Điểm TKHP = CC*0.1 + GK*0.1 + KT*0.8 - Hình thức: + Lý thuyết: Tự luận có cấu trúc.
2	Ngoại ngữ chuyên ngành	a) Lượng giá chuyên cần - Hình thức: • Điểm danh học viên trong mỗi buổi học. Học viên nghỉ quá 15% số buổi học không được tham gia thi hết học phần. • Bài tập thuyết trình làm theo nhóm được dùng để đánh giá

		quá trình. Điểm bài thuyết trình của nhóm từ 5 trở lên thì học viên đủ điều kiện dự thi hết học phần. b) Lượng giá giữa kỳ - Điều kiện dự thi Speaking Test giữa kỳ: Học viên đáp ứng được yêu cầu về lượng giá chuyên cần mới đủ điều kiện để dự thi Speaking Test giữa kỳ. - Hình thức: Thi thực hành (Thi nói theo tình huống cho sẵn) - Thời gian: 5-8 phút/ 1 cặp học viên c) Lượng giá cuối kỳ - Hình thức: Tự luận có cấu trúc - Thời gian: 120 phút - Chiến lược lượng giá cuối kỳ: Đánh giá học phần Điểm TKHP = CC*0.1 + TH*0.3 + LTCK*0.6 CC: lượng giá chuyên cần TH: lượng giá giữa kì thực hành LTCK: lý thuyết cuối kỳ t₁ ; t₂ ; t₃: là trọng số (theo quy chế đào tạo tín chỉ). Sinh viên có điểm TKHP ≥ 4,0: ĐẠT; nếu điểm TKHP < 4,0: học lại theo quy chế.
3	Nghiên cứu khoa học trong điều dưỡng	a) Lượng giá thực hành (TH) Hình thức: + Viết đề cương nghiên cứu (ĐC) (theo nhóm) + Thuyết trình đề cương nghiên cứu (TT) (theo nhóm) Mỗi nhóm: 3-5 học viên. Các nhóm được chia ngay trong buổi học đầu tiên. Nội dung nghiên cứu được xác định ngay sau bài 1; các nội dung tiếp theo của học phần được tiến hành dựa trên tên đề tài được nhóm xác định sau bài 1. Thời gian thuyết trình: 15 phút Điểm thực hành TH= (ĐC*2 + TT) /3 b) Lượng giá lý thuyết (LT) Hình thức: Trả lời câu hỏi dựa theo đề cương được trình bày (theo cá nhân) c) Công thức tính điểm tổng kết học phần: TKHP= TH*0.5+LT*0.5
4	Tâm lý y học	Lượng giá cuối kỳ

		- Hình thức: thi OSCE - Thời gian: 8 phút/trạm/học viên Đánh giá học phần Điểm TKHP = THCK THCK: là điểm thi OSCE Sinh viên phải tham dự tất cả các bài thực hành và tham dự ít nhất 85% số tiết lý thuyết. Sinh viên phải có điểm thực hành ≥ 4 điểm (theo thang điểm 10) thì mới được dự thi kết thúc học phần. Sinh viên phải hoàn thành học phí theo đúng thời gian quy định của trường. Sinh viên có điểm TKHP $\geq 4,0$: ĐẠT; nếu điểm TKHP $< 4,0$: học lại theo quy chế.
5	Phương pháp dạy học trong điều dưỡng	Lượng giá chuyên cần: điểm trình bày bài tập của học viên trên lớp Lương giá lý thuyết - lượng giá kiến thức (PLO7) ○ Điều kiện dự thi lý thuyết : tham dự $>85\%$ số tiết học trên lớp ○ Phương pháp : thi trắc nghiệm ○ Công cụ: 60 câu MCQ/ 50' ○ Điều kiện : $> 2/10$ điểm ○ Chiến lược lượng giá Lượng giá thực hành – lượng giá kỹ năng (PLO7) ○ Phương pháp : đóng vai ○ Công cụ : Rubric cho 1 bài giảng trong 20' ○ Điều kiện đạt : 5/10 điểm ○ Chiến lược lượng giá Điểm tổng kết học phần (TKHP) = CCx0.1 + TH x0.4 + LTCKx0.5 Điều kiện đạt ; điểm TKHP $\geq 4/10$ điểm
6	Toán tin ứng dụng	a. Lượng giá chuyên cần - Hình thức: Điểm danh/làm bài tập - Thời gian: trong suốt quá trình học tại bộ môn b. Lượng giá cuối kỳ - Chiến lược lượng giá cuối kỳ: + Kiến thức: Thi tự luận, đề thi gồm 3 câu theo cấu trúc Đánh giá học phần

		Điểm TKHP = (LT + TH)/2 Sinh viên có điểm TKHP $\geq 4,0$: ĐẠT; nếu điểm TKHP $< 4,0$: học lại theo quy chế
7	Học thuyết điều dưỡng	Lượng giá cuối kỳ - Hình thức: MCQ/Tự luận - Thời gian: 60 phút 1.1. Đánh giá học phần Điểm TKHP = CC*0.1 + TH*0.3 + LTCK*0.6 TH = thực hành (bài kiểm tra case study) LTCK: Điểm thi lý thuyết cuối kỳ Sinh viên phải tham dự tất cả các bài thực hành và tham dự ít nhất 85% số tiết lý thuyết. Sinh viên tham gia trực đầy đủ. Sinh viên thực hiện chỉ tiêu tay nghề phải đạt $\geq 70\%$ và hoàn thành đủ 01 kế hoạch chăm sóc/tuần thì mới được tham dự thi thực hành. Sinh viên phải có điểm thực hành ≥ 4 điểm (theo thang điểm 10) thì mới được dự thi kết thúc học phần. Sinh viên phải hoàn thành học phí theo đúng thời gian quy định của trường. Sinh viên có điểm TKHP $\geq 4,0$: ĐẠT; nếu điểm TKHP $< 4,0$: học lại theo quy chế.
8	Quản lý điều dưỡng	Lượng giá học phần: Lượng giá cuối kỳ - Hình thức: MCQ/Tự luận - Thời gian: 60 phút Đánh giá học phần Điểm TKHP = CCx 0.1 + THx0.4 + LGCKx0.5 TH = Bài tập tình huống (TH: là điểm lượng giá thực hành) LTCK: Điểm thi lý thuyết cuối kỳ lý thuyết. Sinh viên phải tham dự tất cả các bài thực hành và tham dự ít nhất 85% số tiết lý thuyết. Sinh viên phải có điểm thực hành ≥ 4 điểm (theo thang điểm 10) thì mới được dự thi kết thúc học phần. Sinh viên phải hoàn thành học phí theo đúng thời gian quy định của trường. Sinh viên có điểm TKHP $\geq 4,0$: ĐẠT; nếu điểm TKHP $< 4,0$: học lại theo quy chế.
9	Thực hành	Lượng giá học phần gồm: lượng giá quá trình (chuyên cần) và

	điều dưỡng nâng cao	lượng giá kết thúc lý thuyết và thực hành a. Lượng giá chuyên cần - Hình thức: Điểm danh/làm bài tập cá nhân/làm pre-test,... - Thời gian: trong suốt quá trình học tại bộ môn/module.... b. Lượng giá thực hành + Lượng giá thực hành lâm sàng Lượng giá cuối kỳ + Kiến thức: Thi tự luận 60 phút /2 câu Đánh giá học phần Điểm TKHP = CCx 0.1 + THx0.4 + LGCKx0.5 CC: Chuyên cần TH: Lượng giá thực hành cuối kỳ LGCK: lượng giá kiến thức cuối kỳ Sinh viên có điểm: + LGCK < 2 thì điểm TKHP=0 + TKHP ≥ 4,0: ĐẠT; nếu điểm TKHP < 4,0: học lại theo quy chế
10	Thực hành điều dưỡng dựa vào bằng chứng	Lượng giá học phần gồm: Lượng giá cuối kỳ - Hình thức: viết tự luận/ xây dựng đề cương thực hành dựa trên bằng chứng - Thời gian: 90 phút (viết tự luận) Đánh giá học phần Điểm TKHP = KN*0.5 + Lý thuyết*0.5. KN: Điểm xây dựng đề cương thực hành dựa vào bằng chứng LT: Điểm thi lý thuyết
11	Điều dưỡng bệnh nội khoa nâng cao	a) Lượng giá học phần gồm: lượng giá quá trình (chuyên cần) và lượng giá kết thúc lý thuyết và thực hành b) Lượng giá chuyên cần - Hình thức: Điểm danh/làm bài tập cá nhân/làm pre-test... - Thời gian: trong suốt quá trình học tại bộ môn/module.... c) Lượng giá thực hành + Lượng giá thực hành lâm sàng Lượng giá cuối kỳ + Kiến thức: Thi tự luận 60 phút /2 câu e) Đánh giá học phần Điểm TKHP = CCx 0.1 + THx0.4 + LGCKx0.5 CC: Chuyên cần

		TH: Lượng giá thực hành cuối kỳ LGCK: lượng giá kiến thức cuối kỳ Sinh viên có điểm: + $LGCK < 2$ thì điểm TKHP=0 + $TKHP \geq 4,0$: ĐẠT; nếu điểm TKHP < 4,0: học lại theo quy chế
12	Điều dưỡng bệnh ngoại khoa nâng cao	Lượng giá học phần: Lượng giá cuối kỳ - Hình thức: MCQ/Tự luận - Thời gian: 60 phút - Chiến lược lượng giá cuối kỳ: + Kiến thức + Kỹ năng Đánh giá học phần Điểm TKHP = TH x 0.5 + LTCK x 0.5 TH = Thi tay nghề x 0.2 + Thi KHCS x 0.8 (TH: là điểm thi thực hành; KHCS: kế hoạch chăm sóc) LTCK: Điểm thi lý thuyết cuối kỳ lý thuyết.
13	Điều dưỡng sản phụ khoa nâng cao	Lượng giá học phần gồm: Lượng giá cuối kỳ - Hình thức: viết tự luận/ Lập KHCS - Thời gian: 90 phút (viết tự luận) - Chiến lược lượng giá cuối kỳ: + Kiến thức + Kỹ năng Đánh giá học phần Điểm TKHP = LS*0.5 + LT*0.5. LS: Điểm thi lâm sàng tại BV LT: Điểm thi lý thuyết
14	Điều dưỡng trẻ em nâng cao	Lượng giá học phần gồm: a. Lượng giá chuyên cần - Hình thức: Điểm danh/làm bài tập cá nhân/làm pre-test. - Thời gian: Trong suốt quá trình học tại bộ môn b. Lượng giá giữa kỳ - Hình thức: MCQ; Tự luận có cấu trúc; Báo cáo... - Thời gian: - Chiến lược lượng giá giữa kỳ: + Kiến thức + Kỹ năng: bảng kiểm

		Hình thức: MCQ; Tự luận có cấu trúc; Báo cáo... - Thời gian: - Chiến lược lượng giá cuối kỳ: + Kiến thức
15	Điều dưỡng cộng đồng và gia đình	Lượng giá học phần: Lượng giá cuối kỳ - Hình thức: MCQ/Tự luận - Thời gian: 60 phút - Chiến lược lượng giá cuối kỳ: . Đánh giá học phần Điểm TKHP = CCx 0.1 + THx0.4 + LGCKx0.5 TH = Lập kế hoạch chăm sóc x 0,5 + Viết báo cáo x 0,5 (TH: là điểm lượng giá thực hành) LTCK: Điểm thi lý thuyết cuối kỳ lý thuyết
16	Điều dưỡng lão khoa	Lượng giá học phần gồm: lượng giá quá trình (chuyên cần) và lượng giá kết thúc lý thuyết và thực hành b) Lượng giá chuyên cần - Hình thức: Điểm danh/làm bài tập cá nhân/làm pre-test,... - Thời gian: trong suốt quá trình học tại bộ môn/module.... c) Lượng giá thực hành + Lượng giá thực hành lâm sàng Lượng giá cuối kỳ + Kiến thức: Thi tự luận 60 phút /2 câu e) Đánh giá học phần Điểm TKHP = CCx 0.1 + THx0.4 + LGCKx0.5 CC: Chuyên cần TH: Lượng giá thực hành cuối kỳ LGCK: lượng giá kiến thức cuối kỳ Sinh viên có điểm: + LGCK < 2 thì điểm TKHP=0 + TKHP ≥ 4,0: ĐẠT; nếu điểm TKHP < 4,0: học lại theo quy chế
17	Điều dưỡng hồi sức cấp cứu	Lượng giá học phần gồm: lượng giá quá trình (chuyên cần) và lượng giá kết thúc lý thuyết và thực hành b) Lượng giá chuyên cần - Hình thức: Điểm danh/làm bài tập cá nhân/làm pre-test,... - Thời gian: trong suốt quá trình học tại bộ môn/module... c) Lượng giá thực hành

		+ Lượng giá thực hành lâm sàng Lượng giá cuối kỳ + Kiến thức: Thi tự luận 60 phút /2 câu e) Đánh giá học phần Điểm TKHP = CCx 0.1 + THx0.4 + LGCKx0.5 CC: Chuyên cần TH: Lượng giá thực hành cuối kỳ LGCK: lượng giá kiến thức cuối kỳ Sinh viên có điểm: + LGCK < 2 thì điểm TKHP=0 + TKHP ≥ 4,0: ĐẠT; nếu điểm TKHP < 4,0: học lại theo quy chế
18	Truyền nhiễm	2. Lượng giá kết thúc học phần - Hình thức: + Lý thuyết: Làm bài thi tự luận có cấu trúc + Lâm sàng: lập kế hoạch chăm sóc trường hợp bệnh nhân thực tế. - Thời gian: Ngày cuối cùng của thời gian đi học tại bộ môn Đánh giá học phần Điểm TKHP = LSx0.3 + LTCKx0.7 TKHP: Tổng kết học phần LS: Lâm sàng LTCK: Lý thuyết cuối kỳ Sinh viên có điểm TKHP ≥ 4,0: ĐẠT; nếu điểm TKHP < 4,0: học lại theo quy ch
19	Điều dưỡng thăm hỏi	Lượng giá học phần gồm: lượng giá quá trình (chuyên cần) và lượng giá kết thúc lý thuyết và thực hành. a. Lượng giá chuyên cần - Hình thức: Điểm danh/làm bài tập cá nhân/làm pre-test,... - Thời gian: trong suốt quá trình học tại bộ môn/module.... b. Lượng giá thực hành + Kỹ năng: OSCE Lượng giá cuối kỳ + Kiến thức: Thi tự luận 60'/4 câu +Thực hành: OSCE Đánh giá học phần Điểm TKHP = CCx 0.1 + THx0.4 + LGCKx0.5 CC: Chuyên cần TH: Lượng giá thực hành cuối kỳ: OSCE

		LGCK: lượng giá kiến thức cuối kỳ Sinh viên có điểm TKHP $\geq 4,0$: ĐẠT; nếu điểm TKHP $< 4,0$: học lại theo quy chế
20	Điều dưỡng trong chăm sóc giảm nhẹ và cuối đời	Lượng giá học phần: Lượng giá cuối kỳ - Hình thức: MCQ/Tự luận - Thời gian: 60 phút Đánh giá học phần Điểm TKHP = CC*0.1 + TH*0.3 + LTCK*0.6 TH = thực hành (bài kiểm tra tình huống) LTCK: Điểm thi lý thuyết cuối kỳ
21	Dinh dưỡng tiết chế	Lượng giá học phần: Lượng giá cuối kỳ - Hình thức: MCQ/Tự luận - Thời gian: 60 phút Đánh giá học phần Điểm TKHP = CCx 0.1 + THx0.4 + LGCKx0.5 TH: Xây dựng thực đơn bệnh lý LTCK: Điểm thi lý thuyết cuối kỳ lý thuyết. Sinh viên phải tham dự tất cả các bài thực hành và tham dự ít nhất 85% số tiết lý thuyết. Sinh viên phải có điểm thực hành ≥ 4 điểm (theo thang điểm 10) thì mới được dự thi kết thúc học phần. Sinh viên phải hoàn thành học phí theo đúng thời gian quy định của trường. Sinh viên có điểm TKHP $\geq 4,0$: ĐẠT; nếu điểm TKHP $< 4,0$: học lại theo quy chế
22	Giáo dục sức khỏe	Lượng giá học phần gồm: Lượng giá cuối kỳ - Hình thức: viết tự luận/ Thi vấn đáp - Thời gian: 90 phút (viết tự luận) Đánh giá học phần Điểm TKHP = LS*0.5 + LT*0.5. LS: Điểm thi lâm sàng tại BV LT: Điểm thi lý thuyết

Chủ tọa



Phan Thanh Hải

Hải Phòng, ngày 23 tháng 6 năm 2022

Đại diện
Khoa Điều dưỡng

Thư ký cuộc họp



Nguyễn Thị Thu Hương

BIÊN BẢN HỌP THIẾT KẾ ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT

Thực hiện Quyết định số 831/QĐ – YDHP ngày 10 tháng 05 năm 2022 của Hiệu trưởng Trường Đại học Y Dược Hải Phòng về việc Thành lập Hội đồng xây dựng chương thạc sĩ ngành Điều dưỡng. Ngày 26/06/2022, Hội đồng xây dựng tiến hành họp thống nhất thiết kế đề cương chi tiết.

1. Thành phần tham dự gồm:

- Chủ trì: TS. Phạm Thanh Hải – Phó chủ tịch Hội đồng xây dựng chương trình Thạc sĩ ngành điều dưỡng
 - Thư ký: TS. Nguyễn Thị Thu Hương – Giáo vụ khoa Điều dưỡng, ủy viên thư kí.
 - Thành phần:
- + Ths. Phạm Thị Thư, Phó khoa Điều dưỡng
- + ThS. Đặng Văn Minh, chuyên viên Trung tâm GDYH-NCKH, ủy viên
- + Cùng toàn thể cán bộ khoa tham dự.

2. Thời gian và địa điểm

- Thời gian vào lúc 14h ngày 26 tháng 6 năm 2022
- Địa điểm: Văn phòng khoa Điều dưỡng

3. Nội dung cuộc họp:

- TS. Phạm Thanh Hải – Phó chủ tịch Hội đồng xây dựng chương trình thạc sĩ ngành Điều dưỡng nêu nội dung cuộc họp với mục đích thống nhất thiết kế đề cương chi tiết trong CTĐT thạc sĩ ngành Điều dưỡng.

- ThS. Đặng Văn Minh nêu các văn bản pháp lý làm căn cứ cho xây dựng chương trình đào tạo Thạc sĩ.

- Đại diện ban xây dựng đề cương chi tiết chương trình Thạc sĩ Điều dưỡng, TS. Nguyễn Thị Thu Hương, giáo vụ khoa Điều dưỡng báo cáo và nêu ý kiến về các nội dung, mục đích, ý nghĩa trong thiết kế đề cương chi tiết. Nội dung bao gồm thông tin chung học phần, mô tả học phần, mục tiêu, chuẩn đầu ra, phương pháp lượng giá/đánh giá, nội dung học tập, phương pháp học tập, tài liệu giảng dạy, tài liệu tham khảo, giảng viên tham gia.

- Các cán bộ tham dự hoàn toàn nhất trí với các nội dung đã nêu ở trên và không có đóng góp thêm ý kiến gì.

Cuộc họp kết thúc lúc 15h cùng ngày.

Hải Phòng, ngày 27 tháng 06 năm 2022

Thư kí

Chủ tọa



TS. Nguyễn Thị Thu Hương



TS. Phạm Thanh Hải

Mẫu 1: Danh sách giảng viên, nhà khoa học, bao gồm: giảng viên cơ hữu, giảng viên ký hợp đồng lao động xác định thời hạn từ đủ 12 tháng trở lên làm việc toàn thời gian với cơ sở đào tạo, giảng viên thỉnh giảng tham gia giảng dạy các học phần, môn học trong chương trình đào tạo của ngành đào tạo dự kiến mở của cơ sở đào tạo

TT	Họ và tên, ngày sinh	Số CMND/ CCCD	Chức danh khoa học, năm phong	Trình độ, nước, năm tốt nghiệp	Ngành đào tạo ghi theo văn bằng tốt nghiệp	Tuyển dụng/hợp đồng từ 12 tháng trở lên làm việc toàn thời gian, hợp đồng thỉnh giảng, ngày ký; thời gian; gồm cả dự kiến		Mã số bảo hiểm	Kinh nghiệm (thời gian) giảng dạy theo trình độ (năm)	Số công trình khoa học đã công bố: cấp	
						Tuyển dụng	Hợp đồng			Bộ	Cơ sở
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
1	Nguyễn Thị Thu Hương, 25/02/1986	031118601 1753, Việt Nam		Tiến sỹ, Nhật Bản, 2018	Khoa học sức khỏe- Ngành điều dưỡng	1/11/2010		CH431310 9013945	12		4
2	Phạm Thị Thu Hương, 11/06/1986	030186000 953, Việt Nam		Tiến sỹ, Nhật Bản, 2020	Khoa học sức khỏe – Ngành điều dưỡng	1/11/2010		CH431311 0010088	12		2
3	Đỗ Thị Lan Anh, 18/05/1988	031188009 758, Việt Nam		Tiến sỹ, Nhật bản, 2019	Khoa học sức khỏe – Ngành	1/11/2010		CH431311 0013341	12		2

TT	Họ và tên, ngày sinh	Số CMND/ CCCD	Chức danh khoa học, năm phong	Trình độ, nước, năm tốt nghiệp	Ngành đào tạo ghi theo văn bằng tốt nghiệp	Tuyển dụng/hợp đồng từ 12 tháng trở lên làm việc toàn thời gian, hợp đồng thỉnh giảng, ngày ký; thời gian; gồm cả dự kiến		Mã số bảo hiểm	Kinh nghiệm (thời gian) giảng dạy theo trình độ (năm)	Số công trình khoa học đã công bố: cấp	
						Tuyển dụng	Hợp đồng			Bộ	Cơ sở
					điều dưỡng						
4	Vũ Văn Quang, 03/05/1974	031737699, Việt Nam	PGS, 2019	Tiến sỹ, Nhật Bản, 2013	Y khoa	1/1/2006		CH431030 7010018	16	2	5
5	Đặng Văn Chức, 18/06/1962	031002959, Việt Nam	PGS, 2014	Tiến sỹ, Việt Nam, 2010	Y xã hội học/Nhi khoa	1/10/1985		CH431311 5000231	37	2	5
6	Phạm Thị Thư, 26/01/1980	031131947, Việt Nam		Thạc sỹ, Việt Nam, 2011	Y tế công cộng	15/2/2004		CH431030 4014709	17	0	5
7	Dinh Văn Thức, 18/06/1962	031002959, Việt Nam	PGS, 2014	Tiến sỹ, Việt Nam 2003	Y Khoa	1/10/1989		CH431039 7055145	33	5	5

TT	Họ và tên, ngày sinh	Số CMND/ CCCD	Chức danh khoa học, năm phong	Trình độ, nước, năm tốt nghiệp	Ngành đào tạo ghi theo văn bằng tốt nghiệp	Tuyển dụng/hợp đồng từ 12 tháng trở lên làm việc toàn thời gian, hợp đồng thỉnh giảng, ngày ký; thời gian; gồm cả dự kiến		Mã số bảo hiểm	Kinh nghiệm (thời gian) giảng dạy theo trình độ (năm)	Số công trình khoa học đã công bố; cấp	
						Tuyển dụng	Hợp đồng			Bộ	Cơ sở
8	Vũ Mạnh Tân, 20/06/1981	3207539, Việt Nam		Tiến sỹ, Việt Nam, 2017	Nội tim mạch	12/9/2005		CH431030 7010013	16		10
9	Vũ Thị Thu Trang, 28/09/1994	31092334, Việt Nam		Tiến sỹ, Việt Nam, 2020	Nội khoa	2/1/2005		CH431312 2194167	17		5
10	Hoàng Thị Oanh, 20/01/1989	036189009 458, Việt Nam		Thạc sỹ, Thái Lan, 2015	Điều dưỡng sản khoa	1/11/2011		CH431311 1013368	11		4
11	Nguyễn Thị Thúy Hiếu, 8/2/1980	031970836, Việt Nam		Tiến sỹ, Việt Nam, 2022	Y khoa	1/2/2005			17	0	5
12	Phạm Văn Thương, 26/02/1978	031078000 343, Việt Nam		Tiến sỹ, Việt Nam, 2018	Ngoại khoa	1/1/2004		CH431030 4014714	18	1	5

TT	Họ và tên, ngày sinh	Số CMND/ CCCD	Chức danh khoa học, năm phong	Trình độ, nước, năm tốt nghiệp	Ngành đào tạo ghi theo văn bằng tốt nghiệp	Tuyển dụng/hợp đồng từ 12 tháng trở lên làm việc toàn thời gian, hợp đồng thỉnh giảng, ngày ký; thời gian; gồm cả dự kiến		Mã số bảo hiểm	Kinh nghiệm (thời gian) giảng dạy theo trình độ (năm)	Số công trình khoa học đã công bố: cấp	
						Tuyển dụng	Hợp đồng			Bộ	Cơ sở
13	Cao Thị Bích Hạnh, 28/03/1970	031170000 177, Việt Nam		PGS, 2015	Gây mê hồi sức		10/ 2019		3		
14	Nguyễn Thế May, 12/08/1981	142090006, Việt Nam		Thạc sỹ, Việt Nam, 2013	Ngoại khoa		10/ 2019		3	1	2
15	Phạm Thị Vân Anh, 22/09/1976	030955372, Việt Nam		Thạc sỹ, Úc, 2010	Y học	1/3/2001		CH431030 2001236	21		9
16	Trần Thị Liên, 27/10/1979	031179006 060, Việt Nam		Tiến sỹ 2022, Việt Nam	Truyền nhiễm và các bệnh nhiệt đới	1/2/2004		CH431030 4014711	18		3
17	Nguyễn Thị Phương Mai, 09/12/1973	30901840, Việt Nam		Tiến sỹ, Việt Nam, 2020	Hóa sinh y học	1/12/1997		CH431039 9115061	25		4
18	Đào Thu Hồng, 10/06/1976	030982561, Việt Nam		Tiến sỹ, Việt Nam, 2018	Khoa học y sinh	1/3/2001		CH431030 2001235	21		5

TT	Họ và tên, ngày sinh	Số CMND/ CCCD	Chức danh khoa học, năm phong	Trình độ, nước, năm tốt nghiệp	Ngành đào tạo ghi theo văn bằng tốt nghiệp	Tuyển dụng/hợp đồng từ 12 tháng trở lên làm việc toàn thời gian, hợp đồng thỉnh giảng, ngày ký; thời gian; gồm cả dự kiến		Mã số bảo hiểm	Kinh nghiệm (thời gian) giảng dạy theo trình độ (năm)	Số công trình khoa học đã công bố: cấp	
						Tuyển dụng	Hợp đồng			Bộ	Cơ sở
19	Nguyễn Ngọc Sáng, 15/05/1958	034058006 934, Việt Nam	PGS, 2005	Tiến sỹ , Việt Nam, 1999	Nhi khoa	1/1/1988		CH431039 7055216	34	1	5
20	Hoàng Đức Hạ, 28/06/1978	030078000 145, Việt Nam	PGS, 2020	Tiến sỹ y học, 2014	Chẩn đoán hình ảnh	12/1/2017		CH431030 4009989	5		6
21	Phạm Thanh Hải, 07/05/1984	031084013 037, Việt Nam	Postdoc, 2 016-2019	Tiến sỹ y học, Nhật Bản, 2016	Răng hàm mặt	13/10/2009		CH431310 9672785	13	1	4
22	Phạm Minh Khuê	031078003 102, Việt Nam	PGS	Tiến sỹ, Pháp, 2005	Vệ sinh dịch tễ	2/20/2008		312058708 2	13	2	4
23	Nguyễn Văn Khải, 10/02/1967	031878122, Việt Nam	PGS, 2017	Tiến sỹ, Việt Nam, 2014	Quản lý giáo dục	10/1/1996		CH431311 1038017		2	4

TT	Họ và tên, ngày sinh	Số CMND/ CCCD	Chức danh khoa học, năm phong	Trình độ, nước, năm tốt nghiệp	Ngành đào tạo ghi theo văn bằng tốt nghiệp	Tuyển dụng/hợp đồng từ 12 tháng trở lên làm việc toàn thời gian, hợp đồng thỉnh giảng, ngày ký; thời gian; gồm cả dự kiến		Mã số bảo hiểm	Kinh nghiệm (thời gian) giảng dạy theo trình độ (năm)	Số công trình khoa học đã công bố: cấp	
						Tuyển dụng	Hợp đồng			Bộ	Cơ sở
24	Trịnh Thị Thủy	031878066, Việt Nam		Tiến sĩ, Việt Nam, 2022	Triết học	2/1/2004		CH431030 4014708	18	2	13
25	Lại Thị Mai	031193010 426 Việt Nam		Thạc sỹ, Việt Nam, 2018	Triết học	4/1/2018		CH431312 2026105	4		2
26	Nguyễn Thị Hiền 30/11/1968	031168007 569, Việt Nam		Thạc sỹ, Việt Nam 2010	Tiếng Pháp	8/15/1993		CH431039 7055224	29		4
27	Trần Thị Hòa 27/01/1982	031182004 546, Việt Nam		Thạc sỹ, Việt Nam, 2010	Tiếng Anh	1/1/2006		CH431030 7010015	17		11
28	Đào Thị Mỹ Hạnh 20/10/1982	031111289 Việt Nam		Thạc sỹ, Việt Nam 2007	Tiếng Anh	11/1/2007		307010021	17		7

21 0-0-02 / H

TT	Họ và tên, ngày sinh	Số CMND/ CCCD	Chức danh khoa học, năm phong	Trình độ, nước, năm tốt nghiệp	Ngành đào tạo ghi theo văn bằng tốt nghiệp	Tuyển dụng/hợp đồng từ 12 tháng trở lên làm việc toàn thời gian, hợp đồng thỉnh giảng, ngày ký; thời gian; gồm cả dự kiến		Mã số bảo hiểm	Kinh nghiệm (thời gian) giảng dạy theo trình độ (năm)	Số công trình khoa học đã công bố: cấp	
						Tuyển dụng	Hợp đồng			Bộ	Cơ sở
29	Phạm Văn Thúc, 06/10/1959		Giáo sư	Tiến sỹ, Việt Nam, 1993	Sinh lý bệnh - DU - MD	9/1/1983		CH431039 7055237	39	2	
30	Nguyễn Văn Hùng 16/08/1960	030551859, Việt Nam	PGS, 2010	Tiến sỹ y học, Việt Nam, 2002	Y học	1/3/1989		CH431311 1038025	33	2	3
31	Phùng Chí Thiện, 20/10/1976	310760069 86, Việt Nam		Thạc sỹ, Việt Nam, 2007	Y học	1/1/2015		CH431030 3003345	14		3
32	Đào Thu Hằng, 14/11/1981	031187506, Việt Nam		Thạc sỹ, Việt Nam, 2008	Toán học	15/2/2004		CH431030 4014707	18		5
33	Nguyễn Ngọc Tú, 14/8/1982	31110249, Việt Nam		Thạc sỹ, Việt Nam, 2012	Toán học	08/11/2007		CH431311 3000189	15		4

TT	Họ và tên, ngày sinh	Số CMND/ CCCD	Chức danh khoa học, năm phong	Trình độ, nước, năm tốt nghiệp	Ngành đào tạo ghi theo văn bằng tốt nghiệp	Tuyển dụng/hợp đồng từ 12 tháng trở lên làm việc toàn thời gian, hợp đồng thỉnh giảng, ngày ký; thời gian; gồm cả dự kiến		Mã số bảo hiểm	Kinh nghiệm (thời gian) giảng dạy theo trình độ (năm)	Số công trình khoa học đã công bố: cấp	
						Tuyển dụng	Hợp đồng			Bộ	Cơ sở
34	Trần Thanh Vân, 21/12/1973	031173002 222, Việt Nam		Thạc sỹ, Việt Nam, 2005	Công nghệ thông tin	1/12/1995		CH431311 1038022	27		5
35	Nguyễn Thị Anh Thư	031182002 027		Thạc sỹ, Việt Nam, 2011	YTCC			CH431030 5013247	17		6

Đại diện trưởng đơn vị quản lý kê khai

(Ký tên xác nhận)

Như Hào

PHÓ TRƯỞNG PHÒNG TỔ CHỨC CÁN BỘ
Th.S. *Đoàn Như Chấn*

Thủ trưởng cơ sở đào tạo

(Ký tên, đóng dấu)



HIỆU TRƯỞNG
PGS. TS. *Nguyễn Văn Khải*

Mẫu 2: Danh sách giảng viên, nhà khoa học tham gia giảng dạy các học phần, môn học trong chương trình đào tạo của ngành đào tạo dự kiến mở của cơ sở đào tạo

TT	Họ và tên	Học phần/ môn học giảng dạy	Thời gian giảng dạy (học kỳ, năm học)	Số tín chỉ				Giảng viên cơ hữu ngành phù hợp chủ trì xây dựng, thực hiện chương trình/chuyên môn phù hợp chủ trì giảng dạy/hướng dẫn luận văn, luận án
				Bắt buộc		Tự chọn		
				Học trực tiếp	Học trực tuyến	Học trực tiếp	Học trực tuyến	
1	TS. Phạm Thị Thu Hương	Dinh dưỡng tiết chế	Học kỳ 1, năm thứ 2			03		Giảng viên cơ hữu chủ trì xây dựng, thực hiện chương trình đào tạo
		GDSK và nâng cao sức khỏe trong thực hành Điều dưỡng	Học kỳ 1, năm thứ 2			03		
		Học thuyết Điều dưỡng	Học kỳ 2, năm thứ 1	03				
		Thực hành Điều dưỡng dựa vào bằng chứng	Học kỳ 2, năm thứ 1	04				
		Điều dưỡng trong chăm sóc giảm nhẹ và cuối đời	Học kỳ 1, năm thứ 2			03		
		Điều dưỡng Nội nâng cao	Học kỳ 1, năm thứ 2			03		

TT	Họ và tên	Học phần/ môn học giảng dạy	Thời gian giảng dạy (học kỳ, năm học)	Số tín chỉ				Giảng viên cơ hữu ngành phù hợp chủ trì xây dựng, thực hiện chương trình/chuyên môn phù hợp chủ trì giảng dạy/hướng dẫn luận văn, luận án
				Bắt buộc		Tự chọn		
				Học trực tiếp	Học trực tuyến	Học trực tiếp	Học trực tuyến	
2	TS. Đỗ Thị Lan Anh	Điều dưỡng Hồi sức tích cực	Học kỳ 1, năm thứ 2			03		Giảng viên cơ hữu chủ trì xây dựng, thực hiện chương trình đào tạo
		Điều dưỡng Lão khoa	Học kỳ 1, năm thứ 2			03		
		Thực hành Điều dưỡng nâng cao	Học kỳ 2, năm thứ 1	04				
		Quản lý Điều dưỡng và Chính sách y tế	Học kỳ 2, năm thứ 1	04				
		GDSK và nâng cao sức khỏe trong thực hành Điều dưỡng	Học kỳ 1, năm thứ 2			03		
		Thực hành Điều dưỡng dựa vào bằng chứng	Học kỳ 2, năm thứ 1	04				
		Điều dưỡng trong chăm sóc giảm nhẹ và cuối đời	Học kỳ 1, năm thứ 2			03		

TT	Họ và tên	Học phần/ môn học giảng dạy	Thời gian giảng dạy (học kỳ, năm học)	Số tín chỉ				Giảng viên cơ hữu ngành phù hợp chủ trì xây dựng, thực hiện chương trình/chuyên môn phù hợp chủ trì giảng dạy/hướng dẫn luận văn, luận án
				Bắt buộc		Tự chọn		
				Học trực tiếp	Học trực tuyến	Học trực tiếp	Học trực tuyến	
		Học thuyết Điều dưỡng	Học kỳ 2, năm thứ 1	03				
		Điều dưỡng Sản phụ khoa nâng cao	Học kỳ 1, năm thứ 2			03		
		Thực hành Điều dưỡng nâng cao	Học kỳ 2, năm thứ 1	04				
		NCKH trong Điều dưỡng	Học kỳ 1, năm thứ 1	04				
3	TS. Nguyễn Thị Thu Hương	Điều dưỡng thảm họa	Học kỳ 1, năm thứ 2			03		Giảng viên cơ hữu chủ trì xây dựng, thực hiện chương trình đào tạo
		GDSK và nâng cao sức khỏe trong thực hành Điều dưỡng	Học kỳ 1, năm thứ 2			03		
		Học thuyết Điều dưỡng	Học kỳ 2, năm thứ 1	03				

TT	Họ và tên	Học phần/ môn học giảng dạy	Thời gian giảng dạy (học kỳ, năm học)	Số tín chỉ				Giảng viên cơ hữu ngành phù hợp chủ trì xây dựng, thực hiện chương trình/chuyên môn phù hợp chủ trì giảng dạy/hướng dẫn luận văn, luận án
				Bắt buộc		Tự chọn		
				Học trực tiếp	Học trực tuyến	Học trực tiếp	Học trực tuyến	
		Thực hành Điều dưỡng dựa vào bằng chứng	Học kỳ 2, năm thứ 1	04				
		Điều dưỡng trong chăm sóc giảm nhẹ và cuối đời	Học kỳ 1, năm thứ 2			03		
		Điều dưỡng ngoại khoa nâng cao	Học kỳ 1, năm thứ 2			03		
		Thực hành Điều dưỡng nâng cao	Học kỳ 2, năm thứ 1	04				
		Điều dưỡng Hồi sức tích cực	Học kỳ 1, năm thứ 2			03		
4	TS. Vũ Mạnh Tân	Điều dưỡng Nội nâng cao	Học kỳ 1, năm thứ 2			03		Giảng viên cơ hữu có chuyên môn phù hợp chủ trì giảng dạy
		Điều dưỡng Hồi sức tích cực	Học kỳ 1, năm thứ 2			03		

TT	Họ và tên	Học phần/ môn học giảng dạy	Thời gian giảng dạy (học kỳ, năm học)	Số tín chỉ				Giảng viên cơ hữu ngành phù hợp chủ trì xây dựng, thực hiện chương trình/chuyên môn phù hợp chủ trì giảng dạy/hướng dẫn luận văn, luận án
				Bắt buộc		Tự chọn		
				Học trực tiếp	Học trực tuyến	Học trực tiếp	Học trực tuyến	
5	TS. Vũ Thị Thu Trang	Điều dưỡng Nội nâng cao	Học kỳ 1, năm thứ 2			03		Giảng viên cơ hữu có chuyên môn phù hợp chủ trì giảng dạy
6	TS. Phạm Văn Thương	Điều dưỡng ngoại khoa nâng cao	Học kỳ 1, năm thứ 2			03		Giảng viên cơ hữu có chuyên môn phù hợp chủ trì giảng dạy
7	PGS.TS. Cao Thị Bích Hạnh	Điều dưỡng ngoại khoa nâng cao	Học kỳ 1, năm thứ 2			03		Giảng viên cơ hữu có chuyên môn phù hợp chủ trì giảng dạy
8	TS. Nguyễn Thế May	Điều dưỡng ngoại khoa nâng cao	Học kỳ 1, năm thứ 2			03		Giảng viên cơ hữu có chuyên môn phù hợp chủ trì giảng dạy
9	Ths Hoàng Thị Oanh (đang học NCS)	Điều dưỡng Sản phụ khoa nâng cao	Học kỳ 1, năm thứ 2			03		Giảng viên cơ hữu có chuyên môn phù hợp chủ trì giảng dạy
10	PGS.TS. Đặng Văn Chức	Điều dưỡng trẻ em nâng cao	Học kỳ 1, năm thứ 2			03		Giảng viên cơ hữu chủ trì xây dựng, thực hiện chương trình đào tạo

TT	Họ và tên	Học phần/ môn học giảng dạy	Thời gian giảng dạy (học kỳ, năm học)	Số tín chỉ				Giảng viên cơ hữu ngành phù hợp chủ trì xây dựng, thực hiện chương trình/chuyên môn phù hợp chủ trì giảng dạy/hướng dẫn luận văn, luận án
				Bắt buộc		Tự chọn		
				Học trực tiếp	Học trực tuyến	Học trực tiếp	Học trực tuyến	
11	PGS.TS. Nguyễn Ngọc Sáng	Điều dưỡng trẻ em nâng cao	Học kỳ 1, năm thứ 2			03		Giảng viên cơ hữu có chuyên môn phù hợp chủ trì giảng dạy
12	PGS.TS. Đinh Văn Thúc	Điều dưỡng trẻ em nâng cao	Học kỳ 1, năm thứ 2			03		Giảng viên cơ hữu có chuyên môn phù hợp chủ trì giảng dạy
13	PGS.TS. Vũ Văn Quang	Điều dưỡng trẻ em nâng cao	Học kỳ 1, năm thứ 2			03		Giảng viên cơ hữu có chuyên môn phù hợp chủ trì giảng dạy
14	TS. Nguyễn Thị Thúy Hiếu	Điều dưỡng Lão khoa	Học kỳ 1, năm thứ 2			03		Giảng viên cơ hữu có chuyên môn phù hợp chủ trì giảng dạy
15	Ths. Phạm Thị Vân Anh	Điều dưỡng truyền nhiễm	Học kỳ 1, năm thứ 1			03		Giảng viên cơ hữu có chuyên môn phù hợp chủ trì giảng dạy

TT	Họ và tên	Học phần/ môn học giảng dạy	Thời gian giảng dạy (học kỳ, năm học)	Số tín chỉ				Giảng viên cơ hữu ngành phù hợp chủ trì xây dựng, thực hiện chương trình/chuyên môn phù hợp chủ trì giảng dạy/hướng dẫn luận văn, luận án
				Bắt buộc		Tự chọn		
				Học trực tiếp	Học trực tuyến	Học trực tiếp	Học trực tuyến	
16	Ths. Trần Thị Liên	Điều dưỡng truyền nhiễm	Học kỳ 1, năm thứ 1			03		Giảng viên cơ hữu có chuyên môn phù hợp chủ trì giảng dạy
17	Ths.GVC. Phạm Thị Thư	Dinh dưỡng tiết chế	Học kỳ 1, năm thứ 2			03		Giảng viên cơ hữu có chuyên môn phù hợp chủ trì giảng dạy
		Điều dưỡng cộng đồng và gia đình	Học kỳ 1, năm thứ 2			03		
		Quản lý Điều dưỡng và Chính sách y tế	Học kỳ 2, năm thứ 1	04				
		Điều dưỡng thảm họa	Học kỳ 1, năm thứ 2			03		
18	Ths.GVC. Nguyễn Thị Anh Thư	Điều dưỡng thảm họa	Học kỳ 1, năm thứ 2			03		Giảng viên cơ hữu có chuyên môn phù hợp chủ trì giảng dạy

TT	Họ và tên	Học phần/ môn học giảng dạy	Thời gian giảng dạy (học kỳ, năm học)	Số tín chỉ				Giảng viên cơ hữu ngành phù hợp chủ trì xây dựng, thực hiện chương trình/chuyên môn phù hợp chủ trì giảng dạy/hướng dẫn luận văn, luận án
				Bắt buộc		Tự chọn		
				Học trực tiếp	Học trực tuyến	Học trực tiếp	Học trực tuyến	
19	PGS.TS.Phạm Minh Khuê	NCKH trong Điều dưỡng	Học kỳ 1, năm thứ 1	04				Giảng viên cơ hữu có chuyên môn phù hợp chủ trì giảng dạy
20	TS. Phạm Thanh Hải	NCKH trong Điều dưỡng	Học kỳ 1, năm thứ 1	04				Giảng viên cơ hữu có chuyên môn phù hợp chủ trì giảng dạy
21	PGS.TS.Hoàng Đức Hạ	NCKH trong Điều dưỡng	Học kỳ 1, năm thứ 1	04				Giảng viên cơ hữu có chuyên môn phù hợp chủ trì giảng dạy
22	PGS.TS. Nguyễn Văn Khải	Tâm lý y học	Học kỳ 1, năm thứ 1	02				Giảng viên cơ hữu có chuyên môn phù hợp chủ trì giảng dạy
23	GS.TS. Phạm Văn Thúc	Tâm lý y học	Học kỳ 1, năm thứ 1	02				Giảng viên cơ hữu có chuyên môn phù hợp chủ trì giảng dạy
24	PGS.TS. Nguyễn Văn Hùng	Tâm lý y học	Học kỳ 1, năm thứ 1	02				Giảng viên cơ hữu có chuyên môn phù hợp chủ trì giảng dạy

TT	Họ và tên	Học phần/ môn học giảng dạy	Thời gian giảng dạy (học kỳ, năm học)	Số tín chỉ				Giảng viên cơ hữu ngành phù hợp chủ trì xây dựng, thực hiện chương trình/chuyên môn phù hợp chủ trì giảng dạy/hướng dẫn luận văn, luận án
				Bắt buộc		Tự chọn		
				Học trực tiếp	Học trực tuyến	Học trực tiếp	Học trực tuyến	
25	Ths. Phùng Chí Thiện	Tâm lý y học	Học kỳ 1, năm thứ 1	02				Giảng viên cơ hữu có chuyên môn phù hợp chủ trì giảng dạy
26	TS. Nguyễn Thị Phương Mai	Phương pháp dạy học trong Điều dưỡng	Học kỳ 1, năm thứ 1	04				Giảng viên cơ hữu có chuyên môn phù hợp chủ trì giảng dạy
27	TS. Đào Thị Thu Hồng	Phương pháp dạy học trong Điều dưỡng	Học kỳ 1, năm thứ 1	04				Giảng viên cơ hữu có chuyên môn phù hợp chủ trì giảng dạy
28	TS. Vũ Mạnh Tân	Phương pháp dạy học trong Điều dưỡng	Học kỳ 1, năm thứ 1	04				Giảng viên cơ hữu có chuyên môn phù hợp chủ trì giảng dạy
29	Ths. Đào Thu Hằng	Toán - Tin ứng dụng	Học kỳ 1, năm thứ 1	02				Giảng viên cơ hữu có chuyên môn phù hợp chủ trì giảng dạy

TT	Họ và tên	Học phần/ môn học giảng dạy	Thời gian giảng dạy (học kỳ, năm học)	Số tín chỉ				Giảng viên cơ hữu ngành phù hợp chủ trì xây dựng, thực hiện chương trình/chuyên môn phù hợp chủ trì giảng dạy/hướng dẫn luận văn, luận án
				Bắt buộc		Tự chọn		
				Học trực tiếp	Học trực tuyến	Học trực tiếp	Học trực tuyến	
30	Ths. Nguyễn Ngọc Tú	Toán - Tin ứng dụng	Học kỳ 1, năm thứ 1	02				Giảng viên cơ hữu có chuyên môn phù hợp chủ trì giảng dạy
31	Ths. Trần Thanh Vân	Toán - Tin ứng dụng	Học kỳ 1, năm thứ 1	02				Giảng viên cơ hữu có chuyên môn phù hợp chủ trì giảng dạy
32	TS. Trịnh Thị Thủy	Triết học	Học kỳ 1, năm thứ 1	03				Giảng viên cơ hữu có chuyên môn phù hợp chủ trì giảng dạy
33	Ths. Lại Thị Mai	Triết học	Học kỳ 1, năm thứ 1	03				Giảng viên cơ hữu có chuyên môn phù hợp chủ trì giảng dạy
34	Ths.GVC Nguyễn Thị Hiền	Ngoại ngữ	Học kỳ 1, năm thứ 1	03				Giảng viên cơ hữu có chuyên môn phù hợp chủ trì giảng dạy

TT	Họ và tên	Học phần/ môn học giảng dạy	Thời gian giảng dạy (học kỳ, năm học)	Số tín chỉ				Giảng viên cơ hữu ngành phù hợp chủ trì xây dựng, thực hiện chương trình/chuyên môn phù hợp chủ trì giảng dạy/hướng dẫn luận văn, luận án
				Bắt buộc		Tự chọn		
				Học trực tiếp	Học trực tuyến	Học trực tiếp	Học trực tuyến	
35	Ths.GVC Trần Thị Hòa	Ngoại ngữ	Học kỳ 1, năm thứ 1	03				Giảng viên cơ hữu có chuyên môn phù hợp chủ trì giảng dạy
36	Ths. Đào Thị Mỹ Hạnh	Ngoại ngữ	Học kỳ 1, năm thứ 1	03				Giảng viên cơ hữu có chuyên môn phù hợp chủ trì giảng dạy

Đại diện trưởng đơn vị quản lý kê khai

(Ký tên xác nhận)


Phạm Thị Thược

Thủ trưởng cơ sở đào tạo

(Ký tên, đóng dấu)



HIỆU TRƯỞNG

PGS. TS. Nguyễn Văn Khải

Mẫu 3: Danh sách cán bộ quản lý cấp khoa đối với ngành đào tạo dự kiến mở trình độ đại học/ thạc sỹ/ tiến sĩ của cơ sở đào tạo

Stt	Họ và tên, ngày sinh, chức vụ hiện tại	Trình độ đào tạo, năm tốt nghiệp	Ngành, chuyên ngành	Ghi chú
1.	Nguyễn Thị Thu Hương, ngày sinh 25/02/1986 - Phụ trách BM Điều dưỡng Người lớn, Khoa Điều dưỡng, Trường ĐHYDHP	Tiến sĩ khoa học Khối ngành sức khỏe năm 2018	Điều dưỡng	Tốt nghiệp tại Đại học Kanazawa, Nhật Bản
2.	Đỗ Thị Lan Anh, ngày sinh 18/5/1988 - Phụ trách BM Điều dưỡng sản phụ khoa, Khoa Điều dưỡng, Trường ĐHYDHP	Tiến sĩ khoa học Khối ngành sức khỏe năm 2019	Điều dưỡng	Tốt nghiệp tại Đại học Kanazawa, Nhật Bản
3.	Phạm Thị Thu Hương, ngày sinh 11/6/1986 - Phụ trách BM Điều dưỡng Cơ bản, Khoa Điều dưỡng, Trường ĐHYDHP	Tiến sĩ khoa học Khối ngành sức khỏe năm 2020	Điều dưỡng	Tốt nghiệp tại Đại học Kanazawa, Nhật Bản
4.	Đặng Văn Chức, ngày sinh 03/9/1962 - Trưởng BM Nhi, Trưởng Bộ môn Điều dưỡng Nhi, Khoa Điều dưỡng, Trường ĐHYDHP	Tiến sĩ khoa học Khối ngành sức khỏe năm 2010	Nhi khoa	Giảng viên cao cấp - năm 2013



5.	Vũ Văn Quang, ngày sinh 03/05/1974 - Phụ trách khoa Điều dưỡng, Trường ĐHYDHP	Tiến sĩ Y khoa Khối ngành sức khỏe năm 2013	Y khoa	Giảng viên cao cấp - năm 2019
6.	Phạm Thị Thu, ngày sinh 26/01/1980 - Phó trưởng khoa Điều dưỡng, phó trưởng bộ môn Điều dưỡng Cộng đồng, Trường ĐHYDHP	Thạc sĩ Y học năm 2010.	Y tế công cộng	Nghiên cứu sinh chuyên ngành Dinh dưỡng, Viện dinh dưỡng Hà Nội từ năm 2015 Giảng viên chính - năm 2019

Đại diện trưởng các đơn vị chuyên môn quản lý kê khai

(Ký tên xác nhận)

Whithano

PHÓ TRƯỞNG PHÒNG TỔ CHỨC CÁN BỘ

ThS. *Đoàn Như Chàng*

Thủ trưởng cơ sở đào tạo

(Ký tên, đóng dấu)



Nguyễn Văn Khải

HIỆU TRƯỞNG

PGS. TS. *Nguyễn Văn Khải*

Mẫu 4. Các đề tài nghiên cứu khoa học của cơ sở đào tạo, giảng viên, nhà khoa học liên quan đến ngành đào tạo dự kiến mở do cơ sở đào tạo thực hiện (kèm theo bảo liệt kê có bản sao quyết định, bản sao biên bản nghiệm thu)

Số TT	Số quyết định, ngày phê duyệt đề tài, mã số	Đề tài cấp bộ/đề tài cấp cơ sở	Tên đề tài	Chủ nhiệm đề tài	Số quyết định, ngày thành lập HĐKH nghiệm thu đề tài	Ngày nghiệm thu đề tài (theo biên bản nghiệm thu)	Kết quả nghiệm thu, ngày	Tên thành viên tham gia nghiên cứu đề tài (học phần/môn học được phân công)	Ghi chú
	Số 210/QĐ –YDHP, ngày 01 tháng 03 năm 2019.	Cơ sở	Nghiên cứu thực trạng trầm cảm ở các bà mẹ có con mắc bệnh, điều trị tại khoa sơ sinh, bệnh viện trẻ em Hải Phòng 2019.	PGS.TS Đặng Văn Chức	Số 1068/QĐ-YDHP ngày 19/9/2019	6/10/2019	Xuất sắc, số 1503/QĐ-YDHP, ngày 29/11/2019.	Điều dưỡng trẻ em nâng cao	
	Số 210/QĐ –YDHP, ngày 01 tháng 03 năm 2019.	Cơ sở	Đặc điểm lâm sàng, cận lâm sàng và kết quả điều trị nhiễm khuẩn huyết ở trẻ em điều trị tại Bệnh viện Trẻ em Hải Phòng năm 2014-2018.	PGS.TS Đinh Văn Thức	Số 1068/QĐ-YDHP ngày 19/9/2019	6/10/2019	Xuất sắc, số 1503/QĐ-YDHP, ngày 29/11/2019.	Điều dưỡng trẻ em nâng cao	
	Số 210/QĐ –YDHP, ngày 01	Cơ sở	Đánh giá chất lượng cuộc sống của trẻ mắc Lupus ban đỏ hệ thống	PGS.TS Nguyễn Ngọc Sáng	Số 1068/QĐ-YDHP	6/10/2019	Xuất sắc, số 1503/QĐ-YDHP,	Điều dưỡng trẻ em nâng cao, phương pháp dạy học trong Điều dưỡng	

	tháng 03 năm 2019.				ngày 19/9/2019		ngày 29/11/2019.		
	Số 210/QĐ –YDHP, ngày 01 tháng 03 năm 2019.	Cơ sở	Biên soạn sách: sử dụng dung dịch truyền tĩnh mạch trong thực hành lâm sàng	PGS.TS Trịnh Thị Lý	Số 1068/QĐ- YDHP ngày 19/9/2019	6/10/2019	Khá, số 1503/QĐ- YDHP, ngày 29/11/2019.	Điều dưỡng lão khoa	
	Số 210/QĐ –YDHP, ngày 01 tháng 03 năm 2019.	Cơ sở	Nghiên cứu đặc điểm lâm sàng, cận lâm sàng và đặc điểm vi khuẩn học trên bệnh nhân nhiễm khuẩn tiết niệu tại khoa Nội 3 bệnh viện hữu nghị Việt tiếp hải Phòng.	Kê Thị Lan Anh	Số 1068/QĐ- YDHP ngày 19/9/2019	6/10/2019	Khá, số 1503/QĐ- YDHP, ngày 29/11/2019.	Điều dưỡng nội nâng cao, phương pháp dạy học trong Điều dưỡng	
	Số 210/QĐ –YDHP, ngày 01 tháng 03 năm 2019.	Cơ sở	Nghiên cứu đặc điểm hội chứng chuyển hóa ở bệnh nhân bệnh phổi tắc nghẽn mạn tính điều trị tại bệnh viện Hữu nghị Việt Tiếp Hải Phòng.	Lê Thị Diệu Hiền	Số 1068/QĐ- YDHP ngày 19/9/2019	6/10/2019	Khá, số 1503/QĐ- YDHP, ngày 29/11/2019.	Điều dưỡng nội nâng cao	

Số 210/QĐ-YDHP, ngày 01 tháng 03 năm 2019.	Cơ sở	Bước đầu đánh giá kết quả điều trị rối loạn nhịp tim bằng năng lượng song có tần số Radio tại Bệnh viện hữu nghị Việt Tiệp năm 2019	Vũ Mạnh Tân	Số 1068/QĐ-YDHP ngày 19/9/2019	6/10/2019	Khá, số 1503/QĐ-YDHP, ngày 29/11/2019.	Điều dưỡng nội nâng cao, phương pháp dạy học trong Điều dưỡng	
Số 210/QĐ-YDHP, ngày 01 tháng 03 năm 2019.	Cơ sở	Khảo sát nồng độ IgE huyết thanh ở trẻ từ 2 tháng đến 5 tuổi bị khô khè tại bệnh viện đa khoa quốc tế Green	Vũ Văn Quang	Số 1068/QĐ-YDHP ngày 19/9/2019	6/10/2019	Khá, số 1503/QĐ-YDHP, ngày 29/11/2019.	Điều dưỡng trẻ em nâng cao	
Số 210/QĐ-YDHP, ngày 01 tháng 03 năm 2019.	Cơ sở	Nghiên cứu đặc điểm lâm sàng và cận lâm sàng, kết quả điều trị viêm túi mật hoại tử do sỏi tại Bệnh viện Hữu Nghị Việt tiếp Hải Phòng	Phạm Văn Thương	Số 1068/QĐ-YDHP ngày 19/9/2019	6/10/2019	Khá, số 1503/QĐ-YDHP, ngày 29/11/2019	Điều dưỡng ngoại khoa nâng cao	
số 360/QĐ-YDHP ngày 31/03/2020	Cơ sở	Kết quả ứng dụng phẫu thuật nội soi một lỗ cắt túi mật sử dụng cổng gắng tay (Glove-Port) điều trị sỏi túi mật tại		Số 1725/QĐ-YDHP ngày 7/12/2020	19/12/2020	Xuất sắc, Số 154/QĐ-YDHP ngày 20/01/2020	Điều dưỡng ngoại khoa nâng cao	

			bệnh viện Việt Tiệp Hải Phòng.						
	số 360/QĐ-YDHP ngày 31/03/2020	Cơ sở	Đặc điểm dịch tễ học lâm sàng, cận lâm sàng, biến chứng và kết quả điều trị của bệnh cúm mùa tại bệnh viện Trẻ em Hải Phòng	PGS.TS Nguyễn Ngọc Sáng	Số 1725/QĐ-YDHP ngày 7/12/2020	19/12/2020	Xuất sắc, Số 154/QĐ-YDHP ngày 20/01/2020	Điều dưỡng trẻ em nâng cao, Phương pháp dạy học trong Điều dưỡng	
	số 360/QĐ-YDHP ngày 31/03/2020	Cơ sở	Đặc điểm lâm sàng, cận lâm sàng và kết quả điều trị thiếu máu ở trẻ đẻ non tại bệnh viện trẻ em Hải Phòng 2018-2019.	PGS.TS Đinh Văn Thúc	Số 1725/QĐ-YDHP ngày 7/12/2020	19/12/2020	Xuất sắc, Số 154/QĐ-YDHP ngày 20/01/2020	Điều dưỡng trẻ em nâng cao	
	số 360/QĐ-YDHP ngày 31/03/2020	Cơ sở	Đặc điểm lâm sàng, cận lâm sàng và kết quả điều trị viêm phổi do hợp bào hô hấp ở trẻ sơ sinh tại bệnh viện trẻ em Hải Phòng 2020.	PGS.TS Đặng Văn Chúc	Số 1725/QĐ-YDHP ngày 7/12/2020	19/12/2020	Xuất sắc, Số 154/QĐ-YDHP ngày 20/01/2020	Điều dưỡng trẻ em nâng cao	
	số 360/QĐ-YDHP ngày 31/03/2020	Cơ sở	So sánh đặc điểm của viêm tiểu phế quản cấp có nhiễm RSV và không nhiễm RSV ở trẻ em Hải Phòng.	Đinh Dương Tùng Anh	Số 1725/QĐ-YDHP ngày 7/12/2020	19/12/2020	Khá, Số 154/QĐ-YDHP ngày 20/01/2020	Điều dưỡng trẻ em nâng cao	

số 360/QĐ-YDHP ngày 31/03/2020	Cơ sở	Đặc điểm dịch tễ học lâm sàng, cận lâm sàng và nhận xét kết quả điều trị viêm tiểu phế quản có nhiễm virus hợp bào hô hấp tại khoa Nhi, bệnh viện quốc tế Green năm 2019- 2020.	Vũ Văn Quang	Số 1725/QĐ-YDHP ngày 7/12/2020	19/12/2020	Khá, Số 154/QĐ-YDHP ngày 20/01/2020	Điều dưỡng trẻ em nâng cao	
số 360/QĐ-YDHP ngày 31/03/2020	Cơ sở	Đặc điểm lâm sàng, cận lâm sàng và một số yếu tố liên quan đến cơn tăng huyết áp ở bệnh nhân tăng huyết áp cấp cứu tại Bệnh viện Hữu Nghị Việt Tiệp	Vũ Mạnh Tân	Số 1725/QĐ-YDHP ngày 7/12/2020	19/12/2020	Xuất sắc, Số 154/QĐ-YDHP ngày 20/01/2020	Điều dưỡng nội nâng cao, phương pháp dạy học trong Điều dưỡng	
số 360/QĐ-YDHP ngày 31/03/2020	Cơ sở	Nghiên cứu đặc điểm lâm sàng, cận lâm sàng và xquang trong bệnh phổi tắc nghẽn mạn tính tại khoa Nội hô hấp bệnh viện Hữu nghị Việt tiệp- Hải Phòng.	Lê Thị Diệu Hiền	Số 1725/QĐ-YDHP ngày 7/12/2020	19/12/2020	Khá, Số 154/QĐ-YDHP ngày 20/01/2020	Điều dưỡng nội nâng cao	
số 360/QĐ-YDHP ngày 31/03/2020	Cơ sở	Nghiên cứu đặc điểm lâm sàng, cận lâm sàng biến chứng thận của bệnh nhân đái tháo đường tuýp 2 tại khoa	Kê Thị Lan Anh	Số 1725/QĐ-YDHP	19/12/2020	Khá, Số 154/QĐ-YDHP ngày 20/01/2020	Điều dưỡng nội nâng cao, phương pháp dạy học trong Điều dưỡng	

			Nội 3, bệnh viện Hữu nghị Việt Tiệp- Hải Phòng.		ngày 7/12/2020				
	số 360/QĐ-YDHP ngày 31/03/2020	Cơ sở	Đặc điểm lâm sàng, cận lâm sàng nhiễm khuẩn huyết ở bệnh nhân xơ gan tại bệnh viện hữu nghị Việt Tiệp năm 2018- 2020.	Vũ Thị Thu Trang	Số 1725/QĐ-YDHP ngày 7/12/2020	19/12/2020	Khá, Số 154/QĐ-YDHP ngày 20/01/2020	Điều dưỡng nội nâng cao	
	số 360/QĐ-YDHP ngày 31/03/2020	Cơ sở	Nghiên cứu thực trạng sử dụng dung dịch truyền tĩnh mạch tại khoa Hồi sức Bệnh viện Đại học Y Hải Phòng	PGS.TS Trịnh Thị Lý	Số 1725/QĐ-YDHP ngày 7/12/2020	19/12/2020	Khá, Số 154/QĐ-YDHP ngày 20/01/2020	Điều dưỡng lão khoa	
	số 360/QĐ-YDHP ngày 31/03/2020	Cơ sở	Đánh giá sự chính xác của siêu âm và năm công thức lâm sàng trong ước tính trọng lượng thai	Đỗ Thị Lan Anh	Số 1725/QĐ-YDHP ngày 7/12/2020	19/12/2020	Khá, Số 154/QĐ-YDHP ngày 20/01/2020	Điều dưỡng sản khoa	
	số 360/QĐ-YDHP ngày 31/03/2020	Cơ sở	Chuẩn hóa bộ công cụ đo lường tình trạng kiệt sức phiên bản Việt Nam	Nguyễn Thị Thu Hương	Số 1725/QĐ-YDHP ngày 7/12/2020	19/12/2020	Khá, Số 154/QĐ-YDHP ngày 20/01/2020	Điều dưỡng ngoại khoa nâng cao	

	số 324/QĐ-YDHP ngày 9/3/2021	Cơ sở	Đánh giá kết quả phẫu thuật mở ống mật chủ lấy sỏi kết hợp nội soi đường mật trong mổ bằng ống nội soi mềm.	Phạm Văn Thương	Số 1787/QĐ-YDHP ngày 10/12/2021	16/12/2021	Xuất sắc, số 2028/QĐ-YDHP ngày 30/12/2021	Điều dưỡng ngoại khoa nâng cao	
	số 324/QĐ-YDHP ngày 9/3/2021	Cơ sở	So sánh đặc điểm lâm sàng và cận lâm sàng ở trẻ giảm bạch cầu hạt trung tính tại bệnh viện trẻ em Hải Phòng và bệnh viện Nhi Trung ương.	Vũ Văn Quang	Số 1787/QĐ-YDHP ngày 10/12/2021	16/12/2021	Xuất sắc, số 2028/QĐ-YDHP ngày 30/12/2021	Điều dưỡng trẻ em nâng cao	
	số 324/QĐ-YDHP ngày 9/3/2021	Cơ sở	Thực trạng hạ Glucose máu ở trẻ sơ sinh và một số yếu tố liên quan đến hạ glucose máu nặng tại Khoa sơ sinh, bệnh viện trẻ em Hải Phòng năm 2021	Đặng Văn Chức	Số 1787/QĐ-YDHP ngày 10/12/2021	16/12/2021	Khá, số 2028/QĐ-YDHP ngày 30/12/2021	Điều dưỡng trẻ em nâng cao	
	số 324/QĐ-YDHP ngày 9/3/2021	Cơ sở	Đặc điểm vi khuẩn, đề kháng kháng sinh in vitro và kết quả điều trị trong viêm phổi ở trẻ sơ sinh tại bệnh viện trẻ em Hải Phòng	Đinh Dương Tùng Anh	Số 1787/QĐ-YDHP ngày 10/12/2021	16/12/2021	Khá, số 2028/QĐ-YDHP ngày 30/12/2021	Điều dưỡng trẻ em nâng cao	

	số 324/QĐ-YDHP ngày 9/3/2021	Cơ sở	Đặc điểm dịch tễ học lâm sàng, cận lâm sàng và một số nguyên nhân của bệnh mày đay cấp tại Bệnh viện Trẻ em Hải Phòng	Nguyễn Ngọc Sáng	Số 1787/QĐ-YDHP ngày 10/12/2021	16/12/2021	Khá, số 2028/QĐ-YDHP ngày 30/12/2021	Điều dưỡng trẻ em nâng cao, phương pháp dạy học trong Điều dưỡng	
	số 324/QĐ-YDHP ngày 9/3/2021	Cơ sở	Đặc điểm lâm sàng, cận lâm sàng và kết quả điều trị sốc phản vệ tại bệnh viện trẻ em Hải Phòng năm 2019- 2020.	Đinh Văn Thức	Số 1787/QĐ-YDHP ngày 10/12/2021	16/12/2021	Khá, số 2028/QĐ-YDHP ngày 30/12/2021	Điều dưỡng trẻ em nâng cao	
	số 324/QĐ-YDHP ngày 9/3/2021	Cơ sở	Đối chiếu đặc điểm lâm sàng với tổn thương thực quản qua nội soi ở bệnh nhân trào ngược dạ dày thực quản tại Bệnh viện Hữu Nghị Việt Tiệp năm 2021	Vũ Thị Thu Trang	Số 1787/QĐ-YDHP ngày 10/12/2021	16/12/2021	Khá, số 2028/QĐ-YDHP ngày 30/12/2021	Điều dưỡng nội nâng cao	
	số 324/QĐ-YDHP ngày 9/3/2021	Cơ sở	Đặc điểm lâm sàng, cận lâm sàng và biến chứng mắt ở bệnh nhân Đái tháo đường tại khoa Nội 3 bệnh viện Hữu nghị Việt tiệp Hải Phòng	Kê Thị Lan Anh	Số 1787/QĐ-YDHP ngày 10/12/2021	16/12/2021	Khá, số 2028/QĐ-YDHP ngày 30/12/2021	Điều dưỡng nội nâng cao, phương pháp dạy học trong Điều dưỡng	

	số 324/QĐ-YDHP ngày 9/3/2021	Cơ sở	Một số yếu tố của mẹ và thai ảnh hưởng tới sự chính xác của các cách ước tính trọng lượng thai	Đỗ Thị Lan Anh	Số 1787/QĐ-YDHP ngày 10/12/2021	16/12/2021	Khá, số 2028/QĐ-YDHP ngày 30/12/2021	Điều dưỡng sản khoa	
	số 324/QĐ-YDHP ngày 9/3/2021	Cơ sở	Thực trạng chăm sóc sonde niệu đạo- bàng quang ở bệnh nhân sau phẫu thuật cột sống thắt lưng tại khoa ngoại thần kinh- sọ não bệnh viện Việt Tiệp năm 2021	Nguyễn Thị Thu Hương	Số 1787/QĐ-YDHP ngày 10/12/2021	16/12/2021	Khá, số 2028/QĐ-YDHP ngày 30/12/2021	Điều dưỡng ngoại khoa nâng cao	
	số 324/QĐ-YDHP ngày 9/3/2021	Cơ sở	Thực trạng hiểu biết và hài lòng về nghề nghiệp của sinh viên Điều dưỡng chính quy trường Đại học Y Dược Hải Phòng năm 2021	Thái Lan Anh	Số 1787/QĐ-YDHP ngày 10/12/2021	16/12/2021	Khá, số 2028/QĐ-YDHP ngày 30/12/2021	Dinh dưỡng tiết chế, Điều dưỡng cộng đồng và gia đình, quản lý Điều dưỡng	
	số 324/QĐ-YDHP ngày 9/3/2021	Cơ sở	Đặc điểm lâm sàng, cận lâm sàng, nồng độ glucose máu đói và sau ăn hai giờ ở bệnh nhân Đái tháo đường tuýp 2 điều trị tại khoa thận-nội tiết, bệnh viện Hữu	Kê Thị Lan Anh	Số 1787/QĐ-YDHP ngày 10/12/2021	16/12/2021	Khá, số 2028/QĐ-YDHP ngày 30/12/2021	Điều dưỡng nội nâng cao, phương pháp dạy học trong Điều dưỡng	

			ngệ Việt tiếp năm 2020-2021.						
	số 324/QĐ-YDHP ngày 9/3/2021	Cơ sở	Nghiên cứu mối liên quan giữa biến chứng thận và một số đặc điểm lâm sàng, cận lâm sàng ở bệnh nhân Đái tháo đường tuýp 2 khoa nội 3 Bệnh viện hữu nghị Việt tiếp Hải Phòng	Kê Thị Lan Anh	Số 1787/QĐ-YDHP ngày 10/12/2021	16/12/2021	Khá, số 2028/QĐ-YDHP ngày 30/12/2021	Điều dưỡng nội nâng cao, phương pháp dạy học trong Điều dưỡng	
	số 324/QĐ-YDHP ngày 9/3/2021	Cơ sở	Thực trạng kháng kháng sin in vitro của H.influenza và kết quả điều trị trong viêm phổi cộng đồng ở trẻ em Hải Phòng 2019-2020.	Đinh Dương Tùng Anh	Số 1787/QĐ-YDHP ngày 10/12/2021	16/12/2021	Khá, số 2028/QĐ-YDHP ngày 30/12/2021	Điều dưỡng trẻ em nâng cao	

Đại diện trưởng các đơn vị chuyên môn quản lý kê khai

(Ký tên xác nhận)

[Signature]

TRƯỞNG PHÒNG QUẢN LÝ KHOA HỌC
PGS.TS. *Đặng Văn Chúc*

Thủ trưởng cơ sở đào tạo

(Ký tên, đóng dấu)



HIỆU TRƯỞNG
PGS. TS. *Nguyễn Văn Khải*

Mẫu 5: Các công trình khoa học công bố của giảng viên, nhà khoa học cơ hữu liên quan đến ngành đào tạo dự kiến mở của các cơ sở đào tạo trong thời gian 5 năm tính đến thời điểm mở hồ sơ mở mã ngành đào tạo (kèm theo bản liệt kê có bản sao trang bìa tạp chí, trang phụ lục, trang đầu và trang cuối của công trình công bố).

STT	Công trình khoa học	Ghi chú
	Nguyễn. V. K (2017), 'Thay đổi kiến thức, thực hành của bố mẹ trẻ mắc hen từ 6 đến 15 tuổi sau 6 tháng can thiệp bằng phương pháp giáo dục sức khỏe tại đảo Cát Hải, Hải Phòng', <i>Tạp chí y học thực hành</i> , tháng 6- 2017, 62-66	
	Nguyễn. V. K (2017) 'Hiệu quả của Seretide xịt liều dự phòng trong kiểm soát hen ở trẻ em mắc hen mắc hen phế quản 6-15 tuổi tại đảo Cát Hải, Hải Phòng'. <i>Tạp chí y học thực hành</i> , tháng 6- 2017, 84-87	
	Nguyễn. V. K (2017), 'Kiến thức, thực hành về bệnh hen phế quản của cha mẹ mắc hen tuổi 6-15 tại đảo Cát Hải, Hải Phòng'. <i>Tạp chí y học thực hành</i> , tháng 6- 2017, 124-128	
	Nguyễn. V. K (2017), 'Một số yếu tố liên quan đến suy dinh dưỡng thấp còi ở trẻ em dưới 5 tuổi tại huyện Kiến Thụy, Hải Phòng', <i>Tạp chí y học thực hành</i> , tháng 6- 2017, 254-258	
	Nguyễn. V. K (2017), 'Thực trạng kiến thức, thực hành của người phục vụ tại các nhà hàng ăn uống tại huyện Kiến Thụy, Hải Phòng'. <i>Tạp chí y học thực hành</i> , tháng 6- 2017, 216-219	
	Phạm. T. T, (2017), 'Thực trạng nhiễm khuẩn hô hấp cấp tính và một số yếu tố liên quan ở trẻ từ 3-5 tuổi tại 2 xã tại huyện Tiên Du, tỉnh Bắc Ninh', <i>Tạp chí y học thực hành</i> , tháng 6- 2017, 335-337	
	Phạm. T. T, (2017), 'Thực hành về chế độ ăn của bệnh nhân đái tháo đường điều trị nội trú tại Bệnh viện Đại học Y Hải Phòng', <i>Tạp chí y học thực hành</i> , tháng 6- 2017, 409-410	
	Nguyễn. T. T. H (2016), 'Knowledge and Practice of Nurses Regarding Nosocomial Infection Control in Viet Nam', <i>Hokuriku Journal of Public Health</i> . 42(2)	

	Nguyễn. T. T. H (2017), 'Burnout-related effects of emotional labor and work-related stressors among psychiatric nurses in Japan', <i>Journal of Wellness and Health Care</i> . 41(1)	
	Nguyễn. T. T. H (2018), 'Burnout study of clinical nurses in Vietnam: Development of Job Burnout Model based on Leiter and Maslach's Theory', <i>Asian Nursing Research</i> . 12(1)	
	Nguyễn. T. T. H (2019), 'Kiến thức và thực hành của Điều dưỡng đối với kiểm soát nhiễm khuẩn bệnh viện tại bệnh viện Việt Tiệp năm 2019', <i>Tạp chí Y Học Dự Phòng</i> , Tập 29, số 9, 86-93	
	Nguyễn. T. T. H (2019), 'Nghiên cứu tình trạng kiệt sức (Burnout) của Điều dưỡng lâm sàng tại bệnh viện Việt Tiệp – Hải Phòng năm 2019', <i>Tạp chí Y Học Dự Phòng</i> , Tập 29, số 9, 94-102	
	Nguyễn. T. T. H (2019), 'Thực trạng hoạt động thể lực và một số yếu tố liên quan ở sinh viên y đa khoa trường Đại học Y Dược Hải Phòng năm 2019', <i>Tạp chí Y Học Dự Phòng</i> , Tập 29, số 9, 173-180	
	Nguyễn. T. T. H (2020), 'Các yếu tố liên quan đến trầm cảm ở người bệnh suy thận mạn có lọc máu chu kỳ tại bệnh viện hữu nghị Việt Tiệp Hải Phòng năm 2016', <i>Tạp chí Y Học Việt Nam</i> , Số 2; T4/2020	
	Nguyễn. T. T. H (2020), 'Các yếu tố liên quan đến tình trạng kiệt sức (burnout) của điều dưỡng lâm sàng tại bệnh viện Việt Tiệp – Hải Phòng năm 2019', <i>Tạp chí Y Học Việt Nam</i> , Số 2; T4/2020	
	Nguyễn. T. T. H (2020), 'Thực trạng chăm sóc sonde niệu đạo – bàng quang ở bệnh nhân phẫu thuật cột sống thắt lưng tại khoa ngoại thần kinh – sọ não bệnh viện Việt Tiệp 2020', <i>Tạp chí Y Học Việt Nam</i> , T12/2020,	
	Nguyễn. T. T. H (2021), 'Chuẩn hóa bộ công cụ đo lường tình trạng kiệt sức phiên bản tiếng Việt', <i>Tạp chí y học dự phòng</i> , Tập 31, số 5 2021, 52-59	

	Nguyễn. T. T. H (2021), 'Thực trạng mong muốn được làm việc tại nước ngoài của sinh viên cử nhân Điều dưỡng chính quy trường Đại học Y Dược Hải Phòng năm 2020', <i>Tạp chí y học dự phòng</i> , Tập 31, số 5, 2021, 170-175	
	Nguyễn. T. T. H (2021), 'Construct validity of the Vietnamese version of Maslach Burnout Inventory - General Survey', <i>Nurseline Journal</i> May 2021	
	Nguyễn. T. T. H (2021), 'Tình trạng kiệt sức và một số yếu tố liên quan đến tình trạng kiệt sức của nhân viên chẩn đoán hình ảnh tại bệnh viện Việt Tiệp – Hải Phòng năm 2020', <i>Tạp chí y học Việt Nam</i> , Tập 503; Tháng 6, số 1, 2021,	
	Nguyễn. T. T. H (2021), 'Kiến thức của ĐD về bệnh sỏi tiết niệu tại một số bệnh viện đa khoa tại HP năm 2021', <i>Tạp chí y học dự phòng</i> , Tập 32, số 1, 2022, 326-333	
	Nguyễn. T. T. H (2022), 'Kiến thức về loét tì đè của sinh viên Điều dưỡng ở các trường đào tạo ĐD tại HP năm 2021', <i>Tạp chí y học dự phòng</i> , Tập 32, số 1, 2022, 358-364	
	Nguyễn. T. T. H (2021), 'Thực trạng kiến thức, thái độ về dự phòng và xử trí phản vệ của sinh viên ĐD chính quy trường ĐHYD HP năm 2021', <i>Tạp chí y học dự phòng</i> , Tập 32, số 1, 2022, 365-372	
	Đỗ. T. L. A (2019), 'Disability and physical activity of women in late pregnancy with physiological lower extremity oedema in Vietnam: A cross sectional and correlational study', <i>Journal of Wellness and Health Care</i>	
	Đỗ. T. L. A (2015), 'Kiến thức, thái độ, hành vi về sức khỏe sinh sản vị thành niên của học sinh trường phổ thông trung học Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng', <i>Tạp chí Y học thực hành</i> ,	
	Đỗ. T. L. A (2015), 'Một số yếu tố liên quan đến kiến thức về sức khỏe sinh sản vị thành niên của học sinh trường phổ thông trung học Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng', <i>Tạp chí Y học thực hành</i>	

	Đỗ. T. L. A (2019), ' <i>Prevalence of physiological lower extremity oedema in late pregnancy in Vietnam, Lymphoedema research and practice</i>	
	Đỗ. T. L. A (2020), ' <i>Một số yếu tố ảnh hưởng tới mức hoạt động thể chất của thai phụ ở quý ba thai kỳ, Tạp chí Y học lâm sàng Bệnh viện TW Huế</i>	
	Phạm. T. T. H (2015), ' <i>Sự Hài lòng của người bệnh khi đến khám bệnh tại bệnh viện Đại học Y Dược Hải Phòng</i> ', <i>Tạp chí y học thực hành</i> ,	
	Phạm. T. T. H (2020), ' <i>Examining the factors of burden among family caregivers of older adults with diabetes mellitus regarding a development model</i> ', <i>Journal of Wellness and Health Care</i>	
	Phạm. T. T. H (2020), ' <i>Heatstroke prevention with multi-device terminals via sensing of older adults living alone</i> ', <i>Journal of Wellness and Health Care</i>	
	Phạm. T. T. H (2020), ' <i>Identifying Community/Public Health Nursing Competencies in Indonesia: A Modified Delphi Method</i> ', <i>Nurse Media Journal of Nursing</i>	
	Phạm. T. T. H (2021), ' <i>Prevalence and Prevention of Unplanned Removal of Tubes and Catheters among Hospital Patients</i> ', <i>International Journal of Caring Sciences</i>	
	Phạm. T. T. H (2021), ' <i>Kiến thức của ĐD về bệnh sỏi tiết niệu tại một số bệnh viện đa khoa tại HP năm 2021</i> ', <i>Tạp chí y học dự phòng</i> , Tập 32, số 1, 2022, 326-333	
	Phạm. T. T. H (2019), ' <i>Kiến thức và thực hành của Điều dưỡng đối với kiểm soát nhiễm khuẩn bệnh viện tại bệnh viện Việt Tiệp năm 2019</i> ', <i>Tạp chí Y Học Dự Phòng</i> , Tập 29, số 9, 86-93	
	Phạm. T. H (2021), ' <i>Kiến thức của ĐD về bệnh sỏi tiết niệu tại một số bệnh viện đa khoa tại HP năm 2021</i> ', <i>Tạp chí y học dự phòng</i> , Tập 32, số 1, 2022, 326-333	
	Phạm. T. H (2019), ' <i>Kiến thức và thực hành của Điều dưỡng đối với kiểm soát nhiễm khuẩn bệnh viện tại bệnh viện Việt Tiệp năm 2019</i> ', <i>Tạp chí Y Học Dự Phòng</i> , Tập 29, số 9, 86-93	

	Phạm. T. H (2019), 'Thực trạng hoạt động thể lực và một số yếu tố liên quan ở sinh viên y đa khoa trường Đại học Y Dược Hải Phòng năm 2019', <i>Tạp chí Y Học Dự Phòng</i> , Tập 29, số 9, 173-180	
	Phạm. T. H (2019), 'Nghiên cứu tình trạng kiệt sức (Burnout) của Điều dưỡng lâm sàng tại bệnh viện Việt Tiệp – Hải Phòng năm 2019', <i>Tạp chí Y Học Dự Phòng</i> , Tập 29, số 9, 94-102	
	Phạm. T. H (2022), 'Công tác sơ cấp cứu, điều trị bệnh nhân chấn thương bụng do TNGT đường bộ tại Bệnh viện Hữu Nghị đa khoa Nghệ An năm 2020', <i>Tạp chí Y Học Dự Phòng</i> , Tập 29, số 9, 200-208	
	Nguyễn. T. A. T (2021), 'Thực trạng về trí tuệ cảm xúc của sinh viên điều dưỡng chính quy Đại học Y Dược năm 2020', <i>Tạp chí y học dự phòng</i> , tập 31, số 5, 176-184	
	Đỗ. T. T. M (2021), 'Thực trạng về trí tuệ cảm xúc của sinh viên điều dưỡng chính quy Đại học Y Dược năm 2020', <i>Tạp chí y học dự phòng</i> , tập 31, số 5, 176-184	
	Đặng. V. C (2021), 'Đặc điểm lâm sàng, cận lâm sàng viêm phổi sơ sinh tiến triển chậm tại bệnh viện trẻ em năm 2019', <i>Tạp chí Y học Việt Nam</i> , tập 503, tháng 6 – số đặc biệt (Phần 1), 63-70	
	Đặng. V. C (2021), 'Một số yếu tố liên quan đến suy dinh dưỡng thấp còi ở trẻ dưới 5 tuổi tại 2 xã huyện Vĩnh Bảo, Hải Phòng, năm 2020', <i>Tạp chí Y học Việt Nam</i> , tập 503, tháng 6 – số đặc biệt (Phần 1), 111-118	
	Đặng. V. C (2021), 'Tỷ lệ tăng huyết áp ở người cao tuổi tại huyện Cát Hải năm 2020', <i>Tạp chí Y học Việt Nam</i> , tập 503, tháng 6 – số đặc biệt (Phần 1), 125-131	
	Đặng. V. C (2021), 'Thực trạng nguy cơ trầm cảm ở các bà mẹ có con mắc bệnh, điều trị tại khoa sơ sinh, bệnh viện trẻ em Hải Phòng năm 2019', <i>Tạp chí Y học Việt Nam</i> , tập 503, tháng 6 – số đặc biệt (Phần 1), 143 – 149	
	Đặng. V. C (2021), 'Một số yếu tố liên quan đến viêm phổi tiến triển chậm ở trẻ sơ sinh tại bệnh viện trẻ em Hải Phòng năm 2019', <i>Tạp chí Y học Việt Nam</i> , tập 503, tháng 6 – số đặc biệt (Phần 1), 150 - 156	

	Dặng. V. C (2021), 'Đặc điểm lâm sàng, cận lâm sàng và kết quả điều trị viêm phổi do hợp bào hô hấp ở trẻ sơ sinh tại bệnh viện trẻ em Hải Phòng năm 2020', <i>Tạp chí Y học Việt Nam</i> , tập 503, tháng 6 – số đặc biệt (Phần 1), 347 – 353	
	Dặng. V. C (2021), 'Đặc điểm bệnh nhân sùi mào gà và kết quả điều trị ban đầu bằng Acyclovir tại Bệnh viện Phụ Sản Hải Phòng năm 2018-2019', <i>Tạp chí Y học Việt Nam</i> , tập 503, tháng 6 – số đặc biệt (Phần 2), 44-51	
	Dặng. V. C (2021), 'Một số yếu tố liên quan đến suy dinh dưỡng nhẹ cân và thấp còi ở trẻ 2 tháng đến dưới 5 tuổi mắc viêm phổi tại Bệnh viện Trẻ em Hải Phòng năm 2019', <i>Tạp chí Y học Việt Nam</i> , tập 503, tháng 6 – số đặc biệt (Phần 2), 52-59	
	Dặng. V. C (2019), 'Tỷ lệ suy dinh dưỡng ở trẻ dưới 5 tuổi tại phòng khám Bệnh viện Trẻ em Hải Phòng năm 2018', <i>Tạp chí Y học Việt Nam</i> , tập 484, tháng 11 – số đặc biệt, 344-352	
	Dặng. V. C (2019), 'Đặc điểm lâm sàng và cận lâm sàng bệnh loạn sản phế quản phổi ở trẻ đẻ non tại Bệnh viện Trẻ em Hải Phòng năm 2017', <i>Tạp chí Y học Việt Nam</i> , tập 484, tháng 11 – số đặc biệt, 401-408	
	Dặng. V. C (2019), 'Một số yếu tố liên quan đến loạn sản phổi phế quản ở trẻ đẻ non tại Bệnh viện Trẻ em Hải Phòng năm 2017-2018', <i>Tạp chí Y học Việt Nam</i> , tập 484, tháng 11 – số đặc biệt, 409-418	
	Dặng. V. C (2019), 'Một số yếu tố liên quan đến rối loạn inr ở trẻ đẻ non tại Bệnh viện Nhi Thái Bình 6 tháng đầu năm 2018', <i>Tạp chí Y học Việt Nam</i> , tập 484, tháng 11 – số đặc biệt, 419-427	
	Dặng. V. C (2019), 'Một số yếu tố liên quan và hiệu quả can thiệp làm giảm tỷ lệ suy dinh dưỡng thấp còi ở trẻ 12-36 tháng tại Kim Động, Hưng Yên năm 2017', <i>Tạp chí Y học Việt Nam</i> , tập 484, tháng 11 – số đặc biệt, 428-436	
	Dặng. V. C (2019), 'Tỷ lệ bệnh vong mạc ở trẻ đẻ non tại Bệnh viện Trẻ em Hải Phòng từ 3/2017-9/2018', <i>Tạp chí Y học Việt Nam</i> , tập 484, tháng 11 – số đặc biệt, 444-451	

	Đặng. V. C (2019), 'Một số yếu tố liên quan đến thừa cân béo phì ở học sinh Tiểu học Lý Tự Trọng Thành phố Hải Dương năm 2018', <i>Tạp chí Y học Việt Nam</i> , tập 484, tháng 11 – số đặc biệt, 452-460	
	Đặng. V. C (2019), 'Tỷ lệ viêm phổi kéo dài và một số yếu tố liên quan ở trẻ 2 tháng-1 tuổi tại Bệnh viện Trẻ em Hải Phòng năm 2017', <i>Tạp chí Y học Việt Nam</i> , tập 484, tháng 11 – số đặc biệt, 762-769	
	Đặng. V. C (2019), 'Đặc điểm dịch tễ, lâm sàng, cận lâm sàng, một số yếu tố liên quan và kết quả điều trị của bệnh nhân viêm phổi kéo dài', <i>Tạp chí Y học Việt Nam</i> , tập 484, tháng 11 – số đặc biệt, 770-777	
	Đặng. V. C (2018), 'Nguyên nhân vi khuẩn gây viêm phổi kéo dài ở trẻ sơ sinh và sự nhạy cảm của chúng với kháng sinh trên kháng sinh đồ', <i>Tạp chí Y học thực hành</i> , số 8 (1077), tháng 8/2018, 191-196	
	Đặng. V. C (2018), 'Một số yếu tố liên quan đến thừa cân béo phì của học sinh Tiểu học Tân Trào, Lê Chân Hải Phòng năm 2018', <i>Tạp chí Y học thực hành</i> , số 8 (1077), tháng 8/2018, 196-203	
	Đặng. V. C (2018), 'Đánh giá kết quả điều trị ở trẻ sơ sinh vàng da tăng Bilirubin gián tiếp nặng, thay máu tại Bệnh viện Trẻ em Hải Phòng', <i>Tạp chí Y học thực hành</i> , số 8 (1077), tháng 8/2018, 274-279	
	Đặng. V. C (2018), 'Cơ cấu bệnh nhiễm khuẩn hô hấp cấp ở trẻ dưới 5 tuổi tại Bệnh viện Nhi Hải Dương năm 2016', <i>Tạp chí Y học thực hành</i> , số 8 (1077), tháng 8/2018, 302-308	
	Đặng. V. C (2018), 'Tỷ lệ sâu răng và viêm lợi học sinh tiểu học Huyện Kinh Môn, Hải Dương năm học 2016-2017', <i>Tạp chí Y học thực hành</i> , số 8 (1077), tháng 8/2018, 312-317	
	Đặng. V. C (2018), 'Thực trạng dinh dưỡng của trẻ em 12-36 tháng tại Huyện Kim Động, Hưng Yên năm 2017', <i>Tạp chí Y học thực hành</i> , số 8 (1077), tháng 8/2018, 318-323	
	Đặng. V. C (2018), 'Nồng độ Vitamin D ở trẻ 12-36 tháng tại Huyện Kim Động, Hưng Yên năm 2017', <i>Tạp chí Y học thực hành</i> , số 8 (1077), tháng 8/2018, 324-329	

	Đặng. V. C (2018), ' Tỷ lệ thiếu máu và một số yếu tố liên quan ở trẻ 12-36 tháng tại Huyện Kim Động, Hưng Yên năm 2017 ', <i>Tạp chí Y học thực hành</i> , số 8 (1077), tháng 8/2018, 330-336	
	Đặng. V. C (2018), ' Các chỉ số đông cầm máu cơ bản của trẻ đẻ non tại Bệnh viện Nhi Thái Bình năm 2018 ', <i>Tạp chí Y học thực hành</i> , số 8 (1077), tháng 8/2018, 374-381	
	Đặng. V. C (2018), ' Cơ cấu bệnh hô hấp ở trẻ dưới 5 tuổi tại Bệnh viện Nhi Hải Dương năm 2015 ', <i>Tạp chí Y học thực hành</i> , số 8 (1077), tháng 8/2018, 382-386	
	Đặng. V. C (2018), ' Một số yếu tố liên quan đến sự hài lòng của bệnh nhân nội trú với khám chữa bệnh tại Bệnh viện Đa khoa Hải Dương năm 2015 ', <i>Tạp chí Y học thực hành</i> , số 8 (1077), tháng 8/2018, 391-394	
	Đặng. V. C (2018), ' Một số yếu tố liên quan đến phơi nhiễm với máu, dịch tiết từ bệnh nhân của học sinh, sinh viên Trường Cao đẳng Y tế Hải Phòng ', <i>Tạp chí Y học thực hành</i> , số 8 (1077), tháng 8/2018, 394-398	
	Đặng. V. C (2018), ' Một số yếu tố liên quan đến viêm nhiễm đường sinh dục dưới ở phụ nữ 19-49 tuổi có chồng tại 5 xã ven biển Huyện Tiên Lãng Hải Phòng năm 2015 ', <i>Tạp chí Y học thực hành</i> , số 8 (1077), tháng 8/2018,	
	Nguyễn. N. S (2021), ' Đặc điểm dịch tễ học lâm sàng và yếu tố nguy cơ viêm thận trong Schonleihenoch (SH) ở trẻ em ', <i>Tạp chí Y học Việt Nam</i> , tập 503, tháng 6 – số đặc biệt (Phần 1), 183-191	
	Nguyễn. N. S (2021), ' Đặc điểm dịch tễ học lâm sàng và một số yếu tố liên quan đến thiếu máu, thiếu sắt ở trẻ từ 6 tháng đến 5 tuổi ', <i>Tạp chí Y học Việt Nam</i> , tập 503, tháng 6 – số đặc biệt (Phần 2), 194-199	
	Nguyễn. N. S (2021), ' Kích thước thận bình thường ở trẻ từ 6-10 tuổi trên phim chụp cắt lớp vi tính ', <i>Tạp chí Y học Việt Nam</i> , tập 503, tháng 6 – số đặc biệt (Phần 2), 200-206	

	Nguyễn. N. S (2021), ' Đặc điểm dịch tễ học lâm sàng và biến chứng của bệnh cúm mùa tại Bệnh viện Trẻ em Hải Phòng', <i>Tạp chí Y học Việt Nam</i> , tập 503, tháng 6 – số đặc biệt (Phần 2), 207-215	
	Nguyễn. N. S (2019), ' Thực trạng truyền máu tại Bệnh viện Trẻ em Hải Phòng', <i>Tạp chí Y học Việt Nam</i> , tập 484, tháng 11 – số đặc biệt, 26-31	
	Nguyễn. N. S (2019), ' Đặc điểm lâm sàng, cận lâm sàng và kết quả điều trị thận hư tiên phát phụ thuộc và kháng Steroid ở trẻ em bằng cyclophosphamide tĩnh mạch kết hợp prednisolon', <i>Tạp chí Y học Việt Nam</i> , tập 484, tháng 11 – số đặc biệt, 130-139	
	Nguyễn. N. S (2018), ' Sự biến đổi một số thông số miễn dịch trước và sau điều trị hội chứng thận hư tiên phát thể phụ thuộc và kháng Steroid ở trẻ em bằng cyclophosphamide tĩnh mạch kết hợp prednisolon ', <i>Tạp chí Y học Việt Nam</i> , tập 484, tháng 11 – số đặc biệt, 140-148	
	Nguyễn. N. S (2018), ' Đặc điểm dịch tễ học lâm sàng và kết quả điều trị 151 bệnh nhi viêm cầu thận cấp trong nhiễm khuẩn', <i>Tạp chí Y học thực hành</i> , số 8 (1077), tháng 8/2018, 363-367	
	Đinh. V.T (2021), ' Đặc điểm dịch tễ học lâm sàng, cận lâm sàng và kết quả điều trị thiếu máu ở trẻ đẻ non tại Bệnh viện trẻ em Hải Phòng năm 2018-2019', <i>Tạp chí Y học Việt Nam</i> , tập 503, tháng 6 – số đặc biệt (Phần 2), 10-16	
	Đinh. V.T (2021), ' Đặc điểm của viêm tiểu phế quản cấp có nhiễm RSV tại Bệnh viện Trẻ em Hải Phòng năm 2019-2020', <i>Tạp chí Y học Việt Nam</i> , tập 503, tháng 6 – số đặc biệt (Phần 2), 17-23	
	Đinh. V.T (2021), ' Đặc điểm dịch tễ học lâm sàng, cận lâm sàng và kết quả điều trị viêm màng não mủ tại Bệnh viện trẻ e Hải Phòng', <i>Tạp chí Y học Việt Nam</i> , tập 503, tháng 6 – số đặc biệt (Phần 2), 24-30	
	Đinh. V.T (2021), ' Đặc điểm vi khuẩn và kết quả điều trị nhiễm khuẩn huyết tại Bệnh viện Trẻ em Hải Phòng năm 2014-2018', <i>Tạp chí Y học Việt Nam</i> , tập 503, tháng 6 – số đặc biệt (Phần 2), 31-37	

	Dinh. V.T (2018), ' Đặc điểm dịch tễ học lâm sàng, cận lâm sàng và kết quả điều trị bệnh lý do <i>Shigella</i> tại Bệnh viện Trẻ em Hải Phòng năm 2015-2016, 'Tập chí Y học thực hành, số 8 (1077), tháng 8/2018, 185-191	
	Vũ. M. T (2021), ' Đặc điểm lâm sàng, cận lâm sàng và một số yếu tố liên quan đến cơn tăng huyết áp của bệnh nhân tăng huyết áp cấp cứu tại Bệnh viện Hữu Nghị Việt Tiệp', <i>Tạp chí Y học Việt Nam</i> , tập 503, tháng 6 – số đặc biệt (Phần 1), 285-292	
	Vũ. M. T (2021), ' Điện tâm đồ bề mặt và nguy cơ rối loạn chức năng tâm trương ở bệnh nhân có hội chứng chuyển hoá', <i>Tạp chí Y học Việt Nam</i> , tập 503, tháng 6 – số đặc biệt (Phần 1), 293-299	
	Vũ. M. T (2019), ' Mối liên quan giữa dấu hiệu sóng P có pha âm sâu rộng ở V1 trên điện tâm đồ và chức năng tâm trương thất trái ở bệnh nhân hội chứng chuyển hoá', <i>Tạp chí Y học Việt Nam</i> , tập 484, tháng 11 – số đặc biệt, 508-514	
	Vũ. M. T (2019), ' Nghiên cứu nồng độ homocysteine ở bệnh nhân tăng huyết áp có đái tháo đường type 2 ', <i>Tạp chí Y học Việt Nam</i> , tập 484, tháng 11 – số đặc biệt, 514-519	
	Vũ. M. T (2019), ' Nghiên cứu tình trạng rối loạn đường huyết và đái tháo đường ở bệnh nhân xơ gan tại bệnh viện Hữu Nghị Việt Tiệp năm 2018 ', <i>Tạp chí Y học Việt Nam</i> , tập 484, tháng 11 – số đặc biệt, 613-624	
	Vũ. M. T (2018), ' So sánh đặc điểm rối loạn nhịp trên điện tim đồ thường quy và Holter điện tim 24 giờ ở bệnh nhân nhồi máu cơ tim cấp', <i>Tạp chí Y học thực hành</i> , số 8 (1077), tháng 8/2018, 37-41	
	Vũ. M. T (2018), ' Liên quan giữa nguy cơ rối loạn nhịp tim với các yếu tố tiên lượng ở bệnh nhân nhồi máu cơ tim cấp', <i>Tạp chí Y học thực hành</i> , số 8 (1077), tháng 8/2018, 55-60	
	Vũ. M. T (2018), ' Đặc điểm lâm sàng, cận lâm sàng và kết quả điều trị nội khoa thoái hoá khớp gối ở bệnh nhân cao tuổi tại Khoa Nội 4 Bệnh viện Hữu Nghị Việt Tiệp', <i>Tạp chí Y học thực hành</i> , số 8 (1077), tháng 8/2018, 82-86	

	Vũ. M. T (2018), ' Đặc điểm vi khuẩn ở bệnh nhân viêm phổi cộng đồng nặng', <i>Tạp chí Y học thực hành</i> , số 8 (1077), tháng 8/2018, 86-89	
	Vũ. M. T (2018), ' Nghiên cứu đặc điểm lâm sàng, cận lâm sàng và một số yếu tố nguy cơ ở bệnh nhân đái tháo đường thai kỳ tại bệnh viện Hữu Nghị Việt Tiệp Hải Phòng', <i>Tạp chí Y học thực hành</i> , số 8 (1077), tháng 8/2018, 103-107	
	Kê. T. L. A (2021), ' Nghiên cứu đặc điểm lâm sàng, cận lâm sàng và đánh giá biến chứng thận ở bệnh nhân Đái tháo đường type 2 tại Khoa Nội 3 Bệnh viện Hữu Nghị Việt Tiệp Hải Phòng', <i>Tạp chí Y học Việt Nam</i> , tập 503, tháng 6 – số đặc biệt (Phần 1), 386-394	
	Kê. T. L. A (2019), ' Nghiên cứu đặc điểm lâm sàng, cận lâm sàng và xét nghiệm nồng độ interleukin-6, TNF- α huyết thanh trên bệnh nhân lupus ban đỏ hệ thống', <i>Tạp chí Y học Việt Nam</i> , tập 484, tháng 11 – số đặc biệt, 360-368	
	Vũ. V. Q (2021), ' Đặc điểm dịch tễ học lâm sàng và nhận xét kết quả điều trị viên tiểu phế quản có nhiễm viruts hợp bào hô hấp tại Khoa nhi bệnh viện Quốc tế Green năm 2019-2020', <i>Tạp chí Y học Việt Nam</i> , tập 503, tháng 6 – số đặc biệt (Phần 1), 323-328	
	Vũ. V. Q (2021), ' Tác động của cắt rốn muộn tới một số chỉ số hồng cầu ở trẻ sơ sinh thường tại Bệnh viện Green Hải Phòng', <i>Tạp chí Y học Việt Nam</i> , tập 503, tháng 6 – số đặc biệt (Phần 1), 329-334	
	Vũ. V. Q (2018), ' Nhân 2 trường hợp bị bệnh dày móng bẩm sinh (pachyonychia Congenita) tại khoa nhi Bệnh viện Quốc tế Green Hải Phòng', <i>Tạp chí Y học thực hành</i> , số 8 (1077), tháng 8/2018, 16-19	
	Vũ. V. Q (2018), ' Tỷ lệ viêm da dị ứng và một số yếu tố liên quan đến mức độ nặng của bệnh tại Trường mầm non Nhi Đức Hải Phòng', <i>Tạp chí Y học thực hành</i> , số 8 (1077), tháng 8/2018, 108-112	
	Vũ. V. Q (2018), ' Biến đổi nồng độ kẽm huyết thanh ở trẻ từ 6 tháng-5 tuổi bị co giật do sốt tại Bệnh viện Trẻ em Hải Phòng', <i>Tạp chí Y học thực hành</i> , số 8 (1077), tháng 8/2018, 125-128	

	Vũ. V. Q (2018), ' <i>Thiếu máu, thiếu sắt và một số yếu tố liên quan ở trẻ từ 6 tháng đến 5 tuổi tại khoa nhi Bệnh viện Green Hải Phòng năm 2017</i> ', <i>Tạp chí Y học thực hành</i> , số 8 (1077), tháng 8/2018, 129-133	
	Vũ. V. Q (2018), ' <i>Tình trạng giảm số lượng bạch cầu hạt trung tính ở bệnh nhân điều trị nội trú tại Bệnh viện trẻ em Hải Phòng</i> ', <i>Tạp chí Y học thực hành</i> , số 8 (1077), tháng 8/2018, 133-136	
	Vũ. V. Q (2018), ' <i>Mô hình bệnh tật trẻ em tại khoa Nhi Bệnh viện Quốc tế green 2016-2017</i> ', <i>Tạp chí Y học thực hành</i> , số 8 (1077), tháng 8/2018, 142-145	
	Vũ. V. Q (2018), ' <i>Đánh giá kết quả điều trị ở trẻ sơ sinh vàng da tăng bilirubin gián tiếp phải thay máu tại Bệnh viện trẻ em Hải Phòng</i> ', <i>Tạp chí Y học thực hành</i> , số 8 (1077), tháng 8/2018, 274-279	
	Vũ. V. Q (2018), ' <i>Thay đổi dải phân bố trung bình hồng cầu (RDW) ở trẻ em trước và sau phẫu thuật tim bẩm sinh</i> ', <i>Tạp chí Y học thực hành</i> , số 8 (1077), tháng 8/2018, 280-284	
	Vũ. V. Q (2018), ' <i>Đặc điểm lâm sàng, nội soi và hiệu quả điều trị phác đồ OAM ở bệnh nhân viêm loét dạ dày tá tràng do Helicobacter Pylory tại Bệnh viện trẻ em Hải Phòng</i> ', <i>Tạp chí Y học thực hành</i> , số 8 (1077), tháng 8/2018, 285-289	
	Vũ. V. Q (2018), ' <i>Đặc điểm dịch tễ học lâm sàng và kết quả điều trị 151 bệnh nhi viêm cầu thận cấp sau nhiễm khuẩn</i> ', <i>Tạp chí Y học thực hành</i> , số 8 (1077), tháng 8/2018, 363-367	
	Nguyễn. V. H (2021), ' <i>Một số yếu tố liên quan đến đạt mục tiêu kiểm soát huyết áp ở bệnh nhân tăng huyết áp đang điều trị tại một số xã thành phố Hải Phòng năm 2016</i> ', <i>Tạp chí Y học Việt Nam</i> , tập 503, tháng 6 – số đặc biệt (Phần 2), 147-153	
	Nguyễn. V. H (2019), ' <i>Biến cố tim mạch liên quan đến sử dụng đồng thời clopidogrel và ức chế bơm proton trên bệnh nhân mạch vành</i> ', <i>Tạp chí Y học Việt Nam</i> , tập 484, tháng 11 – số đặc biệt, 5-11	

	Nguyễn. V. H (2019), ' <i>Thực trạng và các yếu tố ảnh hưởng đến liều dùng Levothyroniner trong liệu pháp điều trị thay thế hoocmôn</i> ', <i>Tạp chí Y học Việt Nam</i> , tập 484, tháng 11 – số đặc biệt, 11-17	
	Nguyễn. V. H (2019), ' <i>Nghiên cứu phân lập vi nấm biển từ trầm tích khu vực biển Cát Bà, thành phố Hải Phòng Việt Nam</i> ', <i>Tạp chí Y học Việt Nam</i> , tập 484, tháng 11 – số đặc biệt, 570-576	
	Nguyễn. V. H (2018), ' <i>Bước đầu nghiên cứu thành phần hoá học chủng vi nấm biển Penicillium Raistrickii SP. MF06 phân lập từ trầm tích biển thành phố Hải Phòng</i> ', <i>Tạp chí Y học thực hành</i> , số 8 (1077), tháng 8/2018,	
	Đinh. D. T. A (2021), ' <i>Đặc điểm dịch tễ học lâm sàng, cận lâm sàng và kết quả điều trị thiếu máu ở trẻ đẻ non tại Bệnh viện trẻ em Hải Phòng năm 2018-2019</i> ', <i>Tạp chí Y học Việt Nam</i> , tập 503, tháng 6 – số đặc biệt (Phần 2), 10-16	
	Đinh. D. T. A (2021), ' <i>Đặc điểm của viêm tiểu phế quản cấp có nhiễm RSV tại Bệnh viện Trẻ em Hải Phòng năm 2019-2020</i> ', <i>Tạp chí Y học Việt Nam</i> , tập 503, tháng 6 – số đặc biệt (Phần 2), 17-23	
	Đinh. D. T. A (2021), ' <i>Đặc điểm dịch tễ học lâm sàng, cận lâm sàng và kết quả điều trị viêm màng não mủ tại Bệnh viện trẻ e Hải Phòng</i> ', <i>Tạp chí Y học Việt Nam</i> , tập 503, tháng 6 – số đặc biệt (Phần 2), 24-30	
	Đinh. D. T. A (2021), ' <i>Đặc điểm vi khuẩn và kết quả điều trị nhiễm khuẩn huyết tại Bệnh viện Trẻ em Hải Phòng năm 2014-2018</i> ', <i>Tạp chí Y học Việt Nam</i> , tập 503, tháng 6 – số đặc biệt (Phần 2), 31-37	
	Đinh. D. T. A (2018), ' <i>Đặc điểm dịch tễ học lâm sàng, cận lâm sàng và kết quả điều trị bệnh lỵ do Shigella tại Bệnh viện Trẻ em Hải Phòng năm 2015-2016</i> ', <i>Tạp chí Y học thực hành</i> , số 8 (1077), tháng 8/2018, 185-191	

	Phạm. V. T (2018), 'Đánh giá kết quả phẫu thuật nội soi đặt mảnh ghép hoàn toàn ngoài phúc mạc điều trị thoát vị sườn bên tại Bệnh viện Việt Tiệp Hải Phòng', <i>Tạp chí Y học thực hành</i> , số 8 (1077), tháng 8/2018, 64-66	
	Lê. T. D. H (2021), 'Thực trạng tuân thủ sử dụng thuốc ngoại trú ở bệnh nhân đợt cấp bệnh phổi tắc nghẽn mãn tính điều trị tại bệnh viện Việt Tiệp năm 2019-2020', <i>Tạp chí Y học Việt Nam</i> , tập 503, tháng 6 – số đặc biệt (Phần 1), 351-361	
	Lê. T. D. H (2019), 'Đặc điểm vi khuẩn ở bệnh nhân viêm phổi cộng đồng nặng', <i>Tạp chí Y học Việt Nam</i> , tập 484, tháng 11 – số đặc biệt, 86-89	
	Vũ. T. T. T (2021), 'Đặc điểm lâm sàng và cận lâm sàng nhiễm khuẩn huyết trên bệnh nhân xơ gan tại bệnh viện Hữu Nghị Việt Tiệp năm 2018-2022', <i>Tạp chí Y học Việt Nam</i> , tập 503, tháng 6 – số đặc biệt (Phần 2), 361-366	
	Vũ. T. T. T (2019), 'Đặc điểm vi khuẩn ở bệnh nhân viêm phổi cộng đồng nặng', <i>Tạp chí Y học Việt Nam</i> , tập 484, tháng 11 – số đặc biệt, 86-89	
	Vũ. T. T. T (2019) 'Nghiên cứu tình trạng rối loạn đường huyết và đại tháo đường ở bệnh nhân xơ gan tại bệnh viện Hữu Nghị Việt Tiệp năm 2018', <i>Tạp chí Y học Việt Nam</i> , tập 484, tháng 11 – số đặc biệt, 613-624	
	Phạm. V. T (2018), 'Biến chứng thường gặp trong và sau lọc máu nhân tạo chu kỳ bằng thận nhân tạo trên người bệnh tại Bệnh viện Đại học Y Hải Phòng', <i>Tạp chí Y học thực hành</i> , số 8 (1077), tháng 8/2018, 423-427	
	Phạm. V. T (2018), 'Đánh giá nguy cơ và điều trị thuốc trên người bệnh chạy thận nhân tạo chu kỳ tại Bệnh viện Đại học Y Hải Phòng', <i>Tạp chí Y học thực hành</i> , số 8 (1077), tháng 8/2018, 432-436	

Phạm. T. V. A (2019), 'Những thay đổi về đặc điểm dịch tễ học và lâm sàng các bệnh nhân sốt xuất huyết Dengue tại Bệnh viện Việt Tiệp năm 2013 và 2017', <i>Tạp chí Y học Việt Nam</i>, tập 484, tháng 11 – số đặc biệt, 72-78	
---	--

Đại diện trưởng các đơn vị chuyên môn quản lý kê khai

(Ký tên xác nhận)



TRƯỞNG PHÒNG QUẢN LÝ KHOA HỌC
PGS.TS. *Đặng Văn Chức*

Thủ trưởng cơ sở đào tạo

(Ký tên, đóng dấu)





HIỆU TRƯỞNG
PGS. TS. *Nguyễn Văn Khải*

Mẫu số: Cơ sở vật chất, trang thiết bị phục vụ thực hiện chương trình đào tạo thuộc ngành đào tạo dự kiến mở trình độ đại học/thạc sĩ/tiến sĩ của cơ sở đào tạo.

STT	Hạng mục	Số lượng	Diện tích sàn xây dựng (m ²)	Học phần/môn học	Thời gian sử dụng (học kỳ, năm học)	Ghi chú
1	Hội trường, giảng đường, phòng học các loại, phòng đa năng, phòng làm việc của giáo sư, phó giáo sư, giảng viên cơ hữu.	99	7782	Các học phần	I, II, III	
1.1	Hội trường, phòng học lớn trên 200 chỗ	2	972	Không		
1.2	Phòng học từ 100-200 chỗ	8	937	Không		
1.3	Phòng học từ 50- 100 chỗ	34	2412	Các học phần	I, II, III	
1.4	Phòng học dưới 50 chỗ	9	374	Các học phần	I, II, III	
1.5	Số phòng học đa phương tiện	18	2214	Các học phần	I, II, III	

Mẫu 7: Thư viện

STT	Tên sách, giáo trình, tạp chí (5 năm trở lại đây)	Tên tác giả	Nhà xuất bản, năm xuất bản	Số lượng bản	Tên học phần sử dụng sách, tạp chí	Mã học phần, môn học	Thời gian sử dụng (học kỳ, năm học)	Ghi chú
1	Quản lý điều dưỡng	Bộ Y tế	2004	13	Quản lý điều dưỡng		Học kỳ 2	
2	Tài liệu quản lý điều dưỡng	Lê Văn An	Nhà xuất bản Y học, 2012.	3	Quản lý điều dưỡng		Học kỳ 2	
3	Nursing leadership and management	K. Patricia	Clifton Park NY, (2008)	1	Quản lý điều dưỡng		Học kỳ 2	
4	Managed Care: Practice Strategies for Nursing	<u>Margaret M. Conger,</u> SAGE.	Publications, Inc., 1999, https://dx.doi.org/ 10.4135/9781452 204949	1	Quản lý điều dưỡng		Học kỳ 2	hinari
5	Y học gia đình: các nguyên lý và thực hành = Family Medicine: Principles and Practice	Taylor Robert. - Lần thứ 5	Nhà xuất bản Y học, 2004	1	Điều dưỡng cộng đồng và gia đình		Học kỳ 3	
6	Sổ tay điều dưỡng cộng đồng và sức khoẻ gia đình:Tài liệu dịch để tham khảo			1	Điều dưỡng cộng đồng và gia đình		Học kỳ 3	
7	Dinh dưỡng lâm sàng. - Tp.HCM		Nhà xuất bản Y học, 2020	3	Dinh dưỡng tiết chế		Học kỳ 3	
8	Dinh dưỡng và sức khoẻ	Nguyễn Ý Đức	Trung tâm dưỡng sinh, 2004.	1	Dinh dưỡng tiết chế		Học kỳ 3	
9	Dinh dưỡng cộng đồng		Nhà xuất bản Y học, 2020	2	Dinh dưỡng tiết chế		Học kỳ 3	

10	Giáo trình Triết học Mác - Lênin (Dành cho học viên cao học, nghiên cứu sinh không thuộc chuyên ngành Triết học)	Bộ Giáo dục và Đào tạo	Nhà xuất bản LLCT, 2007	5	Triết học	Học kỳ 1	
11	Giáo trình Triết học Mác - Lênin (Dành cho đào tạo trình độ Ths, TS các ngành KHXH-NV không chuyên ngành Triết học)	Nguyễn Văn Tài	Nhà xuất bản ĐHSP, 2020	5	Triết học	Học kỳ 1	
12	Career Paths: Medical.	Virginia, E., Jenny D. & Trang M. Tr.	Express Publishing, 2012	0	Ngoại ngữ chuyên ngành	Học kỳ 1	
13	Career Paths: Nursing.	Virginia, E. & Kori, S.	Express Publishing, 2012	0	Ngoại ngữ chuyên ngành	Học kỳ 1	
14	Điều dưỡng Nhi khoa cơ bản	Bệnh viện Nhi Trung ương	Nhà xuất bản Y học, 2017	4	Điều dưỡng Nhi khoa nâng cao	Học kỳ 3	
15	Pediatric nursing	Wong Donna L	(1997)- 5th ed. - USA : Nancy	1	Điều dưỡng Nhi khoa nâng cao	Học kỳ 3	
16	Winningham's critical thinking cases in nursing : Medical-Surgical, Pediatric	Missouri	Patemity and Psychiatric. - 6th ed. Elsevier, 2016.	1	Điều dưỡng Nhi khoa nâng cao	Học kỳ 3	
17	Pediatric Nursing an introductory text	Jean Weiler Ashwill	Edition. - London : W.B.Saunders Company, 1992	1	Điều dưỡng Nhi khoa nâng cao	Học kỳ 3	
18	Pediatric nursing	Martha Velasco-Whetsell	New York : McGraw-Hill, 2000	1	Điều dưỡng Nhi khoa nâng cao	Học kỳ 3	
19	Huyết học Lâm sàng Nhi khoa	Nguyễn Công Khanh	Nhà xuất bản Y học, 2004	3	Điều dưỡng Nhi khoa nâng cao	Học kỳ 3	

20	Nhi khoa sau đại học	Bộ môn Nhi trưởng Đại học Y Dược Hải Phòng	Nhà xuất bản Y học, 2007	5	Điều dưỡng Nhi khoa năng cao	Học kỳ 3	
21	Bài giảng nhi khoa - Tập 1,2 : Sách dùng cho sinh viên da khoa	Đại học Y Dược Hải Phòng	Nhà xuất bản Y học, 2013	3 + 3	Điều dưỡng Nhi khoa năng cao	Học kỳ 3	
22	Nghiên cứu khoa học, Tập 1, Phương pháp viết đề cương nghiên cứu	Lưu Ngọc Hoạt	Nhà xuất bản Y học, 2017	2	Phương pháp luận nghiên cứu khoa học trong điều dưỡng	Học kỳ 1	
23	Nghiên cứu khoa học, Tập 2, Phân tích và trình bày kết quả nghiên cứu	Lưu Ngọc Hoạt	Nhà xuất bản Y học, 2017	2	Phương pháp luận nghiên cứu khoa học trong điều dưỡng	Học kỳ 1	
24	Viết và xuất bản bài báo khoa học quốc tế	Peter Manson, Pamela Wright, Lưu Ngọc Hoạt	Nhà xuất bản Y học, Hà Nội, 2017	1	Phương pháp luận nghiên cứu khoa học trong điều dưỡng	Học kỳ 1	
25	Điều dưỡng truyền nhiễm thần kinh tâm thần	Bộ y tế - Vụ khoa học và đào tạo	Nhà xuất bản Y học, Hà Nội, 1996	4	Truyền nhiễm	Học kỳ 3	
26	Understanding nursing research : Building an evidence-based practice	Susan K. Grove	Missouri : Elsevier, 2015	1	Truyền nhiễm	Học kỳ 3	
27	Nursing diagnosis handbook : An evidence-based guide to planning care	Betty J.Ackley	Missouri : Elsevier, 2014	1	Truyền nhiễm	Học kỳ 3	
28	Guide to nursing diagnosis	Betty J.Ackley	Missouri : Elsevier, 2014	1	Truyền nhiễm	Học kỳ 3	

29	Chăm sóc người nhiễm HIV/AIDS : Dành cho đào tạo cử nhân điều dưỡng	Ngô Huy Hoàng	Nhà xuất bản Y học, 2015	4	Truyền nhiễm		Học kỳ 3	
30	Person Centred Nursing: Theory and Practice.	Brendan McCormack DPhil (Oxon.), BSc (Hons.) Nursing, PGCEA, RNT, RMN, RGN, Tanya McCance DPhil, MSc, BSc (Hons.), RGN,	First published: 12 July 2010. Print ISBN: 9781405171137 Online ISBN: 9781444390506 DOI: 10.1002/97814439050	1	Học thuyết điều dưỡng		Học kỳ 2	
31	Nursing theories and models	Hugh McKenna published	Routledge, 1997	1	Học thuyết điều dưỡng		Học kỳ 2	Hinari
32	AACN Essentials of critical care nursing	Suzanne M. Burns & Sarah A. Delgado	McGraw- Hill Education. 2019	1	Thực hành điều dưỡng nâng cao		Học kỳ 2	Hinari
33	Hồi sức cấp cứu toàn tập	Vũ Văn Đỉnh & Nguyễn Quốc Anh	Nhà xuất bản y học, Hà Nội, 2019	5	Thực hành điều dưỡng nâng cao		Học kỳ 2	
34	Nhi khoa sau đại học tập I, II	Bộ môn nhi trường Đại học Y Hà Nội	Nhà xuất bản Y học, 2007	5 + 5	Thực hành điều dưỡng nâng cao		Học kỳ 2	
35	Hồi sức cấp cứu toàn tập	Vũ Văn Đỉnh & Nguyễn Quốc Anh	Nhà xuất bản y học, Hà Nội, 2019	1	Thực hành điều dưỡng nâng cao		Học kỳ 2	
36	Nội khoa cơ sở tập 2	Trường Đại học Y Hà Nội	Nhà xuất bản Y học, Hà Nội, 2012	5	Thực hành điều dưỡng nâng cao		Học kỳ 2	

37	Nội khoa cơ sở tập 1	Trường Đại học Y Hà Nội	Nhà xuất bản Y Học, Hà Nội, 2012	5	Thực hành điều dưỡng nâng cao	Học kỳ 2	
38	Phương pháp dạy - học lâm sàng	Phạm Văn Thúc, Nguyễn Ngọc Sáng	Nhà Xuất bản Y học, 2012	13	Phương pháp dạy học điều dưỡng	Học kỳ 1	
39							
40	Sư phạm Y học Thực hành.	Phạm Thị Minh Đức	NXB Giáo dục Việt Nam, 2020	2	Phương pháp dạy học điều dưỡng	Học kỳ 1	
41	Bài giảng đạo đức y học, Trường Đại học Y Dược Hải Phòng	GS.TS. Phạm Văn Thúc, PGS.TS. Phạm Văn Hùng	Nhà xuất bản Y Học, 2014	7	Tâm lý y học	Học kỳ 1	
42	Tâm lý học y học	Nguyễn Văn Nhân, Nguyễn Sinh Phúc	Nhà xuất bản Y học, 2006	10	Tâm lý y học	Học kỳ 1	
43	Tâm lý và đạo đức y học, Trường Đại học Thăng Long	GS.TS. Phạm Thị Minh Đức	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam, 2014	1	Tâm lý y học	Học kỳ 1	
44	Tâm lý y học, Trường Đại học Y Hà Nội	PGS.TS. Nguyễn Sinh Phúc	Nhà xuất bản Y Học, 2016	1	Tâm lý y học	Học kỳ 1	
45	Bài giảng đạo đức y học, Trường Đại học Y Hà Nội	GS.TS. Phạm Văn Thúc, PGS.TS. Phạm Văn Hùng	Nhà xuất bản Y Học, 2010	7	Tâm lý y học	Học kỳ 1	
46	Thống kê và ứng dụng	Đặng Hùng Thắng	NXB Giáo dục, Hà Nội. 2020	5	Toán tin ứng dụng	Học kỳ 1	
47	Microsoft Office Word 2013: Nội dung đào tạo tương thích kỳ thi MOS	IIG Việt Nam	NXB tổng hợp, 2019.	5	Toán tin ứng dụng	Học kỳ 1	

48	Khai thác thông tin và tạo lập bài giảng điện tử: Dự án Việt Nam Hà Lan	Nguyễn Văn Sơn	NXB Y học, 2013.	1	Toán tin ứng dụng	Học kỳ 1	
49	Kỹ năng giao tiếp trong thực hành điều dưỡng	Lê Thanh Tùng	NXB Giáo dục VN, Hà Nội, 2018	5	Giáo dục sức khỏe	Học kỳ 3	
50	Điều dưỡng sản phụ khoa	Bộ y tế	Nhà xuất bản Y học, Hà Nội, 1996	3	Điều dưỡng sản phụ khoa nâng cao	Học kỳ 3	
51	Chăm sóc bà mẹ thời kỳ mang thai,	Lê Thanh Tùng, Trần Quang Tuấn, Nguyễn Thị Liên	Nhà xuất bản Giáo dục, Hà Nội, 2019	3	Điều dưỡng sản phụ khoa nâng cao	Học kỳ 3	
52	Chăm sóc bà mẹ chuyển dạ đẻ,	Lê Thanh Tùng, Trần Quang Tuấn, Nguyễn Thị Mai Hương	Nhà xuất bản Giáo dục, Hà Nội, 2019	3	Điều dưỡng sản phụ khoa nâng cao	Học kỳ 3	
53	Hướng dẫn quy trình khám chữa bệnh chuyên ngành Sản phụ khoa	Bộ Y tế	Bộ Y tế, Hà Nội, 2018	3	Điều dưỡng sản phụ khoa nâng cao	Học kỳ 3	
54	Điều dưỡng sản phụ khoa: sách đào tạo cử nhân điều dưỡng	Bộ y tế	Nhà xuất bản Y học, Hà Nội, 2007	5	Điều dưỡng sản phụ khoa nâng cao	Học kỳ 3	
55	Điều dưỡng ngoại I : sách đào tạo cử nhân điều dưỡng	Nguyễn Tấn Cường	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam, 2015	15	Điều dưỡng bệnh Ngoại khoa nâng cao	Học kỳ 3	
56	Trauma nursing the art and science	Neff, Janet A	London: Mosby, 1993	1	Điều dưỡng bệnh Ngoại khoa nâng cao	Học kỳ 3	

57	Medical surgical nursing: Patient centered collaborative care	Donna D.Ignatavicius	Missouri: Elsevier, 2016	1	Điều dưỡng bệnh Ngoại khoa nâng cao	Học kỳ 3	
58	Medical - Surgical nursing: Assessment and management of clinical problems	Susan A.Sandstrom	Missouri: Elsevier, 2014	1	Điều dưỡng bệnh Ngoại khoa nâng cao	Học kỳ 3	
59	Điều dưỡng ngoại 2: Sách đào tạo cử nhân điều dưỡng - Tái bản lần thứ tư.	Nguyễn Tân Cường	Nxb Giáo dục Việt Nam, 2016	15	Điều dưỡng bệnh Ngoại khoa nâng cao	Học kỳ 3	
60	Nội khoa cơ sở tập 1	Trường Đại học Y Hà Nội	Nhà xuất bản Y Học, Hà Nội, 2012	5	Điều dưỡng bệnh Nội khoa nâng cao	Học kỳ 3	
61	Nội khoa cơ sở tập 2	Trường Đại học Y Hà Nội	Nhà xuất bản Y Học, Hà Nội, 2012	5	Điều dưỡng bệnh Nội khoa nâng cao	Học kỳ 3	
62	Clinical companion to medical surgical nursing: Assessment and management of clinical problems	Shannon R. Dirksen	Missouri : Elsevier, 2014	1	Điều dưỡng bệnh Nội khoa nâng cao	Học kỳ 3	
63	Focus on Adult Health Medical-Surgical Nursing	Linda H. Pellico	Lippincott Williams & Wilkins. 2013	0	Điều dưỡng bệnh Nội khoa nâng cao	Học kỳ 3	
64	Vietnam noncommunicable disease prevention and control programme 2002- 2010 implementation review. Retrieved from http://www.wpro.who.int/vietnam/topics/chronic_diseases/vietnam_noncommunicable_disease_prevention_and control	Haper, C.	2011	0	Điều dưỡng bệnh Nội khoa nâng cao	Học kỳ 3	

	rol_program_2002_2010_imp le_review.pdf											
65	Bệnh học lão hóa từ đại ương tới thực hành lâm sàng,	Phạm Khuê	Nhà xuất bản Khoa Học Kỹ Thuật, 2013	6	Điều dưỡng Lão khoa	Học kỳ 3						
66	Fall risk factors in community dwelling elderly who receive medicaid supported home and community based care services	Yamashita, T., Jeon, H., Bailer, A. J., Nelson, I. M., & Mehdizadeh, S.	Journal of Aging and Health, 2011	1	Điều dưỡng Lão khoa	Học kỳ 3	doi: 10.1177/08982 6431039094. Hinari.					
67	Aging Well Solutions to the Most Pressing Global Challenges of Aging https://doi.org/10.1007/978-981-13-2164-1	Galiana J. & Haseltine W.A	Aging Well, 2019	0	Điều dưỡng Lão khoa	Học kỳ 3	Hinari					
68	Hội sức cấp cứu toàn tập	Vũ Văn Đình & Nguyễn Quốc Anh	Nhà xuất bản y học, Hà Nội, 2019	5	Điều dưỡng hồi sức cấp cứu	Học kỳ 3						
69	Quản lý y tế công cộng trong thảm họa	Bộ y tế	2011	5	Điều dưỡng thảm họa	Học kỳ 3						
70	Nghị định Số: 66/2014/ND- CP, ngày 04 tháng 07 năm 2014 "Quy định chi tiết hướng dẫn thi hành một số điều của Luật phòng, chống thiên tai"	Chính phủ nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam	2014	0	Điều dưỡng thảm họa	Học kỳ 3						
71	Chăm sóc sức khỏe ban đầu: Mô hình hoạt động và một số loại hình dịch vụ mới	PGS.TS. Nguyễn Văn Hùng	Nhà xuất bản Y học Hà Nội, 2020	5	Chăm sóc giảm nhẹ và cuối đời	Học kỳ 3						

Giám đốc trung tâm thư viện

Thủ trưởng đơn vị

TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y DƯỢC HÀI PHONG MIÊU TRƯỞNG
PGS.TS. Nguyễn Văn Hùng

Nguyễn Thị Hồng Nhung.

Mẫu 8: Trung tâm nghiên cứu, phòng thí nghiệm, thực nghiệm, cơ sở thực hành, thực tập, luyện tập theo yêu cầu của ngành đào tạo dự kiến mở

Danh mục hỗ trợ nghiên cứu, thí nghiệm, thực nghiệm, thực hành, thực tập, luyện tập						Tên học phần/môn học sử dụng thiết bị	Thời gian sử dụng (học kỳ, năm học)	Số người học/máy, thiết bị	Ghi chú
STT	Tên gọi máy, thiết bị, ký hiệu và mục đích sử dụng	Nước sản xuất, năm sản xuất	Số lượng	Đơn vị					
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	
1.	Bộ đèn NKQ	1997	1	Bộ	TH ĐD nâng cao	II			
2.	Giường bệnh thường	1996	1	Chiếc	TH ĐD nâng cao	II			
3.	Giường bệnh Inox có bàn ăn	2000	1	Chiếc	TH ĐD nâng cao	II			
4.	Giường bệnh Inox, đệm	2006	1	Chiếc	TH ĐD nâng cao	II			
5.	Giường bệnh đa năng (tủ đầu giường, ổn áp)	2007	1	Chiếc	TH ĐD nâng cao	II			
6.	Giường bệnh đa năng	2008	1	Chiếc	TH ĐD nâng cao	II			
7.	Máy hút dịch Thomas	2008	1	Chiếc	TH ĐD nâng cao	II			
8.	Bơm tiêm điện Braun	2008	1	Chiếc	TH ĐD nâng cao	II			
9.	Máy truyền dịch TDP	2008	1	Chiếc	TH ĐD nâng cao	II			
10.	Máy nhỏ giọt dạ dày	2009	1	Chiếc	TH ĐD nâng cao	II			
11.	Máy in Canon 2900	2010		Chiếc	TH ĐD nâng cao	II			
12.	MH thông tiểu nữ 856	2000	2	Bộ	TH ĐD nâng cao Ngoại khoa nâng cao	II			
13.	MH hồi sức cấp cứu	2000	1	Bộ	TH ĐD nâng cao	II			
14.	MH tiêm trong da	2001	3	Bộ	TH ĐD nâng cao	II			
15.	MH tiêm bắp, tĩnh mạch ngoại biên	2006	2	Bộ	TH ĐD nâng cao	II			
16.	MH tiêm ven, TM đầu	2006	3	Bộ	TH ĐD nâng cao	II			
17.	MH chọc dò tủy sống	2006	2	Bộ	TH ĐD nâng cao	II			
18.	MH cấp cứu CPR	2006	1	Bộ	TH ĐD nâng cao	II			

19.	Phụ kiện - Da ven thay thế tĩnh mạch ngoại biên	2006	4	Bộ	TH ĐD nâng cao	II	
20.	Phụ kiện - Da ven thay thế tĩnh mạch đầu	2006	4	Bộ	TH ĐD nâng cao	II	
21.	Bộ chọc dò tủy sống thay thế	2006	3	Bộ	TH ĐD nâng cao	II	
22.	MH thực tập khâu các vết thương rách da tay	2006	2	Bộ	TH ĐD nâng cao	II	
23.	MH thực tập khâu các vết thương rách da chân	2006	2	Bộ	TH ĐD nâng cao	II	
24.	MH mặt trước bàn tay, bàn chân	2006	2	Bộ	TH ĐD nâng cao	II	
25.	MH chăm sóc trẻ sơ sinh	2006	2	Bộ	TH ĐD nâng cao	II	
26.	MH cho trẻ ăn qua sonde	2006	4	Bộ	TH ĐD nâng cao	II	
27.	MH hút đờm rãi, thở oxy	2009	1	Bộ	TH ĐD nâng cao	II	
28.	MH đặt NKQ trẻ em	2009	1	Bộ	TH ĐD nâng cao Nhi khoa nâng cao	II	
29.	MH thông tiểu nam	2013	2	Bộ	TH ĐD nâng cao Ngoại khoa nâng cao	II	
30.	MH lấy máu động, tĩnh mạch	2013	2	Bộ	TH ĐD nâng cao	II	
31.	MH tiêm truyền tĩnh mạch mu tay	2000	4	Bộ	TH ĐD nâng cao	II	
32.	MH chăm sóc đa năng trẻ em	2006	2	Bộ	TH ĐD nâng cao Nhi khoa nâng cao	II	
33.	MH chăm sóc đa năng người lớn	2006	1	Bộ	TH ĐD nâng cao	II	
34.	Thiết đồ cắt dọc BPSD nam	2006	1	Bộ	TH ĐD nâng cao	II	
35.	MH đặt NKQ người lớn	2006	1	Bộ	TH ĐD nâng cao	II	
36.	MH tìm phổi (LF0367U) Nasco	2006	2	Bộ	TH ĐD nâng cao	II	
37.	MH cho ăn (LF01174U) Nasco	2006	2	Bộ	TH ĐD nâng cao	II	

38.	MH chọc dò tử cung (LF 01036U) Nasco	2006	2	Bộ	TH ĐD nâng cao	II	
39.	MH HSTP bán thân		8	Bộ	TH ĐD nâng cao	II	
40.	MH tiêm mỡ		4	Bộ	TH ĐD nâng cao	II	
41.	MH tiêm trong da		25	Bộ	TH ĐD nâng cao	II	
42.	MH thụt tháo đại tràng		3	Bộ	TH ĐD nâng cao	II	
43.	MH thông tiểu nam		3	Bộ	TH ĐD nâng cao	II	
44.	MH thông tiểu nữ		3	Bộ	Ngoại khoa nâng cao TH ĐD nâng cao	II	
45.	MH thở oxy, hút đờm dãi		2	Bộ	TH ĐD nâng cao	II	
46.	Máy hút dịch 20l/phút		2	Chiếc	TH ĐD nâng cao	II	
47.	Máy tạo oxy		2	Chiếc	TH ĐD nâng cao	II	
48.	MH cho ăn		4	Bộ	TH ĐD nâng cao	II	
49.	MH nghe tiếng tim bản thân		1	Chiếc	TH ĐD nâng cao	II	
50.	Bộ 5 MH TT cấp cứu ngưng hô hấp tuần hoàn LF03694U		1	Bộ	TH ĐD nâng cao	II	
51.	MHTT cấp cứu ngưng hô hấp tuần hoàn có hộp kiểm soát PP02300U		1	Bộ	TH ĐD nâng cao	II	
52.	MH xoa/ mở cổ tử cung LF01069U		01	Chiếc	TH ĐD nâng cao	II	
53.	MH tiên tiến hướng dẫn việc đỡ đẻ S500		04	Bộ	TH ĐD nâng cao	II	
54.	MH TT thông tiểu nữ LF00856		02	Bộ	TH ĐD nâng cao	II	
55.	MH TT thông tiểu nam LF00855		01	Bộ	TH ĐD nâng cao	II	
56.	MH TT thông mũi dạ dày LF04088U		03	Bộ	TH ĐD nâng cao	II	

57.	MH bán thân huấn luyện quản lý đường thở LF03669U		01	Bộ	TH ĐD nâng cao	II		
58.	MH đầu đặt nội khí quản (người lớn) LF03699U		02	Bộ	TH ĐD nâng cao	II		
59.	MH TT khám ung thư vú LM0185		03	Bộ	TH ĐD nâng cao	II		
60.	MH sản khoa (TT khám thai) LM043		03	Bộ	TH ĐD nâng cao	II		
61.	MH TT khám phụ khoa LM050		01	Bộ	TH ĐD nâng cao	II		
62.	MH cấp cứu ngưng HH-TT có phản hồi cơ học LG01021U		03	Chiếc	TH ĐD nâng cao	II		
63.	MH thăm khám phúc mạc bản thân		01	Chiếc	TH ĐD nâng cao	II		
64.	MH nghe tiếng tim bản thân LF00142U		01	Chiếc	TH ĐD nâng cao	II		
65.	MH nghe tim người lớn bản thân S312200		02	Chiếc	TH ĐD nâng cao	II		
66.	MH Nghe tim trẻ em (1 tuổi) S312200		02	Chiếc	TH ĐD nâng cao Nhi khoa nâng cao	II		
67.	MH Nghe tim trẻ em (5 tuổi) S314200		02	Chiếc	TH ĐD nâng cao Nhi khoa nâng cao	II		
68.	MH khám phụ khoa S503		01	Chiếc	TH ĐD nâng cao	II		
69.	MH khám tuyến liệt tuyến LP 00901U		01	Chiếc	TH ĐD nâng cao	II		
70.	Bộ chuyển đổi sóng điện tim trên TV		01	Chiếc	TH ĐD nâng cao	II		
71.	MH chọc dò màng bụng bản thân R10019		01	Chiếc	TH ĐD nâng cao	II		

72.	MH chọc dò Tĩnh mạch TW W44017	01	Chiếc	TH ĐD nâng cao	II	
73.	MH chọc dò màng phổi R10130	02	Chiếc	TH ĐD nâng cao	II	
74.	MH khâu tầng sinh môn	02	Bộ	TH ĐD nâng cao	II	
75.	MH nghe tiếng tim bán thân	01	Chiếc	TH ĐD nâng cao	II	
76.	MH thông tiểu lưỡng tính	6	Bộ	TH ĐD nâng cao	II	

Đại diện trưởng các đơn vị chuyên môn quản lý kê khai
(Ký tên và xác nhận)


Nguyễn Ngọc Quỳnh

Thủ trưởng cơ sở đào tạo
(Ký tên và đóng dấu)





HIỆU TRƯỞNG
PGS. TS. Nguyễn Văn Khai



SỞ Y TẾ THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG
BỆNH VIỆN HỮU NGHỊ VIỆT TIỆP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 05 /2022/HĐTH-BVHNVT

Hải Phòng, ngày 16 tháng 5 năm 2022

HỢP ĐỒNG NGUYÊN TẮC VỀ ĐÀO TẠO THỰC HÀNH

Căn cứ Bộ luật Dân sự số 91/2015/QH13 ngày 24 tháng 11 năm 2015 của Quốc hội Nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;

Căn cứ Nghị định số 111/2017/NĐ-CP ngày 05 tháng 10 năm 2017 của Chính phủ quy định về tổ chức đào tạo thực hành trong đào tạo khối ngành sức khỏe;

Căn cứ Bản công bố số 830/BVVT-TTĐTCDT ngày 31 tháng 3 năm 2022 của Bệnh viện Hữu nghị Việt Tiếp công bố cơ sở KCB đáp ứng yêu cầu là cơ sở đào tạo thực hành trong đào tạo khối ngành sức khỏe;

Căn cứ Bản công bố số 2313/BVVT-TTĐTCDT ngày 05 tháng 05 năm 2022 của Bệnh viện Hữu nghị Việt Tiếp công bố cơ sở Khám chữa bệnh đáp ứng yêu cầu là cơ sở đào tạo thực hành trong đào tạo khối ngành sức khỏe;

Hôm nay, ngày 16 tháng 5 năm 2022 tại Bệnh viện Hữu nghị Việt Tiếp, chúng tôi gồm:

BÊN A: BỆNH VIỆN HỮU NGHỊ VIỆT TIỆP

Địa chỉ: Số 1 đường Nhà Thương, Phường Cát Dài, Quận Lê Chân, Thành phố Hải Phòng

Điện thoại: 0225 3 700 436

Đại diện là: Ông Lê Minh Quang

Chức vụ: Giám đốc Bệnh viện

BÊN B: TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y DƯỢC HẢI PHÒNG

Địa chỉ: Số 72A Nguyễn Bình Khiêm, Ngô Quyền, Hải Phòng

Điện thoại: 0225.3731907; Fax: 0225.3733315

Đại diện là: Ông Nguyễn Văn Khải

Chức vụ: Hiệu trưởng

Thỏa thuận ký kết hợp đồng đào tạo thực hành với những nội dung cơ bản sau đây:



Điều 1: Điều khoản chung**1. Đối tượng thực hành:**

- 1.1. Nghiên cứu sinh: Nội khoa, Ngoại khoa, Nhi khoa, Y tế công cộng
- 1.2. Thạc sĩ: Nội khoa, Ngoại khoa, Nhi Khoa, Y tế công cộng, Xét nghiệm Y học, Y học biển, Dược lý & Dược lâm sàng, Điều dưỡng, Y học dự phòng.
- 1.3. Chuyên khoa cấp II: Nội hô hấp, Nội tim mạch, Nội chung, Sản phụ khoa, Nhi chung, Nhi-thận tiết niệu, Nhi Hô hấp, Ngoại chung, Ngoại chấn thương chỉnh hình, Ngoại tiêu hoá, Răng Hàm Mặt, Tâm thần, Tai Mũi Họng, Y học cổ truyền.
- 1.4. Chuyên khoa cấp I: Nội khoa, Ngoại khoa, Sản phụ khoa, Nhi khoa, Mắt, Tai Mũi Họng, Hoá sinh, Răng Hàm Mặt, Chẩn đoán hình ảnh, Lao, Y học cổ truyền, Y học gia đình, Y tế công cộng, Ung thư, Tâm thần, Xét nghiệm Y học, Gây mê hồi sức, Điều dưỡng, Dược lý & Dược lâm sàng, Y học dự phòng.
- 1.5. Bác sĩ nội trú: Nội khoa, Ngoại khoa, Sản phụ khoa, Nhi khoa, Răng Hàm Mặt.

2. Số lượng người thực hành (dự kiến): theo phụ lục hợp đồng hàng năm**3. Người hướng dẫn thực hành:**

- a) Người hướng dẫn thực hành của cơ sở thực hành: Số lượng theo thực tế sinh viên đi thực tập; Danh sách kèm theo từng đợt thực tập cụ thể (nếu cần)
- b) Người hướng dẫn thực hành của cơ sở giáo dục: Số lượng theo thực tế sinh viên đi thực tập; Danh sách kèm theo từng đợt thực tập cụ thể (nếu cần)

4. Nội dung chuyên môn thực hành: các học phần thực hành theo chương trình đào tạo**5. Thời gian thực hành: 5 năm kể từ ngày ký;****6. Địa điểm thực hành: Bệnh viện Hữu nghị Việt Tiệp****7. Chi phí thực hành: theo thoả thuận****8. Thời hạn của Hợp đồng đào tạo thực hành: 05 năm****9. Chương trình thực hành chi tiết đã được phê duyệt (kèm theo)****10. Tên cơ sở thực hành đáp ứng khoản 2, Điều 10: Bệnh viện Hữu nghị Việt Tiệp.****Điều 2. Phương thức và thời hạn thanh toán chi phí thực hành (nếu có)**

1. Phương thức thanh toán: Chuyển khoản hoặc tiền mặt (nếu có)
2. Thời hạn thanh toán: theo thoả thuận (nếu có)

Điều 3. Quyền và nghĩa vụ của Bên A***1. Bên A có quyền:***

- a) Bố trí, phân công người hướng dẫn thực hành để hướng dẫn người thực hành thực hành theo đúng các điều khoản ghi trong Hợp đồng.
- b) Chấm dứt Hợp đồng thực hành hoặc các biện pháp xử lý khác nếu cơ sở giáo dục vi phạm các thỏa thuận ghi trong Hợp đồng.
- a) Thu chi phí thực hành theo thỏa thuận với Bên B.
- b) Các quyền khác (nếu có)

2. Bên A có nghĩa vụ:

- a) Bảo đảm các điều kiện thuận lợi để người thực hành được thực hành theo đúng các thỏa thuận ghi trong Hợp đồng.
- b) Bảo đảm giảng dạy đúng nội dung chuyên môn thực hành, tiến độ thực hành đã được thống nhất trong kế hoạch đào tạo thực hành.
- c) Bố trí người thực hành của cơ sở giáo dục tham gia các hoạt động chuyên môn với thời gian phù hợp và chi trả thù lao cho người thực hành theo quy chế chi tiêu nội bộ tại cơ sở.
- d) Bảo đảm quyền lợi của người thực hành theo quy định của pháp luật (nếu có).
- đ) Xác nhận kết quả thực hành của người thực hành theo quy định,
- e) Chịu trách nhiệm về quá trình thực hành của người thực hành tại cơ sở.
- g) Các nghĩa vụ khác (nếu có).

Điều 4. Quyền và nghĩa vụ của Bên B***Bên B có quyền:***

- a) Được đưa người thực hành của cơ sở mình đến cơ sở thực hành để hướng dẫn thực hành hoặc tham gia các hoạt động chuyên môn với thời gian phù hợp theo thỏa thuận trong Hợp đồng.
- b) Được cung cấp thông tin, kiểm tra về quá trình thực hành của người thực hành tại cơ sở thực hành.
- c) Chấm dứt Hợp đồng thực hành hoặc các biện pháp xử lý khác nếu cơ sở thực hành vi phạm các thỏa thuận ghi trong Hợp đồng (nếu có).
- d) Các quyền khác (nếu có).

Bên B có nghĩa vụ:

- a) Cung cấp cho Bên A thông tin của người thực hành; kế hoạch đào tạo thực hành của học phần/tín chỉ.



- b) Chi trả chi phí thực hành đầy đủ theo thỏa thuận với Bên A.
- c) Chịu trách nhiệm và xử lý vi phạm đối với người hướng dẫn thực hành của cơ sở mình tham gia hướng dẫn thực hành và hoạt động chuyên môn tại cơ sở thực hành.
- d) Các nghĩa vụ khác (nếu có).

Điều 5. Điều khoản thi hành

1. Hợp đồng này có hiệu lực kể từ ngày ký và sẽ hết hiệu lực khi kết thúc thời gian thực hành và các bên đã hoàn thành các nghĩa vụ của Hợp đồng.
2. Hai bên cam kết thực hiện đúng những điều khoản nêu trên, bên nào vi phạm bên đó phải chịu trách nhiệm trước pháp luật. Trong quá trình thực hiện Hợp đồng, nếu xảy ra tranh chấp thì hai bên cùng nhau thương lượng giải quyết, nếu không thống nhất thì đưa ra Tòa án để giải quyết.
3. Hợp đồng này làm thành 04 (bốn) bản có giá trị pháp lý như nhau, mỗi bên giữ (02) hai bản./.



Lê Minh Quang



Nguyễn Văn Khải

SỞ Y TẾ HẢI PHÒNG
BỆNH VIỆN PHỤ SẢN HẢI PHÒNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: 70 /2022/HĐTH-BVPSHP

Hải Phòng, ngày 18 tháng 5 năm 2022

**HỢP ĐỒNG NGUYÊN TẮC
VỀ ĐÀO TẠO THỰC HÀNH**

Căn cứ Bộ luật Dân sự số 91/2015/QH13 ngày 24 tháng 11 năm 2015 của Quốc hội
Nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;

Căn cứ Nghị định số 111/2017/NĐ-CP ngày 05 tháng 10 năm 2017 của Chính phủ
quy định về tổ chức đào tạo thực hành trong đào tạo khối ngành sức khỏe;

Căn cứ Bản công bố số 199 ngày 25 tháng 4 năm 2022 của Bệnh viện Phụ Sản Hải
Phòng công bố cơ sở KCB đáp ứng yêu cầu là cơ sở đào tạo thực hành trong đào tạo khối
ngành sức khỏe.

Hôm nay, ngày 18 tháng 5 năm 2022 tại Bệnh viện Phụ Sản Hải Phòng, chúng tôi
gồm:

BÊN A: BỆNH VIỆN PHỤ SẢN HẢI PHÒNG

Địa chỉ: 19 P. Trần Quang Khải, Hoàng Văn Thụ, Hồng Bàng, Hải Phòng

Điện thoại: 0225 3745 128

Đại diện là: Ông Vũ Văn Tâm

Chức vụ: Giám đốc Bệnh viện

BÊN B: TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y DƯỢC HẢI PHÒNG

Địa chỉ: Số 72A Nguyễn Bình Khiêm, Ngô Quyền, Hải Phòng

Điện thoại: 0225.3731907; Fax: 0225.3733315

Đại diện là: Ông Nguyễn Văn Khải

Chức vụ: Hiệu trưởng

Thỏa thuận ký kết hợp đồng đào tạo thực hành với những nội dung cơ bản sau đây:

Điều 1: Điều khoản chung.

1. Đối tượng thực hành:
 - 1.1. Chuyên khoa cấp II: Sản phụ khoa
 - 1.2. Chuyên khoa cấp I: Sản phụ khoa, Điều dưỡng.
 - 1.3. Bác sĩ nội trú: Sản phụ khoa.
 - 1.4. Thạc sĩ: Điều dưỡng.
2. Số lượng người thực hành (dự kiến): theo phụ lục hợp đồng hàng năm
3. Người hướng dẫn thực hành:
 - a) Người hướng dẫn thực hành của cơ sở thực hành: Số lượng theo thực tế sinh viên đi thực tập; Danh sách kèm theo từng đợt thực tập cụ thể (nếu cần)
 - b) Người hướng dẫn thực hành của cơ sở giáo dục: Số lượng theo thực tế sinh viên đi thực tập; Danh sách kèm theo từng đợt thực tập cụ thể (nếu cần)
4. Nội dung chuyên môn thực hành: các học phần thực hành theo chương trình đào tạo
5. Thời gian thực hành: từ ngày 01 tháng 6 năm 2022 đến ngày 01 tháng 1 năm 2026;
6. Địa điểm thực hành: Bệnh viện Phụ Sản Hải Phòng
7. Chi phí thực hành: theo thoả thuận
8. Thời hạn của Hợp đồng đào tạo thực hành: 05 năm
9. Chương trình thực hành chi tiết đã được phê duyệt (*kèm theo*)
10. Tên cơ sở thực hành đáp ứng khoản 2, Điều 10: Bệnh viện Phụ Sản Hải Phòng

Điều 2. Phương thức và thời hạn thanh toán chi phí thực hành (nếu có)

1. Phương thức thanh toán: Chuyển khoản hoặc tiền mặt (nếu có)
2. Thời hạn thanh toán: theo thoả thuận (nếu có)

Điều 3. Quyền và nghĩa vụ của Bên A***1. Bên A có quyền:***

- a) Bố trí, phân công người hướng dẫn thực hành để hướng dẫn người thực hành thực hành theo đúng các điều khoản ghi trong Hợp đồng.
- b) Chấm dứt Hợp đồng thực hành hoặc các biện pháp xử lý khác nếu cơ sở giáo dục vi phạm các thỏa thuận ghi trong Hợp đồng.
 - a) Thu chi phí thực hành theo thỏa thuận với Bên B.
 - b) Các quyền khác (nếu có)

2. Bên A có nghĩa vụ:

- a) Bảo đảm các điều kiện thuận lợi để người thực hành được thực hành theo đúng các

thỏa thuận ghi trong Hợp đồng.

b) Bảo đảm giảng dạy đúng nội dung chuyên môn thực hành, tiến độ thực hành đã được thống nhất trong kế hoạch đào tạo thực hành.

c) Bố trí người thực hành của cơ sở giáo dục tham gia các hoạt động chuyên môn với thời gian phù hợp và chi trả thù lao cho người thực hành theo quy chế chi tiêu nội bộ tại cơ sở.

d) Bảo đảm quyền lợi của người thực hành theo quy định của pháp luật (nếu có).

đ) Xác nhận kết quả thực hành của người thực hành theo quy định,

e) Chịu trách nhiệm về quá trình thực hành của người thực hành tại cơ sở.

g) Các nghĩa vụ khác (nếu có).

Điều 4. Quyền và nghĩa vụ của Bên B

Bên B có quyền:

a) Được đưa người thực hành của cơ sở mình đến cơ sở thực hành để hướng dẫn thực hành hoặc tham gia các hoạt động chuyên môn với thời gian phù hợp theo thỏa thuận trong Hợp đồng.

b) Được cung cấp thông tin, kiểm tra về quá trình thực hành của người thực hành tại cơ sở thực hành.

c) Chấm dứt Hợp đồng thực hành hoặc các biện pháp xử lý khác nếu cơ sở thực hành vi phạm các thỏa thuận ghi trong Hợp đồng (nếu có).

d) Các quyền khác (nếu có).

Bên B có nghĩa vụ:

a) Cung cấp cho Bên A thông tin của người thực hành; kế hoạch đào tạo thực hành của học phần/tín chỉ.

b) Chi trả chi phí thực hành đầy đủ theo thỏa thuận với Bên A.

c) Chịu trách nhiệm và xử lý vi phạm đối với người hướng dẫn thực hành của cơ sở mình tham gia hướng dẫn thực hành và hoạt động chuyên môn tại cơ sở thực hành.

d) Các nghĩa vụ khác (nếu có).

Điều 5. Điều khoản thi hành

1. Hợp đồng này có hiệu lực kể từ ngày ký và sẽ hết hiệu lực khi kết thúc thời gian thực hành và các bên đã hoàn thành các nghĩa vụ của Hợp đồng.

2. Hai bên cam kết thực hiện đúng những điều khoản nêu trên, bên nào vi phạm bên đó phải chịu trách nhiệm trước pháp luật. Trong quá trình thực hiện Hợp đồng, nếu xảy



ra tranh chấp thì hai bên cùng nhau thương lượng giải quyết, nếu không thống nhất thì đưa ra Toà án để giải quyết.

3. Hợp đồng này làm thành 04 bản có giá trị pháp lý như nhau, mỗi bên giữ hai bản./.

BÊN A



GIÁM ĐỐC
PGS.TS.BS Vũ Văn Lân

BÊN B



HIỆU TRƯỞNG
PGS. TS. Nguyễn Văn Khải



SỞ Y TẾ HẢI PHÒNG
BỆNH VIỆN TRẺ EM HẢI PHÒNG
Số 50/HDTH - BVTE

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc
Hải Phòng, ngày 30 tháng 7 năm 2019

HỢP ĐỒNG NGUYÊN TẮC VỀ ĐÀO TẠO THỰC HÀNH

Căn cứ Bộ luật Dân sự số 91/2015/QH13 ngày 24 tháng 11 năm 2015 của Quốc hội Nước cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;

Căn cứ Luật Giáo dục Đại học số 08/2012/QH13 của Quốc hội Nước cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam có hiệu lực thi hành ngày 01 tháng 01 năm 2013;

Căn cứ Nghị định số 111/2017/NĐ-CP ngày 05 tháng 10 năm 2017 của Chính phủ Nước cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam quy định về tổ chức đào tạo thực hành trong đào tạo khối ngành sức khỏe;

Căn cứ Quyết định số 28 /QĐ-UBHC ngày 09 tháng 01 năm 1975 của Ủy ban hành chính Thành phố Hải Phòng về việc thành lập Bệnh viện Trẻ em Hải Phòng;

Căn cứ Quyết định số 06/1999/QĐ-TTg ngày 25-01-1999 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập Trường Đại học Y Hải Phòng; Quyết định số 2153/QĐ-TTg ngày 11/11/2013 của Thủ tướng Chính phủ về việc đổi tên Trường Đại học Y Hải Phòng thành Trường Đại học Y Dược Hải Phòng;

Hôm nay, ngày 30 tháng 7 năm 2019 tại Bệnh viện Trẻ em Hải Phòng, chúng tôi gồm:

BÊN A: BỆNH VIỆN TRẺ EM HẢI PHÒNG

Đại diện: Ông Bùi Văn Chiến

Chức vụ: Giám đốc Bệnh viện

Địa chỉ: Phố Việt Đức, Phường Lãm Hà, Quận Kiến An, Thành phố Hải Phòng

Điện thoại: 0225.3.876.441



BÊN B: TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y DƯỢC HẢI PHÒNG

Đại diện: Ông Nguyễn Văn Khải

Chức vụ: Hiệu trưởng

Địa chỉ: Số 72A Nguyễn Bình Khiêm, Ngô Quyền, Hải Phòng

Điện thoại: 0225.3731907; Fax: 0225.3733315

Thỏa thuận ký kết hợp đồng nguyên tắc về đào tạo thực hành với những nội dung cơ bản sau đây:

Điều 1: Nội dung Hợp đồng đào tạo thực hành

1. Đối tượng đào tạo thực hành: Học viên, sinh viên của Bên B. Cụ thể gồm:
 - a) Bác sĩ đa khoa;
 - b) Cử nhân Điều dưỡng;
 - c) Bác sĩ Y học dự phòng;
 - d) Bác sĩ Y học cổ truyền;
 - e) Bác sĩ Răng Hàm Mặt;
 - f) Cử nhân Kỹ thuật y học;
 - g) Dược sĩ;
 - h) Bác sĩ chuyên khoa I chuyên ngành Nhi
 - i) Bác sĩ chuyên khoa II chuyên ngành: Nhi chung, Nhi Hô hấp, Nhi thận tiết niệu
 - j) Bác sĩ nội trú Nhi;
 - a) Cao học chuyên ngành Nhi;
 - b) Tiến sĩ chuyên ngành Nhi;
2. Số lượng học viên, sinh viên: Theo Hợp đồng chi tiết ký mỗi năm, mỗi khóa đào tạo với số lượng cụ thể của từng đối tượng đào tạo.
3. Người hướng dẫn thực hành:
 - a) Giảng viên thỉnh giảng (kiêm chức): Giảng viên thỉnh giảng là các cán bộ, bác sĩ của Bên A được Bên A cho phép và Bên B đồng ý để hướng dẫn thực hành tại các khoa lâm sàng cho sinh viên của Bên B (danh sách gửi kèm theo phụ lục của Hợp đồng chi tiết).
 - b) Cán bộ, giảng viên của Bên B: Là các cán bộ, giảng viên của Bên B, được Bên B cử đến Bên A để làm nhiệm vụ giảng dạy, quản lý sinh viên trong thời gian thực tập tại các khoa lâm sàng của Bên A (danh sách gửi kèm theo phụ lục của Hợp đồng chi tiết)
4. Nội dung chuyên môn thực hành: Do Bên B xây dựng mục tiêu, kế hoạch, nội dung chương trình thực hành lâm sàng chi tiết và gửi đến Bên A trước 03 tháng trước khi hai bên ký Hợp đồng chi tiết.

5. Thời gian thực hành: Chi tiết cho từng đối tượng, từng khóa học và sẽ được thể hiện cụ thể trong Hợp đồng chi tiết ký.
6. Địa điểm thực hành:
 - a) Các Khoa thuộc khối Lâm sàng;
 - b) Các Khoa thuộc khối Cận lâm sàng;
 - c) Khối Phòng ban: Phòng Điều dưỡng, Phòng Quản lý chất lượng bệnh viện;
7. Chi phí thực hành: gồm: chi phí quản lý đào tạo, hướng dẫn thực hành, giảng dạy lâm sàng, lương, giá sinh viên tại bệnh viện: cụ thể theo Hợp đồng chi tiết.
8. Thời hạn của Hợp đồng đào tạo thực hành: 05 năm kể từ ngày ký.
9. Chương trình thực hành đã được phê duyệt:
 - Chương trình đào tạo Tiến sĩ, Thạc sĩ, Bác sĩ chuyên khoa I, II và Bác sĩ nội trú chuyên ngành Nhi khoa.
 - Chương trình thực hành về chuyên ngành Nhi của các đối tượng Bác sĩ đa khoa, Bác sĩ Răng Hàm Mặt, Bác sĩ Y học cổ truyền, Bác sĩ Y học dự phòng, Cử nhân Điều dưỡng, Cử nhân Kỹ thuật y học, Dược sĩ.
10. Tên cơ sở thực hành: Bệnh viện Trẻ em Hải Phòng.

Điều 2: Chi phí đào tạo, phương thức và thời hạn thanh toán chi phí thực hành (nếu có)

1. Phương thức thanh toán: Chuyển khoản
2. Thời hạn thanh toán: thực hiện theo Hợp đồng chi tiết ký kết.
3. Chi phí đào tạo: Căn cứ vào biên bản nghiệm thu đào tạo thực hành từng đợt hoặc từng năm.

Điều 3: Quyền và nghĩa vụ của Bên A

1. Bên A có quyền:
 - a) Bố trí, phân công người hướng dẫn, quản lý sinh viên theo đúng các nội dung và kế hoạch được Bên B chuyển cho Bên A và được ghi trong Hợp đồng.
 - b) Được Bên B xác nhận thời gian, số giờ hướng dẫn đối với giảng viên thỉnh giảng là cán bộ của Bên A.
 - c) Chấm dứt Hợp đồng hoặc các biện pháp xử lý khác nếu Bên B vi phạm các thỏa thuận ghi trong Hợp đồng.
 - d) Thu chi phí đào tạo theo thỏa thuận với Bên B.

2. Bên A có nghĩa vụ:

- a) Bảo đảm các điều kiện thuận lợi để sinh viên được học tập lâm sàng theo đúng các thỏa thuận ghi trong Hợp đồng.
- b) Bảo đảm hướng dẫn đúng nội dung chuyên môn thực hành lâm sàng, tiến độ đã được thống nhất trong kế hoạch đào tạo thực hành lâm sàng.
- c) Bảo đảm quyền lợi của sinh viên theo quy định của pháp luật.
- d) Tham gia chấm thi và xác nhận kết quả thi của sinh viên theo quy định; Quản lý sinh viên trong thời gian học tập tại các cơ sở của Bên A
- e) Đồng chịu trách nhiệm về quá trình học tập của sinh viên, học viên tại cơ sở.
- f) Bố trí giảng viên của Bên B tham gia các hoạt động chuyên môn với thời gian phù hợp và chi trả thù lao cho giảng viên tham gia chuyên môn theo quy chế chi tiêu nội bộ và tình hình thực tế của Bên B.

Điều 4: Quyền và nghĩa vụ của Bên B**1. Bên B có quyền:**

- a) Được cử cán bộ, giảng viên của Bên B đến Bên A để hướng dẫn, quản lý sinh viên hoặc tham gia các hoạt động chuyên môn với thời gian phù hợp theo thỏa thuận trong Hợp đồng.
- b) Được cung cấp thông tin, kiểm tra về quá trình học tập của sinh viên, học viên tại Bên A.
- c) Chấm dứt hợp đồng hoặc các biện pháp xử lý khác nếu Bên A vi phạm các thỏa thuận ghi trong Hợp đồng.

3. Bên B có nghĩa vụ:

- a) Cung cấp cho Bên A thông tin của sinh viên; mục tiêu, kế hoạch, nội dung chương trình đào tạo học phần thực tập lâm sàng của từng đối tượng đào tạo.
- b) Chi trả chi phí đào tạo và các chi phí khác liên quan đầy đủ theo thỏa thuận trong hợp đồng với Bên A.
- c) Chịu trách nhiệm và xử lý vi phạm đối với cán bộ, giảng viên, sinh viên của cơ sở mình tham gia hoạt động chuyên môn tại Bên A.
- d) Có trách nhiệm thanh toán tiền giờ giảng, hỏi thi cho các giảng viên của Bên A tham gia giảng dạy thực hành lâm sàng cho Bên B.

Điều 5: Điều khoản thi hành

1. Hợp đồng này có hiệu lực kể từ ngày ký và có giá trị trong thời hạn 05 năm.

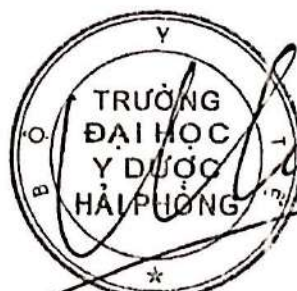
2. Hàng năm và theo từng khóa học, hai bên sẽ ký Hợp đồng chi tiết về đào tạo thực hành trên cơ sở các điều khoản trong hợp đồng nguyên tắc.
3. Hai bên sẽ tổng kết và đánh giá kết quả thực hiện hợp đồng, rút kinh nghiệm theo hàng năm để xây dựng kế hoạch đào tạo cho năm tiếp theo.
4. Hai bên cam kết thực hiện đúng những điều khoản ghi trong Hợp đồng, bên nào vi phạm bên đó phải chịu trách nhiệm trước pháp luật. Trong quá trình thực hiện hợp đồng nếu có vấn đề phát sinh thì hai bên cùng bàn bạc giải quyết. Mọi sự thay đổi chỉ có giá trị khi hai bên ký kết bằng văn bản. Nếu trường hợp một trong hai bên muốn chấm dứt hợp đồng thì phải thông báo cho bên kia biết trước 03 tháng.
5. Hợp đồng này làm thành 04 bản có giá trị pháp lý như nhau, mỗi bên giữ 02 bản.

ĐẠI DIỆN BÊN A
GIÁM ĐỐC



Bùi Văn Chiến

ĐẠI DIỆN BÊN B
HIỆU TRƯỞNG



Nguyễn Văn Khải



SỞ Y TẾ HẢI PHÒNG
BỆNH VIỆN TRẺ EM HẢI PHÒNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: *30* /PLHD-BVTEHP

Hải Phòng, ngày *12* tháng *5* năm 2022

PHỤ LỤC HỢP ĐỒNG NGUYÊN TẮC VỀ ĐÀO TẠO THỰC HÀNH

Chúng tôi, một bên là Ông: **Bùi Văn Chiến**; Quốc tịch: Việt Nam

Chức vụ: Giám đốc

Đại diện cho (1): Bệnh Viện Trẻ Em Hải Phòng

Điện thoại: 0225.3876441

Địa chỉ: Đường Trường Chinh, Phường Lãm Hà, Kiến An, Hải Phòng

Và một bên là Ông: **Nguyễn Văn Khải**; Quốc tịch: Việt Nam

Chức vụ: Hiệu trưởng

Đại diện cho (1): Trường Đại Học Y Dược Hải Phòng

Điện thoại: 0225.3731907

Địa chỉ: Số 72A Nguyễn Bình Khiêm, Ngô Quyền, Hải Phòng

Căn cứ Hợp đồng nguyên tắc về đào tạo thực hành số 50a/HDTH-BVTE ngày 30/7/2019 của Bệnh viện Trẻ em Hải Phòng và Trường Đại Học Y Dược Hải Phòng và căn cứ trên tình hình thực tế về công tác đào tạo, hai bên cùng nhau thỏa thuận bổ sung nội dung của hợp đồng mà hai bên đã ký kết như sau:

1. Nội dung bổ sung: Bổ sung thêm đối tượng đào tạo tại Khoản 1. Điều 1 như sau:

- Nghiên cứu sinh: Nhi Khoa
- Thạc sĩ: Điều Dưỡng; Răng Hàm Mặt
- Chuyên khoa cấp I: Điều Dưỡng
- Bác sĩ nội trú: Răng Hàm Mặt

2. Thời gian thực hiện: Từ 01/06/2022

Phụ lục này là bộ phận của hợp đồng lao động số 50a/HDTH-BVTE ngày 30/07/2019, được làm thành sáu bản có giá trị như nhau, mỗi bên giữ ba bản và là cơ sở để giải quyết khi có các vấn đề phát sinh.

BỆNH VIỆN TRẺ EM HẢI PHÒNG

TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y DƯỢC HẢI PHÒNG



GIÁM ĐỐC

PGS.TS *Bùi Văn Chiến*



HIỆU TRƯỞNG

PGS. TS. *Nguyễn Văn Khải*

III. Thẩm định chương trình đào tạo và điều kiện đảm bảo chất lượng

BỘ Y TẾ
TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y DƯỢC
HẢI PHÒNG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 1499/QĐ-YDHP

Hải Phòng, ngày 26 tháng 08 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH
Về việc thành lập Hội đồng thẩm định
ngành Răng Hàm Mặt và ngành Điều dưỡng

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y DƯỢC HẢI PHÒNG

Căn cứ Quyết định số 06/1999/QĐ-TTg ngày 25/01/1999 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập Trường Đại học Y Hải Phòng;

Căn cứ Quyết định số 2153/QĐ-TTg ngày 11/11/2013 của Thủ tướng Chính phủ về việc đổi tên Trường Đại học Y Hải Phòng thành Trường Đại học Y Dược Hải Phòng;

Căn cứ Thông tư 17/2021/TT-BGDĐT ngày 22/6/2021 của Bộ Giáo dục và Đào tạo Quy định về chuẩn chương trình đào tạo; xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học;

Căn cứ Thông tư 02/2022/TT-BGDĐT ngày 18/01/2022 của Bộ Giáo dục và Đào tạo Quy định điều kiện, trình tự, thủ tục mở ngành đào tạo, đình chỉ hoạt động của ngành đào tạo trình độ đại học, thạc sĩ, tiến sĩ;

Căn cứ quyết định số 1359/QĐ-YDHP ngày 15/10/2021 của Hiệu trưởng Trường Đại học Y Dược Hải Phòng về việc Quy định xây dựng, phát triển, thẩm định và ban hành Chương trình đào tạo của Trường Đại học Y Dược Hải Phòng;

Căn cứ nhu cầu công tác và năng lực cán bộ, viên chức;

Xét đề nghị của ông Trưởng phòng: Tổ chức cán bộ và Quản lý Đào tạo Sau đại học.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Thành lập Hội đồng thẩm định ngành Răng Hàm Mặt và ngành Điều dưỡng của Trường Đại học Y Dược Hải Phòng gồm các ông bà có tên sau:

(Có danh sách kèm theo)

Điều 2. Hội đồng thẩm định hoạt động theo sự chỉ đạo của ông Chủ tịch Hội đồng và các quy định của nhà nước.

Điều 3. Các ông (bà) Trưởng phòng: Tổ chức cán bộ, Tài chính kế toán, Quản lý Đào tạo Sau đại học và các ông, bà có tên trong Điều 1 căn cứ quyết định thi hành.

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- Lưu VT, TCCB.

HIỆU TRƯỞNG 
PGS. TS. Nguyễn Văn Khải

BỘ Y TẾ
TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y DƯỢC
HẢI PHÒNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH HỘI ĐỒNG THẨM ĐỊNH
NGÀNH RĂNG HÀM MẶT VÀ NGÀNH ĐIỀU DƯỠNG
(Ban hành kèm theo Quyết định số 1499/QĐ-YDHP ngày 26 tháng 09 năm 2022)

I. Danh sách thẩm định ngành Răng Hàm Mặt:

TT	Họ và tên	Đơn vị công tác	Nhiệm vụ
1.	GS.TS. Trịnh Đình Hải	Chủ tịch hội Răng Hàm Mặt Việt Nam, Nguyên Giám đốc Bệnh viện Răng Hàm Mặt Trung ương Hà Nội	Chủ tịch HĐ
2.	PGS.TS. Tống Minh Sơn	Viện Trưởng Viện Đào tạo Răng Hàm Mặt, Trường Đại học Y Hà Nội	Phản biện 1
3.	TS. Lê Hưng	Phó trưởng Bộ môn Răng Hàm Mặt Trường Bộ môn Phục Hình, Trường Đại học Y Dược, Đại học Quốc gia Hà Nội	Phản biện 2
4.	PGS.TS. Nguyễn Xuân Thục	Phó trưởng Khoa Răng Hàm Mặt, Bệnh viện Bạch Mai	Ủy viên
5.	TS. Nguyễn Thanh Hải	Phòng Quản lý Đào tạo Sau đại học	Ủy viên kiêm thư ký

II. Danh sách thẩm định ngành Điều dưỡng:

TT	Họ và tên	Đơn vị công tác	Nhiệm vụ
1.	TS. Trương Quang Trung	Phó Trưởng khoa Điều dưỡng, Trường Đại học Y Hà Nội	Chủ tịch HĐ
2.	TS. Nguyễn Thị Minh Chính	Giám đốc trung tâm thực hành tiền lâm sàng, Phó trưởng phụ trách Phòng Quản lý Đào tạo Sau đại học Trường Đại học Điều dưỡng Nam Định	Phản biện 1
3.	TS. Phạm Thị Thu Hương	Trưởng khoa Điều dưỡng Trường Đại học Phenika	Phản biện 2
4.	ThS. Vũ Thị Hoa	Trưởng Phòng Điều dưỡng Bệnh viện Phổi Hải Phòng	Ủy viên
5.	TS. Nguyễn Thanh Hải	Phòng Quản lý Đào tạo Sau đại học	Ủy viên kiêm thư ký

HIỆU TRƯỞNG



HIỆU TRƯỞNG
PGS. TS. Nguyễn Văn Khải

BỘ Y TẾ
TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y DƯỢC
HẢI PHÒNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

BIÊN BẢN HỌP HỘI ĐỒNG THẨM ĐỊNH
CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO VÀ ĐIỀU KIỆN ĐẢM BẢO CHẤT LƯỢNG
TRÌNH ĐỘ THẠC SĨ
Ngành: Điều dưỡng
Mã số: 8720301

Căn cứ Nghị quyết số 45/NQ-HĐT-YDHP ngày 20 tháng 4 năm 2022 của Chủ tịch Hội đồng trường Trường Đại học Y Dược Hải Phòng về việc thông qua Báo cáo kết quả thực hiện Nghị quyết Quý I năm 2022 của Trường Đại học Y Dược Hải Phòng, trong đó có thông qua chủ trương mở mới ngành Răng Hàm Mặt và Điều dưỡng trình độ thạc sĩ;

Căn cứ Quyết định số 831/QĐ-YDHP ngày 10 tháng 5 năm 2022 của Hiệu trưởng Trường Đại học Y Dược Hải Phòng về việc thành lập Hội đồng xây dựng chương trình và đảm bảo chất lượng chương trình thạc sĩ ngành Điều dưỡng;

Căn cứ Quyết định số 1499/QĐ-YDHP ngày 26 tháng 8 năm 2022 của Hiệu trưởng Trường Đại học Y Dược Hải Phòng về việc thành lập Hội đồng thẩm định Chương trình đào tạo ngành Răng Hàm Mặt và ngành Điều dưỡng, trình độ thạc sĩ;

Hôm nay, ngày 8 tháng 9 năm 2022, tại Trường Đại học Y Dược Hải Phòng, Hội đồng thẩm định chương trình đào tạo và các điều kiện đảm bảo chất lượng thực tế chương trình **Điều dưỡng**, trình độ **thạc sĩ**, tiến hành thẩm định với 5 thành viên theo Quyết định gồm:

- | | |
|------------------------------|-------------------|
| 1. TS. Trương Quang Trung | Chủ tịch hội đồng |
| 2. TS. Nguyễn Thị Minh Chính | Phản biện 1 |
| 3. TS. Phạm Thị Thu Hương | Phản biện 2 |
| 4. ThS. Vũ Thị Hoa | Ủy viên |
| 5. TS. Nguyễn Thanh Hải | Ủy viên thư ký |

TS. Trương Quang Trung – Chủ tịch hội đồng điều hành buổi thẩm định chương trình đào tạo và các điều kiện đảm bảo chất lượng trình độ thạc sĩ, ngành Điều dưỡng.

NỘI DUNG BUỔI THẨM ĐỊNH

1. Đại diện cơ sở đào tạo đề nghị thẩm định chương trình đào tạo:

Đại diện cơ sở đào tạo trình bày tóm tắt về chương trình đào tạo và các điều kiện đảm bảo chất lượng trình độ thạc sĩ, ngành Điều dưỡng trong thời gian 10 phút gồm các vấn đề: Căn cứ để xây dựng chương trình đào tạo, mục tiêu chương trình đào tạo, đối tượng dự thi, cấu trúc chương trình đào tạo, các khối kiến thức trong chương trình, thời lượng và phân bổ chương trình đào tạo, đề cương chi tiết học phần và các điều kiện đảm bảo chất lượng thực tế, thực hiện chương trình đào tạo, chuẩn đầu ra.

2. Hai thành viên phản biện của Hội đồng đọc nhận xét và các thành viên của Hội đồng đặt câu hỏi và nhận xét:

TS. Phạm Thị Thu Hương

- Thạc sĩ Y học → sửa lại thạc sĩ điều dưỡng
- Trang 9: căn cứ vào thông tư 17 quy định chuẩn chương trình đào tạo, thông tư 02/2022 và nghị định 111 triển khai các học phần lâm sàng → bổ sung thêm vào căn cứ
- Tuyển sinh: điều kiện cho các đối tượng không thuộc khối ngành sức khỏe, làm rõ phạm vi cụ thể, học bổ sung thể nào cho rõ ràng
- Mở rộng thêm các lĩnh vực điều dưỡng khác
- Quy mô tuyển sinh: 10-15 học viên → cân nhắc mở rộng hơn không do nhu cầu cao
- Kết hợp thi tuyển và xét tuyển
- Khung chương trình đào tạo: nếu định hướng nghiên cứu thì cần điều chỉnh số lượng tín chỉ tối thiểu cho luận văn, và các tín chỉ các khối kiến thức khác cũng điều chỉnh lại
- Toán tin ứng dụng → cân nhắc đổi lại thống kê y học
- Trang 25: cân nhắc điều chỉnh lại 1 số chuẩn đầu ra đáp ứng cho người học
- Học phần: cân nhắc điều kiện học tiên quyết, học phần học trước cho thuận lợi hơn
- Làm rõ các tỉ lệ, trọng số cấu phần lượng giá: ví dụ toán tin ứng dụng, ngoại ngữ....
- Một số chuẩn đầu ra các học phần cần tuân theo nguyên tắc, bắt đầu bằng các động từ

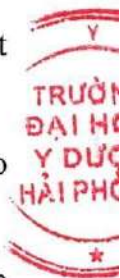
- Bổ sung minh chứng chứng chỉ hành nghề, bảng thông tin với các thầy cô đứng ra mở mã ngành... đáp ứng yêu cầu của Thông tư quy định

Kết luận: Đồng ý thông qua đề án sau khi bổ sung góp ý chỉnh sửa của Hội đồng

TS. Nguyễn Thị Minh Chính

Một số góp ý:

- Cần bám vào khung trình độ quốc gia bậc 7 về kiến thức, thực hành và mức tự chủ và trách nhiệm
- Trang 5: cách viết đang bị lỏng ghép giữa bậc 6 và bậc 7 → xem lại dựa vào khung trình độ quốc gia Việt Nam
- Tham khảo chuẩn năng lực cơ bản điều dưỡng → gắn với các hoạt động nghề nghiệp của người điều dưỡng sau khi ra trường → điều chỉnh lại các chuẩn đầu ra
- Căn cứ thông tư liên tịch 26 về chuẩn chức danh điều dưỡng
- Chưa có đào tạo chuyên ngành, mà chỉ có ngành điều dưỡng, cần thống nhất "chuyên ngành" và "ngành" điều dưỡng
- Cần chỉ rõ theo hướng nghiên cứu hay ứng dụng, và định hướng rõ ràng theo hướng đó
- Chương trình đào tạo: xem lại tính logic từ phần đặt vấn đề cho đến chương trình đào tạo (chia theo các chuyên khoa sẽ hiểu nhiều theo hướng ứng dụng nhiều hơn)
- Có 1 số chuẩn đầu ra vẫn chưa ở bậc 7, chưa bao trùm nhiệm vụ, chức năng của người điều dưỡng sau khi học xong: ví dụ chuẩn đầu ra thứ 5 không phải ở trình độ bậc 7 (hạng 2 của người điều dưỡng) ... → cần xem lại
- Ngoại ngữ: chuẩn đầu ra là B2 → sử dụng được ngoại ngữ trong các hoạt động chuyên môn
- Mục tiêu cần gắn với chuẩn đầu ra, cần nhắc sửa lại cho hợp lý
- Đối tượng tuyển sinh: xem lại thuộc khối ngành sức khỏe, cử tốt nghiệp bằng khá trở lên là được thi tuyển luôn
- Điều kiện tốt nghiệp: bám sát thông tư 23, mở rộng các lĩnh vực của luận văn
- Đề cương chi tiết học phần: xem xét tính phù hợp. Ví dụ học phần học thuyết điều dưỡng đang đề là 3 TC (1LT và 2TH) không logic giữa tên học phần và phân bố TC lý thuyết và thực hành, hoặc môn quản lý và chính sách y tế, thực



hành điều dưỡng nâng cao (không phải là kỹ thuật mà là học thuật), các môn khác xếp lại theo các module sẽ hợp lý hơn

- Chưa hợp lý trong ma trận tích hợp
- Viết chín chu và đầy đủ hơn trong quyền đề án mở mã ngành
- Tổng tín chỉ đề xuất 60 theo quy định khung trình độ quốc gia bậc 7
- Luận văn của chương trình nghiên cứu từ 12 đến 15 TC → cần nâng lên
- Đánh giá lâm sàng tự luận và MCQ là không hợp lý, cần chỉnh sửa và bổ sung thêm

Kết luận: Đồng ý thông qua đề án sau khi bổ sung góp ý chỉnh sửa của Hội đồng.

ThS. Vũ Thị Hoa

- Đề án chi tiết, cụ thể, khả thi cao, phù hợp nhu cầu của học viên và các cơ sở khám chữa bệnh

Kết luận: Đồng ý thông qua đề án sau khi bổ sung góp ý chỉnh sửa của Hội đồng

TS. Nguyễn Thanh Hải

- Bổ sung các nội dung sau vào trong quyền đề án: minh chứng chứng chỉ hành nghề, làm rõ hơn về định hướng nghiên cứu, các phương pháp lượng giá chung cho người học, phân bổ lại các khối kiến thức chuyên ngành và tự chọn.

Kết luận: Đồng ý thông qua đề án sau khi bổ sung góp ý chỉnh sửa của Hội đồng

TS. Trương Quang Trung

- Tính pháp lý: thiếu nghị quyết 20/2017 của Trung Ương, bổ sung luật khám chữa bệnh, Thông tư 31/2021 ngày 28/12 liên quan đến hoạt động điều dưỡng trong bệnh viện, Nghị Quyết 23 của Quốc Hội hỗ trợ phát triển kinh tế, Dự thảo Đề án phát triển ngành điều dưỡng
- Khảo sát nhu cầu: cần trình bày lại cách tiếp cận, cách viết và trình bày kết quả khảo sát.
- Làm rõ định hướng nghiên cứu trong quyền đề án
- Giới thiệu về khoa: nên sơ đồ hóa lại, cấu trúc rõ ràng hơn
- Địa điểm thực hành thiếu minh chứng theo nghị định 111
- Minh chứng về chứng chỉ hành nghề và phương pháp sư phạm, với giảng viên kiêm nhiệm cũng cần bổ sung phương pháp giảng dạy lâm sàng
- Có 1 số người là ThS, cần làm rõ hơn vai trò trong chương trình đào tạo, giảng viên chính là ThS cần xem lại có được giảng không?
- Quy mô đào tạo cần tăng lên

- Trang 8: Bắt đầu đào tạo từ 2005 nhưng lại theo quyết định năm 2009
- Bổ sung các minh chứng về các đề tài trong lĩnh vực nào trong 2 năm gần đây
- Minh chứng về chứng chỉ hành nghề cần bổ sung
- Giáo trình tham khảo: khiêm tốn và cũ → đề xuất bổ sung và cập nhật TLTK nước ngoài, ví dụ zlibrary, uptodate
- Cơ sở thực hành: mô hình thiết bị đã được đầu tư từ lâu rồi, mở rộng thêm các nguồn khác về trang thiết bị
- Phụ lục minh chứng về các hợp đồng nguyên tắc
- Đề cập đến trang web của trường, chỉ dẫn cụ thể cách truy cập
- CTĐT định hướng nghiên cứu, tuy nhiên vẫn còn nhiều nội dung nghiêng nhiều về định hướng ứng dụng, ngoài ra cần đối sánh ngang và dọc của chương trình đào tạo
- Thay đổi toán tin ứng dụng bằng thống kê y học
- Đề cương của học viên thì nằm ở môn nào → đề xuất nằm trong môn PPNCKH và lấy điểm luôn
- Trích dẫn tài liệu: đề xuất đưa vào chương trình
- Chuẩn đầu ra thiếu đối sánh năng lực chuẩn của Việt Nam → thêm ma trận đáp ứng
- Khối lượng học tập: gợi ý tăng thời lượng của luận văn (22-25%)
- Phương pháp giảng dạy: cần bổ sung các phương pháp tích cực hơn ngoài phương pháp truyền thống
- Ngoại ngữ chuyên ngành: cần xem lại cho phù hợp

Kết luận: Đồng ý thông qua đề án nhưng cần bổ sung, chỉnh sửa theo góp ý về minh chứng, cách trình bày và nội dung theo hướng dẫn của thông tư 17/2021 và 02/2022 của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

3. Đại diện cơ sở đào tạo có chương trình thẩm định trả lời và giải thích.

PGS.TS. Thái Lan Anh

- Chúng tôi trân trọng cảm ơn ý kiến đóng góp của các thầy trong Hội đồng thẩm định, Khoa cùng với Phòng Quản lý Đào tạo Sau đại học chỉnh sửa cuốn đề án theo ý kiến của các thầy trong Hội đồng để trình Bộ sớm nhất.

4. Hội đồng đã họp riêng để thảo luận, tiến hành bỏ phiếu kín (phiếu thẩm định) và thông qua kết luận.

KẾT LUẬN CHUNG

Kết quả: Tổng số phiếu đạt yêu cầu: 05/05 phiếu.

- Chương trình đào tạo trình độ thạc sĩ ngành Điều dưỡng của Trường Đại học Y Dược Hải Phòng đạt yêu cầu, Trường cần hoàn thiện bổ sung theo các góp ý của các thành viên Hội đồng thẩm định nêu trên.

- Căn cứ vào các điều kiện đảm bảo chất lượng thực tế: đội ngũ giảng viên cơ hữu, cơ sở vật chất phục vụ cho đào tạo: Phòng học, giảng đường, phòng thí nghiệm, cơ sở thực hành, trang thiết bị phục vụ cho đào tạo, thư viện, mạng công nghệ thông tin. Trường Đại học Y Dược Hải Phòng đáp ứng được yêu cầu đảm bảo chất lượng thực tế và đủ điều kiện mở mã ngành đào tạo Điều dưỡng trình độ thạc sĩ.

Hải Phòng, ngày 08 tháng 09 năm 2022

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG

(Ký, ghi rõ họ tên)



ỦY VIÊN THƯ KÝ

(Ký, ghi rõ họ tên)

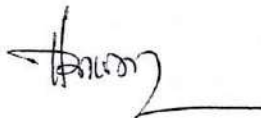


Nguyễn Thanh Hải

Xác nhận của các thành viên trong Hội đồng



TS. Nguyễn Thị Minh Chính



TS. Phạm Thị Thu Hương



ThS. Vũ Thị Hoa

**XÁC NHẬN
CỦA CƠ SỞ ĐÀO TẠO**



*** PHÓ HIỆU TRƯỞNG**

PGS. TS. *Phạm Văn Linh*

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hải Phòng, ngày 12 tháng 9 năm 2022

BIÊN BẢN GIẢI TRÌNH
VIỆC TIẾP THU Ý KIẾN CỦA HỘI ĐỒNG THẨM ĐỊNH
CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO VÀ CÁC ĐIỀU KIỆN ĐẢM BẢO
CHẤT LƯỢNG THỰC TẾ TRÌNH ĐỘ THẠC SĨ NGÀNH ĐIỀU DƯỠNG
TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y DƯỢC HẢI PHÒNG

Căn cứ biên bản thẩm định chương trình đào tạo ngành Điều dưỡng, trình độ thạc sĩ. Khoa Điều dưỡng và Phòng Quản lý Đào tạo Sau đại học đã bổ sung và hoàn thiện những nội dung sau đây:

1. Bổ sung thông tư 17/ 2021/TT-BGDĐT ngày 22/06/2021 của Bộ Giáo dục và đào tạo Quy định về chuẩn chương trình đào tạo; xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học; Nghị định 111/2017/NĐ-CP ngày 05/10/2017 của chính phủ Quy định về tổ chức đào tạo thực hành trong đào tạo khối ngành sức khỏe; Thông tư 02/2022/TT-BGDĐT ngày 18/01/2022 của Bộ giáo dục đào tạo Quy định điều kiện, trình tự, thủ tục mở mã ngành đào tạo, đình chỉ hoạt động của ngành đào tạo trình độ đại học, thạc sĩ, tiến sĩ; Quyết định Phê duyệt khung trình độ quốc gia Việt Nam của Thủ tướng chính phủ số 1982/QĐ-TTg ngày 18/10/2016; Thông tư 31/2011/TT-BYT ngày 28 tháng 12 năm 2021 của Bộ Y tế Quy định hoạt động Điều dưỡng trong bệnh viện. Thông tư 23/2021/TT-BGDĐT ban hành ngày 31/08/2021, Bộ GD&ĐT về Quy chế tuyển sinh và đào tạo trình độ thạc sĩ.

2. Sửa lại chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo, điều chỉnh số tín chỉ trong khung chương trình để phù hợp với định hướng nghiên cứu.

3. Đã chỉnh sửa đối tượng và quy mô tuyển sinh theo ý kiến của phản biện. Mục tiêu cụ thể đã được chỉnh sửa lại cho hợp lý gắn với chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo.

4. Tăng thời lượng cho các môn chuyên ngành, giảm thời lượng của các học phần tự chọn.

5. Chương trình thực hành: tại trường, tại cơ sở y tế/bệnh viện tuân theo quy định tại Nghị định 111/2017/NĐ-CP.

6. Điều kiện tốt nghiệp đã được chỉnh sửa, theo hướng mở rộng các lĩnh vực của luận văn, đã bổ sung lĩnh vực quản lý và đào tạo (theo thông tư 23/2021)

7. Bổ sung bảng đối sánh chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo với khung trình độ Quốc gia Việt Nam (bậc 7) và khung năng lực Điều dưỡng của Asean.

8. Về các học phần: đã bổ sung phương pháp giảng dạy tích cực hơn ngoài phương pháp giảng dạy truyền thống, cập nhật tài liệu tham khảo, giáo trình giảng dạy.

Các phần nêu trên đã được hoàn thiện đầy đủ trong phần đề án về nhu cầu đào tạo, điều kiện tuyển sinh, và các nội dung khác trong chương trình đào tạo ngành Điều dưỡng, trình độ thạc sĩ.

Các thành viên sau đây đã đối chiếu và cùng xác nhận sự hoàn thiện hồ sơ nêu trên.

Khoa Điều dưỡng

Ủy viên thư ký




ThS. Phạm Thị Thư

TS. Nguyễn Thanh Hải

Chủ tịch Hội đồng



TS. Trương Quang Trung

XÁC NHẬN CỦA CƠ SỞ ĐÀO TẠO



PHÓ HIỆU TRƯỞNG

PGS. TS. Phạm Văn Linh

BỘ Y TẾ
TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y DƯỢC
HẢI PHÒNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hải Phòng, ngày 14 tháng 9 năm 2022

Số: 1621/QĐ- YDHP

QUYẾT ĐỊNH
Về việc ban hành chuẩn đầu ra
đào tạo trình độ thạc sĩ ngành Điều dưỡng

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y DƯỢC HẢI PHÒNG

Căn cứ quyết định số 06/QĐ-TTg ngày 25/01/1999 của Thủ tướng chính phủ về việc thành lập Trường Đại học Y Hải Phòng;

Căn cứ quyết định số 2153/QĐ-TTg ngày 11/11/2013 của Thủ tướng chính phủ về việc đổi tên Trường Đại học Y Hải Phòng thành Trường Đại học Y Dược Hải Phòng;

Căn cứ Thông tư 17/2021/TT – BGDDT ngày 22/6/2021 của Bộ Trưởng Bộ Giáo dục & Đào tạo quy định về chuẩn chương trình đào tạo; xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học;

Căn cứ Thông tư 23/2021/TT – BGDDT ngày 30/8/2021 của Bộ Trưởng Bộ Giáo dục & Đào tạo ban hành Quy chế tuyển sinh và đào tạo trình độ thạc sĩ;

Căn cứ Thông tư 02/2022/TT – BGDDT ngày 18/01/2022 của Bộ Trưởng Bộ Giáo dục & Đào tạo quy định điều kiện, trình tự, thủ tục mở ngành hoặc chuyên ngành phép đào tạo, đình chỉ hoạt động của ngành đào tạo trình độ đại học, thạc sĩ, tiến sĩ;

Căn cứ quyết định số 1499/QĐ-TTg ngày 15/10/2021 của Trường Đại học Y Hải Phòng về việc quy định xây dựng, phát triển, thẩm định và ban hành chương trình đào tạo của Trường Đại học Y Dược Hải Phòng;

Theo đề nghị của Ông: Trưởng phòng Quản lý đào tạo Sau đại học, Trưởng khoa Điều dưỡng.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định chuẩn đầu ra đào tạo trình độ thạc sĩ Ngành Điều dưỡng của Trường Đại học Y Dược Hải Phòng.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Các Ông (Bà) Trưởng phòng: Quản lý đào tạo Sau đại học, Tài chính kế toán, các Khoa/Bộ môn liên quan chịu thi hành quyết định này.

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- Lưu QLĐTSDH; VT.

HIỆU TRƯỞNG



HIỆU TRƯỞNG

PGS. TS. Nguyễn Văn Khải

QUY ĐỊNH CHUẨN ĐẦU RA
ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ THẠC SĨ NGÀNH ĐIỀU DƯỠNG
(Ban hành kèm theo Quyết định số 16/2022/QĐ-ĐHYD ngày 14 tháng 7 năm 2022)

1. **PLO1.** Áp dụng được các nguyên lý chăm sóc và quy trình điều dưỡng trong nhận định tình trạng người bệnh, chẩn đoán điều dưỡng, lập và thực hiện kế hoạch chăm sóc, can thiệp điều dưỡng và sử dụng thuốc đảm bảo an toàn, hiệu quả.
2. **PLO2.** Phân tích được các kiến thức về thống kê, nghiên cứu khoa học và y học để thực hiện được một hoạt động nghiên cứu Điều dưỡng.
3. **PLO3.** Vận dụng được các nguyên tắc của hệ thống tổ chức Điều dưỡng Việt Nam vào công tác quản lý tại đơn vị.
4. **PLO4.** Thực hiện thành thạo các kỹ thuật Điều dưỡng theo quy trình, quy tắc an toàn và kiểm soát nhiễm khuẩn trong chăm sóc sức khỏe.
5. **PLO5.** Phát hiện sớm được các biến cố bất thường và ra các quyết định xử trí người bệnh theo các chuyên khoa thuộc lĩnh vực Điều dưỡng.
6. **PLO6.** Tổ chức và thực hiện quản lý chăm sóc người bệnh an toàn khi điều trị nội trú, ngoại trú.
7. **PLO7.** Tổ chức biên soạn tài liệu giáo dục sức khỏe và tổ chức thực hiện tư vấn truyền thông giáo dục sức khỏe cho người bệnh, gia đình người bệnh phù hợp và hiệu quả.
8. **PLO8.** Thực hiện được các kỹ năng lãnh đạo, tổ chức và ra quyết định quan trọng, kỹ năng giao tiếp ứng xử, kỹ năng xây dựng mối quan hệ làm việc hiệu quả để thúc đẩy chăm sóc bệnh nhân chất lượng cao và an toàn.
9. **PLO9.** Sử dụng công nghệ thành thạo trong lĩnh vực học thuật và thực hành nghề nghiệp.
10. **PLO10.** Áp dụng được trình độ ngoại ngữ bậc 4/6 theo khung năng lực ngoại ngữ dùng cho Việt Nam trong giao tiếp, đọc dịch tài liệu chuyên ngành Điều dưỡng.
11. **PLO11.** Tuân thủ theo quy định của pháp luật và đạo đức nghề nghiệp
12. **PLO12.** Hướng dẫn được người khác thực hiện nhiệm vụ chăm sóc người bệnh, quản lý trong các công tác chuyên môn.



HIỆU TRƯỞNG

HIỆU TRƯỞNG

PGS. TS. Nguyễn Văn Khải

**BỘ Y TẾ
TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y DƯỢC
HẢI PHÒNG**

Số: 1623/QĐ-YDHP

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập- Tự Do- Hạnh Phúc**

Hải Phòng, ngày 20 tháng 9 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Chương trình đào tạo trình độ thạc sĩ ngành Điều dưỡng

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y DƯỢC HẢI PHÒNG

Căn cứ Quyết định số 06/1999/QĐ-TTg ngày 25/01/1999 của Thủ tướng chính phủ về việc thành lập Trường Đại học Y Hải Phòng;

Căn cứ quyết định số 2153/QĐ-TTg ngày 11/11/2013 của Thủ tướng chính phủ về việc đổi tên Trường Đại học Y Hải Phòng thành Trường Đại học Y Dược Hải Phòng;

Căn cứ Thông tư số 17/2021/TT – BGDDT ngày 22 tháng 6 năm 2021 của Bộ Trưởng Bộ Giáo dục & Đào tạo Quy định về chuẩn chương trình đào tạo; xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình đào tạo trình độ của giáo dục đại học;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT- BGDDT ngày 18/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục & Đào tạo Quy định điều kiện, trình tự, thủ tục mở mã ngành đào tạo, đình chỉ hoạt động của ngành đào tạo trình độ đại học, thạc sĩ, tiến sĩ;

Căn cứ quyết định số 1359/QĐ-TTg ngày 15/10/2021 của Trường Đại học Y Hải Phòng về việc quy định xây dựng, phát triển, thẩm định và ban hành chương trình đào tạo của Trường Đại học Y Dược Hải Phòng;

Căn cứ Nghị quyết số 45/NQ-HĐT- YDHP ngày 20/4/2022 của Hội đồng trường Trường Đại học Y Dược Hải Phòng về việc thông qua Báo cáo kết quả thực hiện Nghị quyết quý I năm 2022 của Trường Đại học Y Dược Hải Phòng;

Căn cứ quyết định số 1499/QĐ-TTg ngày 15/10/2021 của Trường Đại học Y Hải Phòng về việc quy định xây dựng, phát triển, thẩm định và ban hành chương trình đào tạo của Trường Đại học Y Dược Hải Phòng;

Căn cứ quyết định số 1621/QĐ-YDHP ngày 14/9/2022 của Trường Đại học Y Hải Phòng về việc ban hành chuẩn đầu ra đào tạo trình độ thạc sĩ ngành Điều dưỡng;

Theo đề nghị của Ông: Trưởng phòng Quản lý đào tạo Sau đại học và Trường Khoa Điều dưỡng.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1: Ban hành kèm theo Quyết định này Chương trình đào tạo trình độ thạc sĩ, ngành Điều dưỡng Mã số: 8720301.

Điều 2: Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3: Các Ông (Bà) Trưởng phòng: Quản lý đào tạo sau đại học, Trưởng khoa Điều dưỡng và các bộ môn liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- Bộ GD&ĐT; Bộ Y tế (đề b/c);
- Lưu QLĐTSDH; VT.

HIỆU TRƯỞNG



HIỆU TRƯỞNG

PGS. TS. Nguyễn Văn Khải

**IV. THẨM ĐỊNH QUY TRÌNH,
HỒ SƠ MỞ MÃ NGÀNH ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ
THẠC SĨ**



CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

**BIÊN BẢN HỌP HỘI ĐỒNG KHOA HỌC VÀ ĐÀO TẠO VỀ QUY TRÌNH,
HỒ SƠ MỞ MÃ NGÀNH ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ THẠC SĨ**

Ngành: Điều dưỡng

Mã số: 8720301

Hội đồng Khoa học-Đào tạo trường Đại học Y Dược Hải Phòng, tiến hành họp
thẩm định quy trình, hồ sơ mở mã ngành đào tạo trình độ Thạc sĩ ngành đào tạo Điều
dưỡng

I. THÔNG TIN CHUNG:

1. Thời gian: 15h30, ngày 30 tháng 09 năm 2022
2. Địa điểm: Phòng Hội thảo quốc tế, tầng 3 trường ĐHYDHP
3. Chủ trì: GS.TS. Phạm Văn Thức - Chủ tịch Hội đồng Khoa học và Đào tạo
- Thư ký Hội đồng : PGS.TS. Đặng Văn Chức - Trưởng phòng QLKH
- Thư ký hành chính: CN. Đồng Thị Phương Thuý - Phòng QLKH

Thành phần dự họp:

- Hội đồng Khoa học và Đào tạo có mặt: 08/09
 1. GS.TS. Phạm Văn Thức
 2. PGS.TS. Nguyễn Văn Hùng
 3. PGS.TS. Phạm Văn Hán
 4. PGS.TS. Trần Quang Phục
 5. PGS.TS. Đặng Văn Chức
 6. PGS.TS. Đinh Văn Thức
 7. PGS.TS. Phạm Văn Duyệt
 8. TS. Nguyễn Hải Ninh
- Vắng mặt: 01/09
 1. PGS.TS. Vũ Văn Tâm
- Phòng Quản lý khoa học:
 - PGS.TS. Đặng Văn Chức - Trưởng phòng QLKH, Ủy viên thư ký HĐKHĐT
- Phòng Đào tạo Sau đại học :
 - TS. Phạm Thanh Hải - Phó Trưởng phòng
- Khoa Điều dưỡng:
 - TS. Phạm Thị Thư - Phó Trưởng Khoa Điều dưỡng
 - TS. Nguyễn Thị Thu Hương và các Thầy/Cô giảng viên Khoa



II. CÁC HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG

1. Tuyên bố lý do, giới thiệu đại biểu và nội dung buổi họp: PGS.TS. Đặng Văn Chức - Thư ký Hội đồng - Trưởng phòng Quản lý khoa học

2. Chủ tịch Hội đồng Khoa học- Đào tạo điều hành buổi họp

2.1. Thư ký Hội đồng giới thiệu chương trình đào tạo rà soát, thông qua trong phiên họp

2.2. Đại diện Khoa Điều dưỡng - TS. Nguyễn Thị Thu Hương trình bày tóm tắt về quy trình, hồ sơ mở mã ngành đào tạo trình độ thạc sĩ ngành Điều dưỡng.

3. Các thành viên trong Hội đồng nhận xét và đặt câu hỏi:

PGS.TS. Trần Quang Phục:

- Chứng chỉ môn liên quan cơ sở là chứng chỉ nào?
- Toán tin ứng dụng phải là thống kê y sinh
- Kế hoạch đào tạo không có môn liên quan và nên đề hướng ứng dụng, hướng nghiên cứu chưa phù hợp

Kết luận: Thông qua chương trình và hồ sơ mở mã ngành đào tạo Điều dưỡng trình độ Thạc sĩ

PGS.TS. Đinh Văn Thức :

- Nên định hướng chương trình đào tạo theo định hướng ứng dụng

Kết luận: Hồ sơ mở mã ngành đào tạo Thạc sĩ Điều dưỡng đã đạt yêu cầu theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo. Chương trình đào tạo và điều kiện đảm bảo chất lượng đã được hội đồng thẩm định chương trình đào tạo thông qua.

PGS.TS. Phạm Văn Duyệt:

- Hồ sơ, quy trình đạt yêu cầu mở mã ngành đào tạo Điều dưỡng trình độ Thạc sĩ

Kết luận: Thông qua hồ sơ, quy trình và chương trình đào tạo

PGS.TS. Đặng Văn Chức :

- Đội ngũ giảng viên, cán bộ khoa đáp ứng được điều kiện mở mã ngành đào tạo Điều dưỡng trình độ Thạc sĩ theo yêu cầu của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Kết luận: Thông qua chương trình và hồ sơ mở mã ngành đào tạo Điều dưỡng trình độ Thạc sĩ.

PGS.TS. Phạm Văn Hán:

- Cơ sở vật chất, trang thiết bị phục vụ thí nghiệm, thực hành, thực tập đáp ứng điều kiện mở ngành đào tạo Điều dưỡng trình độ Thạc sĩ đạt yêu cầu

Kết luận: Thông qua hồ sơ, quy trình và chương trình đào tạo

GS. TS. Phạm Văn Thức (chủ tịch Hội đồng):

- Chương trình đạt yêu cầu theo Quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo

Kết luận: Thông qua hồ sơ, quy trình mở mã ngành đào tạo Điều dưỡng trình độ ThS